

SỞ Y TẾ KIÊN GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ KIÊN HẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 337/TTYT-KHNV&ĐD

Kiên Hải, ngày 31 tháng 12 năm 2024

V/v cập nhật quy định về các chất sử dụng trong mỹ phẩm.

Kính gửi:

- Các Trạm Y tế xã trực thuộc Trung tâm Y tế Kiên Hải;
 - Các cơ sở kinh doanh mỹ phẩm trên địa bàn huyện.
- (Sau đây gọi là các đơn vị)

Thực hiện Công văn số 4955/SYT-NVD ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang Triển khai về việc cập nhật quy định về các chất sử dụng trong mỹ phẩm(đính kèm).

Trung tâm Y tế huyện Kiên Hải, đề nghị lãnh đạo các đơn vị căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện tốt nội dung Công văn số 4955/SYT-NVD ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Sở Y tế Kiên Giang như sau:

1. Chủ động rà soát thành phần công thức sản phẩm mỹ phẩm được sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh.

2. Có kế hoạch sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh phù hợp, bảo đảm sản phẩm mỹ phẩm đưa ra lưu hành đáp ứng quy định tại Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý mỹ phẩm, Hiệp định mỹ phẩm ASEAN, các nội dung cập nhật Hiệp định mỹ phẩm ASEAN được nêu tại Công văn 4086/QLD-MP và các văn bản cập nhật quy định về các chất dùng trong mỹ phẩm của Cục quản lý Dược, tránh nguy cơ sản phẩm bị thu hồi gây lãng phí.

Trung tâm Y tế Kiên Hải thông báo đến các đơn vị được biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- P.KH-NV&ĐD;
- Lưu: VT, DS.Thom.

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Kh

Khà Hoàng Khanh

Số: 4955 /SYT-NVD
V/v cập nhật quy định về các chất sử
dụng trong mỹ phẩm

Kiên Giang, ngày 30 tháng 12 năm 2024

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Y tế;
- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, sử dụng mỹ phẩm trên địa bàn tỉnh.

(Sau đây gọi tắt là các đơn vị)

Thực hiện Công văn số 4086/QLD-MP ngày 23/12/2024 của Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế về việc cập nhật quy định về các chất sử dụng trong mỹ phẩm (đính kèm),

Sở Y tế đề nghị các đơn vị thực hiện các nội dung sau:

1. Chủ động rà soát thành phần công thức sản phẩm mỹ phẩm được sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh.

2. Có kế hoạch sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh phù hợp, bảo đảm sản phẩm mỹ phẩm đưa ra lưu hành đáp ứng quy định tại Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý mỹ phẩm, Hiệp định mỹ phẩm ASEAN, các nội dung cập nhật Hiệp định mỹ phẩm ASEAN được nêu tại Công văn 4086/QLD-MP và các văn bản cập nhật quy định về các chất dùng trong mỹ phẩm của Cục Quản lý Dược, tránh nguy cơ sản phẩm bị thu hồi gây lãng phí.

Sở Y tế thông báo đến các đơn vị được biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD và các PGD SYT;
- UBND huyện, thành phố (để phối hợp);
- Phòng Y tế Phú Quốc (để phối hợp);
- Trang TTĐT SYT;
- Trang VPĐT SYT;
- NVD;
- Lưu: VT, ntqtram.

GIÁM ĐỐC



Hồ Văn Dũng



Ký bởi: CỤC QUẢN
LÝ DƯỢC
Cơ quan: BỘ Y TẾ
Ngày ký: 23-12-
2024 16:07:51
+07:00

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4086 /QLD-MP
V/v cập nhật quy định về các
chất sử dụng trong mỹ phẩm

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2024

Kính gửi:

- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh mỹ phẩm
(Sau đây gọi tắt là các Đơn vị).

Triển khai thực hiện Hiệp định Mỹ phẩm ASEAN và quy định tại Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý mỹ phẩm, căn cứ kết quả các cuộc họp Hội đồng Mỹ phẩm ASEAN (ACC) lần thứ 40 và Hội đồng Khoa học mỹ phẩm ASEAN (ACSB) lần thứ 40, Cục Quản lý Dược thông báo đến các Đơn vị như sau:

1. Các Phụ lục (Annexes) của Hiệp định Mỹ phẩm ASEAN bao gồm:

- Phụ lục II. Danh mục các chất không được phép sử dụng trong sản phẩm mỹ phẩm;
- Phụ lục III. Danh mục các chất có quy định giới hạn nồng độ, hàm lượng trong sản phẩm mỹ phẩm;
- Phụ lục IV. Danh mục các chất màu được phép dùng trong sản phẩm mỹ phẩm;
- Phụ lục VI. Danh mục các chất bảo quản được phép sử dụng trong sản phẩm mỹ phẩm;
- Phụ lục VII. Danh mục các chất lọc tia tử ngoại trong sản phẩm mỹ phẩm.

2. Thông tin về cập nhật, sửa đổi nội dung tại các Phụ lục của Hiệp định Mỹ phẩm ASEAN cụ thể như sau:

2.1. Tại Phụ lục II. Được cập nhật, sửa đổi nội dung như sau:

2.1.1. Tham chiếu số A1137 (Theophylline): cập nhật tên chất “Theophylline; 1,3-dimethyl-3,7-dihydro-1H-purine-2,6-dione”.

2.1.2. Tham chiếu số 46: bổ sung chất Barium Peroxide (and Barium Peroxide).

Ngày áp dụng tại Việt Nam: Kể từ ngày 19/11/2025.

2.1.3. Bổ sung 24 số tham chiếu (24 chất) sau:

Số tham chiếu (Ref. No)	Tên chất (Substances)	Số CAS (CAS Number)
1695	Ammonium bromide	12124-97-9
1696	Dibutyltin bis(2-ethylhexanoate)	2781-10-4
1697	Dibutyltin di(acetate)	1067-33-0
1698	Tellurium dioxide	7446-07-3
1699	Barium diboron tetraoxide	13701-59-2
1700	2,2-dimethylpropan-1-ol,tribromo derivative; 3-bromo-2,2-bis(bromomethyl)propan-1-ol	36483-57-5 / 1522-92-5
1701	2,4,6-tri-tert-butylphenol	732-26-3
1702	4,4'-sulphonyldiphenol; bisphenol S	80-09-1
1704	Quinoclamine (ISO); 2-amino-3-chloro-1,4-naphthoquinone	2797-51-5
1705	Perfluoroheptanoic acid; tridecafluoroheptanoic acid	375-85-9
1706	methyl <i>N</i> -(isopropoxycarbonyl)- <i>L</i> -valyl-(3 <i>RS</i>)-3-(4-chlorophenyl)- β -alaninate; valifenalate	283159-90-0
1707	6-[C12-18-alkyl-(branched, unsaturated)-2,5-dioxopyrrolidin-1-yl]hexanoic acid, sodium and tris(2-hydroxyethyl)ammonium salts	-
1708	6-[(C10-C13)-alkyl-(branched, unsaturated)-2,5-dioxopyrrolidin-1-yl]hexanoic acid	2156592-54-8
1709	6-[C12-18-alkyl-(branched, unsaturated)-2,5-dioxopyrrolidin-1-yl]hexanoic acid	-
1710	1,3,5-triazine-2,4,6-triamine; melamine	108-78-1
1711	Fluopicolide (ISO); 2,6-dichloro- <i>N</i> -[3-chloro-5-(trifluoromethyl)-2-pyridylmethyl]benzamide	607-285-6
1712	<i>N</i> -(2-nitrophenyl)phosphoric triamide	874819-71-3
1713	<i>N</i> -(5-chloro-2-isopropylbenzyl)- <i>N</i> -cyclopropyl-3-(difluoromethyl)-5-fluoro-1-methyl-1 <i>H</i> -pyrazole-4-carboxamide; isoflucypram	1255734-28-1
1714	Reaction mass of 3-(difluoromethyl)-1-methyl- <i>N</i> - [(1 <i>RS</i> ,4 <i>SR</i> ,9 <i>RS</i>)-1,2,3,4-tetrahydro-9-isopropyl-1,4-methanonaphthalen-5-yl]pyrazole-4-carboxamide and 3-(difluoromethyl)-1-methyl- <i>N</i> -[(1 <i>RS</i> ,4 <i>SR</i> ,9 <i>SR</i>)-1,2,3,4-tetrahydro-9-isopropyl-1,4-methanonaphthalen-5-yl]pyrazole-4-carboxamide [≥ 78 % syn isomers ≤ 15 % anti isomers relative content]; isopyrazam	881685-58-1
1715	Cumene	98-82-8
1716	Pentapotassium 2,2',2'',2''',2''''-(ethane-1,2-diylnitrilo) pentaacetate	7216-95-7
1718	Acetamiprid (ISO); (1 <i>E</i>)- <i>N</i> -[(6-chloropyridin-3-yl)methyl]- <i>N'</i> -cyano- <i>N</i> -methylethanimidamide; (E)- <i>N</i> 1-[(6-chloro-3-pyridyl) methyl]- <i>N</i> 2-cyano- <i>N</i> 1-methylacetamidine	135410-20-7 / 160430-64-8
1719	Pendimethalin (ISO); <i>N</i> -(1-ethylpropyl)-2,6-dinitro-3,4-xylidene	40487-42-1
1720	Bentazone (ISO); 3-isopropyl-2,1,3-benzothiadiazine-4-one-2,2-dioxide	25057-89-0

Ngày áp dụng: Kể từ ngày ký Công văn này.

2.1.4. Bổ sung tham chiếu số 1703 (Benzophenone, Except Thailand) và tham chiếu số 1717 (N-Carboxymethyliminobis(ethylenenitrilo)tetra(acetic acid); Axit Pentetic (INCI), Except Thailand).

Ngày áp dụng: Kể từ ngày 19/11/2026.

2.2. Tại Phụ lục III. Được cập nhật, sửa đổi như sau:

- Bổ sung tham chiếu số 342 (2,6-Di-Tert-Butyl-4-Methylphenol; Butylated Hydroxytoluene, CAS No. 128-37-0) với giới hạn nồng độ tối đa được

phép sử dụng: 0,001% trong nước súc miệng, 0,1% trong kem đánh răng và 1% trong các sản phẩm lưu lại và rửa trôi khác.

Ngày áp dụng: Kể từ ngày 19/11/2026.

2.3. Tại Phụ lục IV. Danh mục các chất màu được phép dùng trong sản phẩm mỹ phẩm: Không có cập nhật, sửa đổi nội dung.

2.4. Tại Phụ lục VI. Danh mục các chất bảo quản được phép sử dụng trong sản phẩm mỹ phẩm: Không có cập nhật, sửa đổi nội dung.

2.5. Tại Phụ lục VII: Được cập nhật, sửa đổi nội dung như sau:

- Số tham chiếu 3 (Homosalate (INN), CAS No. 118-56-9): giới hạn nồng độ tối đa được phép sử dụng 7,34% đối với các sản phẩm dành cho mặt ngoại trừ các sản phẩm dạng xịt (Face products with the exception of propellent spray products).

Ngày áp dụng: Kể từ ngày 19/11/2027.

2.6. Lộ trình áp dụng:

Kể từ ngày áp dụng nêu tại Công văn này, chỉ các sản phẩm mỹ phẩm đáp ứng quy định mới được lưu hành trên thị trường, các sản phẩm mỹ phẩm không đáp ứng quy định sẽ bị thu hồi.

3. Đề nghị các cơ sở sản xuất, kinh doanh mỹ phẩm:

- Chủ động rà soát thành phần công thức sản phẩm mỹ phẩm được sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh;

- Có kế hoạch sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh phù hợp, bảo đảm sản phẩm mỹ phẩm đưa ra lưu hành đáp ứng quy định tại Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý mỹ phẩm, Hiệp định Mỹ phẩm ASEAN, các nội dung cập nhật Hiệp định Mỹ phẩm ASEAN được nêu tại Công văn này và các công văn cập nhật quy định về các chất dùng trong mỹ phẩm của Cục Quản lý Dược; tránh nguy cơ sản phẩm bị thu hồi, gây lãng phí.

4. Đề nghị Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phổ biến đến các đơn vị trên địa bàn biết và triển khai thực hiện các nội dung nêu tại Mục 1, 2 và 3 Công văn này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Đỗ Xuân Tuyên (đề b/c);
- Cục trưởng (đề b/c);
- Các Phó Cục trưởng (đề p/h);
- Thanh tra Bộ (đề p/h);
- Viện KNT TW, Viện KNT TP. HCM;
- Website Cục QLD;
- Lưu: VT, MP (MH).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Tạ Mạnh Hùng

ANNEXES OF THE ASEAN COSMETIC DIRECTIVE

Annex II Part 1:

List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Annex III – Part 1

List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Annex III – Part 2

List of substances provisionally allowed

Annex IV – Part 1

List of colouring agents allowed for use in cosmetic products

Annex VI

List of preservatives allowed

Annex VII

List of permitted UV filters which cosmetic products may contain

Annex II Part 1

List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Aminophylline	317-34-0	A1136
Theophylline; 1,3-dimethyl-3,7-dihydro-1H-purine-2,6-dione	58-55-9	A1137
Methylene chloride (Dichloromethane)	75-09-2	A1138
Chlorofluorocarbons	-	A1139
Diethylene glycol (except if it is present as unavoidable trace limit of 0.1% in finished product)	111-46-6	A1140
Azelaic acid	123-99-9	A1141
Bimatoprost	155206-00-1	A1142
Silver Nitrate	7761-88-8	A1143
N,N-diethyl-m-toluamide/Diethyltoluamide (DEET)	134-62-3, 26545-51-7	A1144
N-5-Chlorobenzoxazol-2-ylacetamide	35783-57-4	1
2-Acetoxyethyltrimethylammonium hydroxide (acetylcholine) and its salts	51-84-3/2260-50-6/927-86-6/66-23-9/60-31-1	2
Deanol aceglumate (INN)	3342-61-8	3
Spironolactone (INN)	52-01-7	4
[4-(4-Hydroxy-3-iodophenoxy)-3,5-diiodophenyl] acetic acid and its salts	51-24-1	5
Methotrexate (INN)	59-05-2	6
Aminocaproic acid (INN) and its salts	60-32-2	7
Cinchophen (INN), its salts, derivatives and salts of these derivatives	132-60-5	8
Thyropropic acid (INN) and its salts	51-26-3	9
Trichloroacetic acid	76-03-9	10
Aconitum napellus L. (leaves, roots and galenical preparations)	84603-50-9	11
Aconitine (principal alkaloid of Aconitum napellus L.) and its salts	302-27-2	12
Adonis vernalis L. and its preparations	84649-73-0	13

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Epinephrine (INN)	51-43-4	14
Rauwolfia serpentina alkaloids and their salts	90106-13-1	15
Alkyne alcohols, their esters, ethers and salts	927-74-2/107-19-7	16
Isoprenaline (INN)	7683-59-2	17
Allyl isothiocyanate	57-06-7	18
Alloclamide (INN) and its salts	5486-77-1	19
Nalorphine (INN), its salts and ethers	62-67-9	20
Sympathomimetic amines acting on the central nervous system as defined in ASEAN member States (AMS) local law(s) or regulation(s)	300-62-9	21
Aniline, its salts and its halogenated and sulphonated derivatives	62-53-3	22
Betoxycaine (INN) and its salts	3818-62-0	23
Zoxazolamine (INN)	61-80-3	24
Procainamide (INN), its salts and derivatives	51-06-9	25
Benzidine	92-87-5	26
Tuaminoheptane (INN), its isomers and salts	123-82-0	27
Octodrine (INN) and its salts	543-82-8	28
2-Amino-1,2-bis(4-methoxyphenyl)ethanol and its salts	5934-19-0	29
1,3-dimethylpentylamine and its salts	105-41-9	30
4-Aminosalicylic acid and its salts	65-49-6	31
Toluidines, their isomers, salts and halogenated and sulphonated derivatives	26915-12-8	32
Xylidines, their isomers, salts and halogenated and sulphonated derivatives	87-62-7/1300-73-8/95-68-1	33
Imperatorin (9-(3-methylbut-2-enyloxy) furo(3,2-g) chromen-7-one)	482-44-0	34
Ammi majus and its galenical preparations)	90320-46-0	35
2,3-Dichloro-2-methylbutane	507-45-9	36
Substances with androgenic effect	-	37
Anthracene oil	90640-80-5	38
Antibiotics	-	39
Antimony and its compounds	7440-36-0	40
Apocynum cannabinum L. and its preparations	84603-51-0	41
Apomorphine ((R)-5,6,6a,7-tetrahydro-6-methyl-4H-dibenzo [de,g]-quinoline-10,11-diol) and its salts	58-00-4/314-19-2/41372-20-7	42
Arsenic and its compounds	7440-38-2	43

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Atropa belladonna L. and its preparations	8007-93-0	44
Atropine, its salts and derivatives	51-55-8	45
Barium salts and Barium Peroxide, with the exception of barium sulphide under the condition laid down in Annex III part 1 reference # 23, and the barium sulphate, lakes, salts, and pigments prepared from colouring agents listed in Annex IV	7440-39-3	46
Benzene	71-43-2	47
Benzimidazol-2(3H)-one	615-16-7	48
Benzazepines and benzodiazepines	12794-10-4	49
1-Dimethylaminomethyl- 1-methylpropyl benzoate (amylocaine) and its salts	644-26-8	50
2,2,6-Trimethyl-4-piperidyl benzoate (benzamine) and its salts	500-34-5	51
Isocarboxazid (INN)	59-63-2	52
Bendroflumethiazide (INN) and its derivatives	73-48-3	53
Beryllium and its compounds	7440-41-7	54
Bromine, elemental	7726-95-6	55
Bretylum tosilate (INN)	61-75-6	56
Carbromal (INN)	77-65-6	57
Bromisoval (INN)	496-67-3	58
Brompheniramine (INN) and its salts	86-22-6	59
Benzilium bromide (INN)	1050-48-2	60
Tetrylammonium bromide (INN)	71-91-0	61
Brucine	357-57-3	62
Tetracaine (INN) and its salts	94-24-6	63
Mofebutazone (INN)	2210-63-1	64
Tolbutamide (INN)	64-77-7	65
Carbutamide (INN)	339-43-5	66
Phenylbutazone (INN)	50-33-9	67
Cadmium and its compounds	7440-43-9	68
Cantharides, Cantharis vesicatoria	92457-17-5	69
(1R,2S)-Hexahydro-1,2-dimethyl-3,6-epoxyphthalic anhydride (cantharidin)	56-25-7	70
Phenprobamate (INN)	673-31-4	71
Nitroderivatives of carbazole	-	72
Carbon disulphide	75-15-0	73
Catalase	9001-05-2	74
Cephaeline and its salts	483-17-0	75
Chenopodium ambrosioides (essential oil)	8006-99-3	76
2,2,2-Trichloroethane-1,1-diol	302-17-0	77

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Chlorine	7782-50-5	78
Chlorpropamide (INN)	94-20-2	79
Diphenoxylate (INN) hydrochloride	3810-80-8	80
4-Phenylazophenylene-1,3-diamine citrate hydrochloride (Chrysoidine citrate hydrochloride)	5909-04-6	81
Chlorzoxazone (INN)	95-25-0	82
2-Chloro-6-methylpyrimidin-4-yl dimethylamine; (crimidine-ISO)	535-89-7	83
Chlorprothixene (INN) and its salts	113-59-7	84
Clofenamide (INN)	671-95-4	85
N,N-bis (2-Chloroethyl)methylamine N-oxide and its salts	126-85-2	86
Chlormethine (INN) and its salts	51-75-2	87
Cyclophosphamide (INN) and its salts	50-18-0	88
Mannomustine (INN) and its salts	576-68-1	89
Butanilcaine (INN) and its salts	3785-21-5	90
Chlormezanone (INN)	80-77-3	91
Triparanol (INN)	78-41-1	92
2-[2-(4-Chlorophenyl)-2-phenylacetyl] indan 1,3-dione (chlorophacinone-ISO)	3691-35-8	93
Chlorphenoxamine (INN)	77-38-3	94
Phenaglycodol (INN)	79-93-6	95
Chloroethane	75-00-3	96
Chromium; chromic acid and its salts	7440-47-3	97
Claviceps purpurea Tul., its alkaloids and galenical preparations	84775-56-4	98
Conium maculatum L. (fruit, powder, galenical preparations)	85116-75-2	99
Glycyclamide (INN)	664-95-9	100
Cobalt benzenesulphonate	23384-69-2	101
Colchicine, its salts and derivatives	64-86-8	102
Colchicoside and its derivatives	477-29-2	103
Colchicum autumnale L. and its galenical preparations	84696-03-7	104
Convallatoxin	508-75-8	105
Anamirta cocculus L. (fruit)	-	106
Croton tiglium (oil)	8001-28-3	107
1-Butyl-3-(N-crotonoylsulphanilyl)urea	52964-42-8	108
Curare and curarine	8063-06-7/22260-42-0	109
Synthetic curarizants	-	110
Hydrogen cyanide and its salts	74-90-8	111
2-alpha-Cyclohexylbenzyl(N,N,N',N'-tetraethyl)trimethylenediamine (phenetamine)	3590-16-7	112

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Cyclomenol (INN) and its salts	5591-47-9	113
Sodium hexacyclonate (INN)	7009-49-6	114
Hexapropymate (INN)	358-52-1	115
Dextropropoxyphene (INN)	469-62-5	116
O,O'-Diacetyl-N-allyl-N-normorphine; Diacetylinalorphine	2748-74-5	117
Pipazetate (INN) and its salts	2167-85-3	118
5-(alpha, beta-Dibromophenethyl)-5-methylhydantoin	511-75-1	119
N,N'-Pentamethylenebis(trimethylammonium) salts, e.g. pentamethonium bromide (INN)	541-20-8	120
N,N'-[(Methylimino)diethylene]bis(ethyl dimethylammonium) salts, e.g. azamethonium bromide (INN)	306-53-6	121
Cyclarbamate (INN)	5779-54-4	122
Clofenotane (INN); DDT (ISO)	50-29-3	123
N,N'-Hexamethylenebis (trimethylammonium) salts, e.g. hexamethonium bromide (INN)	55-97-0	124
Dichloroethanes (ethylene chlorides)	107-06-2	125
Dichloroethylenes (acetylene chlorides)	75-35-4	126
Lysergide (INN) and its salts	50-37-3	127
2-Diethylaminoethyl 3-hydroxy-4-phenylbenzoate and its salts	3572-52-9	128
Cinchocaine (INN) and its salts	85-79-0	129
3-Diethylaminopropyl cinnamate	538-66-9	130
O,O'-Diethyl-O-4-nitrophenyl phosphorothioate (parathion-ISO)	56-38-2	131
[Oxalylbis(iminoethylene)] bis[(o-chlorobenzyl) diethylammonium] salts, e.g. ambenonium chloride (INN)	115-79-7	132
Methyprylon (INN) and its salts	125-64-4	133
Digitaline and all heterosides of Digitalis purpurea L.	752-61-4	134
7-[2-Hydroxy-3-(N-(2-hydroxyethyl)-N-methylamino)propyl] theophylline; (xanthinol)	2530-97-4	135
Dioxethedrin (INN) and its salts	497-75-6	136
Piprocuarium iodide (INN)	3562-55-8	137
Propyphenazone (INN)	479-92-5	138
Tetrabenazine (INN) and its salts	58-46-8	139
Captodiame (INN)	486-17-9	140
Mefeclozazine (INN) and its salts	1243-33-0	141
Dimethylamine	124-40-3	142
1,1-Bis (dimethylaminomethyl)propyl benzoate (amydricine, alypine) and its salts	963-07-5	143
Methapyrilene (INN) and its salts	91-80-5	144
Metamfepramone (INN) and its salts	15351-09-4	145

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Amitriptyline (INN) and its salts	50-48-6	146
Metformin (INN) and its salts	657-24-9	147
Isosorbide dinitrate (INN)	87-33-2	148
Malononitrile	109-77-3	149
Succinonitrile	110-61-2	150
Dinitrophenol isomers	51-28-5/329-71-5/573-56-8/25550-58-7	151
Inproquone (INN)	436-40-8	152
Dimevamide (INN) and its salts	60-46-8	153
Diphenylpyraline (INN) and its salts	147-20-6	154
Sulfinpyrazone (INN)	57-96-5	155
N-(3-Carbamoyl-3,3-diphenylpropyl)-N,N-diisopropylmethylammonium salts, e.g. isopropamide iodide (INN)	71-81-8	156
Benactyzine (INN)	302-40-9	157
Benzatropine (INN) and its salts	86-13-5	158
Cyclizine (INN) and its salts	82-92-8	159
5,5-Diphenyl-4-imidazolidone	3254-93-1	160
Probenecid (INN)	57-66-9	161
Disulfiram (INN); thiram (ISO)	97-77-8 / 137-26-8	162
Emetine, its salts and derivatives	483-18-1	163
Ephedrine and its salts	299-42-3	164
Oxanamide (INN) and its derivatives	126-93-2	165
Eserine or physostigmine and its salts	57-47-6	166
4-Aminobenzoic acid and its esters, with the free amino group	94-09-7/619-45-4/59-46-1/136-44-7/150-13-0/149-15-5	167
Choline salts and their esters, e.g. choline chloride (INN)	67-48-1	168
Caramiphen (INN) and its salts	77-22-5	169
Diethyl 4-nitrophenyl phosphate	311-45-5	170
Metethoheptazine (INN) and its salts	509-84-2	171
Oxpheneridine (INN) and its salts	546-32-7	172
Ethoheptazine (INN) and its salts	77-15-6	173
Metheptazine (INN) and its salts	469-78-3	174
Methylphenidate (INN) and its salts	113-45-1	175
Doxylamine (INN) and its salts	469-21-6	176

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Tolboxane (INN)	2430-46-8	177
4-Benzyloxyphenol and 4-ethoxyphenol	103-16-2 / 622-62-8	178
Parethoxycaine (INN) and its salts	94-23-5	179
Fenozolone (INN)	15302-16-6	180
Glutethimide (INN) and its salts	77-21-4	181
Ethylene oxide	75-21-8	182
Bemegrade (INN) and its salts	64-65-3	183
Valnoctamide (INN)	4171-13-5	184
Haloperidol (INN)	52-86-8	185
Paramethasone (INN)	53-33-8	186
Fluanisone (INN)	1480-19-9	187
Trifluperidol (INN)	749-13-3	188
Fluoresone (INN)	2924-67-6	189
Fluorouracil (INN)	51-21-8	190
Hydrofluoric acid, its normal salts, its complexes and hydrofluorides with the exception of those given in Annex III, part 1	7664-39-3	191
Furfuryltrimethyl ammonium salts, e.g. furtrethonium iodide (INN)	541-64-0	192
Galantamine (INN)	357-70-0	193
Progestogens	-	194
1,2,3,4,5,6-Hexachlorocyclohexane (BHC-ISO)	58-89-9	195
(1R,4S,5R,8S)-1,2,3,4,10,10-Hexachloro-6,7-epoxy-1,4,4a,5,6,7,8,8a-octahydro-1,4:5,8-dimethanonaphthalene (endrin-ISO)	72-20-8	196
Hexachloroethane	67-72-1	197
(1R,4S,5R,8S)-1,2,3,4,10,10-Hexachloro-1,4,4a,5,8,8a-hexahydro-1,4:5,8-dimethanonaphthalene (Isodrin-ISO)	465-73-6	198
Hydrastine, hydrastinine and their salts	118-08-1 / 6592-85-4	199
Hydrazides and their salts	54-85-3/1071- 93-8 / 123-33-1	200
Hydrazine, its derivatives and their salts	302-01-2	201
Octamoxin (INN) and its salts	4684-87-1	202
Warfarin (INN) and its salts	81-81-2	203
Ethyl bis(4-hydroxy-2-oxo-1-benzopyran-3-yl) acetate and salts of the acid	548-00-5	204
Methocarbamol (INN)	532-03-6	205
Propatylnitrate (INN)	2921-92-8	206
4,4'-Dihydroxy-3,3'-(3-methylthiopropylidene) dicoumarin	-	207

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Fenadiazole (INN)	1008-65-7	208
Nitroxoline (INN) and its salts	4008-48-4	209
Hyoscyamine, its salts and derivatives	101-31-5	210
Hyoscyamus niger L. (leaves, seeds, powder and galenical preparations)	84603-65-6	211
Pemoline (INN) and its salts	2152-34-3	212
Iodine	7553-56-2	213
Decamethylenebis (trimethylammonium) salts, e.g. decamethonium bromide (INN)	156-74-1/ 541-22-0 / 1420-40-2 / 3198-38-7	214
Ipecacuanha (Cephaelis ipecacuanha Brot. and related species) (roots, powder and galenical preparations)	8012-96-2	215
(2-Isopropylpent-4-enoyl)urea (apronalide)	528-92-7	216
α -Santonin [(3S,5aR,9bS)-3,3a,4,5,5a,9b-hexahydro-3,5a,9-trimethylnaphto [1,2-b] furan-2,8-dione]	481-06-1	217
Lobelia inflata L. and its galenical preparations	84696-23-1	218
Lobeline (INN) and its salts	90-69-7	219
Barbiturates	-	220
Mercury and its compounds	7439-97-6 54-64-8 62-38-4 94-43-9 102-98-7 1192-89-8 100-56-1	221
3,4,5-Trimethoxyphenethylamine and its salts	54-04-6	222
Metaldehyde	9002-91-9	223
2-(4-Allyl-2-methoxyphenoxy)-N,N-diethylacetamide and its salts	305-13-5	224
Coumetarol (INN)	4366-18-1	225
Dextromethorphan (INN) and its salts	125-71-3	226
2-Methylheptylamine (2-(N-methyl)heptylamine) and its salts	540-43-2	227
Isometheptene (INN) and its salts	503-01-5	228
Mecamylamine (INN)	60-40-2	229
Guaifenesin (INN)	93-14-1	230
Dicoumarol (INN)	66-76-2	231
Phenmetrazine (INN), its derivatives and salts	134-49-6	232
Thiamazole (INN)	60-56-0	233
3,4-Dihydro-2-methoxy-2-methyl-4-phenyl-2H,5H,pyrano(3,2-c)-(1) benzopyran-5-one (cyclocoumarol)	518-20-7	234
Carisoprodol (INN)	78-44-4	235
Meprobamate (INN)	57-53-4	236

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Tefazoline (INN) and its salts	1082-56-0	237
Arecoline	63-75-2	238
Poldine metilsulfate (INN)	545-80-2	239
Hydroxyzine (INN)	68-88-2	240
2-Naphthol	135-19-3	241
1-and 2-Naphthylamines and their salts	91-59-8/134-32-7	242
3-(1-Naphthyl)-4-hydroxycoumarin	39923-41-6	243
Naphazoline (INN) and its salts	835-31-4	244
Neostigmine and its salts (e.g. neostigmine bromide (INN))	114-80-7	245
Nicotine and its salts	54-11-5	246
Amyl nitrites	110-46-3	247
Inorganic nitrites, with exception of sodium nitrite	14797-65-0	248
Nitrobenzene	98-95-3	249
Nitrocresols and their alkali metal salts	12167-20-3	250
Nitrofurantoin (INN)	67-20-9	251
Furazolidone (INN)	67-45-8	252
Propane-1,2,3-triyl trinitrate	55-63-0	253
Acenocoumarol (INN)	152-72-7	254
Alkali pentacyanonitrosylferrate (2-)	144202-89-2/ 13755-38-9	255
Nitrostilbenes, their homologues and their derivatives	4003-94-5	256
Noradrenaline and its salts	51-41-2	257
Noscapine (INN) and its salts	128-62-1	258
Guanethidine (INN) and its salts	55-65-2	259
Oestrogens	-	260
Oleandrin	465-16-7	261
Chlortalidone (INN)	77-36-1	262
Pelletierine and its salts	2858-66-4	263
Pentachloroethane	76-01-7	264
Pentaerithryl tetranitrate (INN)	78-11-5	265
Petrichloral (INN)	78-12-6	266
Octamylamine (INN) and its salts	502-59-0	267
Picric acid	88-89-1	268
Phenacemide (INN)	63-98-9	269
Difenclozazine (INN)	5617-26-5	270
2-Phenylindan-1,3-dione (Phenindione)	83-12-5	271
Ethylphenacemide (pheneturide) (INN)	90-49-3	272

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Phenprocoumon (INN)	435-97-2	273
Fenyramidol (INN)	553-69-5	274
Triamterene (INN) and its salts	396-01-0	275
Tetraethyl pyrophosphate; TEPP-(ISO)	107-49-3	276
Tritolyl phosphate	1330-78-5	277
Psilocybine (INN)	520-52-5	278
Phosphorus and metalphosphides	7723-14-0	279
Thalidomide (INN) and its salts	50-35-1	280
Physostigma venenosum Balf.	89958-15-6	281
Picrotoxin	124-87-8	282
Pilocarpine and its salts	92-13-7	283
alpha-Piperidin-2-ylbenzyl acetate laevorotatory threoform (Levophacetoperane) and its salts	24558-01-8	284
Pipradrol (INN) and its salts	467-60-7	285
Azacyclonol (INN) and its salts	115-46-8	286
Bietamiverine (INN)	479-81-2	287
Butopiprine (INN) and its salts	55837-15-5	288
Lead and its compounds	7439-92-1	289
Coniine	458-88-8	290
Prunus laurocerasus L. ('cherry laurel water')	89997-54-6	291
Metyrapone (INN)	54-36-4	292
Radioactive substances, as defined as in ASEAN member States (AMS) local law(s) or regulation(s)	-	293
Juniperus sabina L. (leaves, essential oil and galenical preparations)	90046-04-1	294
Hyoscine, its salts and derivatives	51-34-3	295
Gold salts	-	296
Selenium and its compounds with the exception of selenium disulphide under the conditions set out under reference No 49 in Annex III, Part 1	7782-49-2	297
Solanum nigrum L. and its galenical preparations	84929-77-1	298
Sparteine (INN) and its salts	90-39-1	299
Glucocorticoids	-	300
Datura stramonium L. and its galenical preparations	84696-08-2	301
Strophantines, their aglucones and their respective derivatives	11005-63-3	302
Strophantus species and their galenical preparations	-	303
Strychnine and its salts	57-24-9	304
Strychnos species and their galenical preparations		305
Narcotics, natural and synthetic		306

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Sulphanilamide and its derivatives obtained by substitution of one or more H-atoms of the -NH ₂ groups, and their salts	63-74-1	307
Sultiame (INN)	61-56-3	308
Neodymium and its salts	7440-00-8	309
Thiotepa (INN)	52-24-4	310
Pilocarpus jaborandi Holmes and its galenical preparations	84696-42-4	311
Tellurium and its compounds	13494-80-9	312
Xylometazoline (INN) and its salts	526-36-3	313
Tetrachloroethylene	127-18-4	314
Carbon tetrachloride	56-23-5	315
Hexaethyl tetraphosphate	757-58-4	316
Thallium and its compounds	7440-28-0	317
Thevetia neriifolia Juss., Glycoside extract	90147-54-9	318
Ethionamide (INN)	536-33-4	319
Phenothiazine (INN) and its compounds	92-84-2	320
Thiourea and its derivatives, with the exception of the one listed in Annex III, Part 1	62-56-6	321
Mephenesin (INN) and its esters	59-47-2	322
Vaccines, toxins or serums as defined in ASEAN Member States (AMS) local law(s) or regulation(s)	-	323
Tranlycypromine (INN) and its salts	155-09-9	324
Trichloronitromethane (chloropicrine)	76-06-2	325
2,2,2-Tribromoethanol (tribromoethyl alcohol)	75-80-9	326
Trichlormethine (INN) and its salts <i>*) not limited to the specified CAS number</i>	555-77-1 / 817-09-4/ 6138-32-5 *)	327
Tretamine (INN)	51-18-3	328
Gallamine triethiodide (INN)	65-29-2	329
Urginea scilla Stern. and its galenical preparations	84650-62-4	330
Veratrine, its salts and galenical preparations	8051-02-3	331
Schoenocaulon officinale Lind. (seeds and galenical preparations)	84604-18-2	332
Veratrum Spp. and their preparations	90131-91-2	333
Vinyl chloride monomer	75-01-4	334
Ergocalciferol (INN) and Cholecalciferol (vitamins D ₂ and D ₃)	50-14-6/67-97-0	335
Salts of O-alkyldithiocarbonic acids	140-93-2/140-92-1/1000-90-4	336
Yohimbine and its salts	146-48-5	337

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Dimethyl sulfoxide (INN)	67-68-5	338
Diphenhydramine (INN) and its salts	58-73-1/147-24-0/88637-37-0	339
4-tert-Butylphenol	98-54-4	340
4-tert-Butylpyrocatechol	98-29-3	341
Dihydrotachysterol (INN)	67-96-9	342
Dioxane	123-91-1	343
Morpholine and its salts	110-91-8	344
Pyrethrum album L. and its galenical preparations	-	345
2-[4-Methoxybenzyl-N-(2-pyridyl)amino]ethyl dimethylamine maleate	59-33-6	346
Tripelennamine (INN)	91-81-6	347
Tetrachlorosalicylanilides	7426-07-5	348
Dichlorosalicylanilides	1147-98-4	349
Tetrabromosalicylanilides	-	350
Dibromosalicylanilides	24556-64-7/87-12-7/2577-72-2	351
Bithionol (INN)	97-18-7	352
Thiuram monosulphides	97-74-5	353
Thiuram disulphides	137-26-8	354
Dimethylformamide	68-12-2	355
4-Phenylbut-3-en-2-one	122-57-6	356
Benzoates of 4-hydroxy-3-methoxycinnamyl alcohol except for normal content in natural essences used	-	357
Furocoumarines (e.g. trioxysalen (INN), 8-methoxypsoralen, 5-methoxypsoralen) except for normal content in natural essences used. In sun protection and in bronzing products, furocoumarines shall be below 1mg/kg	66-97-7	358
Oil from the seeds of Laurus nobilis L.	84603-73-6	359
Safrole, except for normal content in the natural essences used and provided the concentration does not exceed: <ul style="list-style-type: none"> ▪ 100 ppm in the finished cosmetic product ▪ 50 ppm in products for dental and oral hygiene, and provided that Safrole is not present in toothpastes intended specifically for children. 	94-59-7	360
5,5'-Di-isopropyl-2,2'-dimethylbiphenyl-4,4'-diyl dihydroiodate	552-22-7	361
3'-Ethyl-5',6',7',8'-tetrahydro-5',5',8',8'-tetramethyl-2'-acetone naphthalene or 7-acetyl-6-ethyl-1,1,4,4-tetramethyl-1,2,3,4-tetrahydronaphthalene	88-29-9	362
o-phenylenediamine and its salts	95-54-5	363

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
4-Methyl-m-phenylenediamine and its salts	95-80-7	364
Aristolochic acid and its salts; Aristolochia spp. and their preparations	475-80-9	365
Chloroform	67-66-3	366
2,3,7,8,-Tetrachlorodibenzo-p-dioxin	1746-01-6	367
2,6-Dimethyl-1,3-dioxan-4-yl acetate (Dimethoxane)	828-00-2	368
Pyrithione sodium (INNM)	3811-73-2	369
N-(Trichloromethylthio)-4-cyclohexene-1,2-dicarboximide (captan)	133-06-2	370
2,2'-Dihydroxy-3,3',5,5',6,6'-hexachlorodiphenylmethane (hexachlorophene)	70-30-4	371
6-(Piperidinyl)-2,4-pyrimidinediamine-3-oxide (minoxidil) and its salts	38304-91-5/16317-69-4	372
3,4',5-Tribromosalicylanilide	87-10-5	373
Phytolacca Spp. and their preparations	65497-07-6/60820-94-2/84961-56-8	374
Tretinoin (INN) (retinoic acid and its salts)	302-79-4	375
1-Methoxy-2,4-diaminobenzene (2,4-Diaminoanisole - CI 76050) and their salts	615-05-4	376
1-Methoxy-2,5-diaminobenzene (2,5-Diaminoanisole) and their salts	5307-02-8	377
Colouring agent CI 12140	3118-97-6	378
Colouring agent CI 26105	85-83-6	379
Colouring agent CI 42555 Colouring agent CI 42555:1 Colouring agent CI 42555:2	548-62-9	380
Amyl 4-dimethylaminobenzoate, mixed isomers (Padimate A (INN))	14779-78-3	381
Entry deleted	-	382
2-Amino-4-nitrophenol	99-57-0	383
2-Amino-5-nitrophenol	121-88-0	384
11alpha-hydroxypregn-4-ene-3,20-dione and its esters	80-75-1/41238-98-6	385
Colouring agent CI 42640	1694-09-3	386
Colouring agent CI 13065	587-98-4	387
Colouring agent CI 42535	8004-87-3	388
Colouring agent CI 61554	17354-14-2	389
Anti-androgens of steroidal structure	-	390
Zirconium and its compounds, with the exception of the substances listed under reference number 50 in Annex III, Part	7440-67-7	391

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
1, and the zirconium lakes, pigments and salts of the colouring agents listed in Annex IV, Part 1		
Entry deleted		392
Acetonitrile	75-05-8	393
Tetrahydrozoline (Tetryzoline) (INN) and its salts	84-22-0	394
Hydroxy-8-quinoline and its sulphate, except for the uses provided for in Annex III, Part 1 No 51	148-24-3	395
Dithio-2,2'-bispyridine-dioxide-1,1' (additive with trihydrated magnesium sulphate) - (pyrithione disulphide + magnesium sulphate)	43143-11-9	396
Colouring agent CI 12075 and its lakes, pigments and salts	3468-63-1	397
Colouring agent CI 45170, Colouring agent CI 45170:1	81-88-9	398
Lidocaine (INN)	137-58-6	399
1,2-Epoxybutane	106-88-7	400
Colouring agent CI 15585	2092-56-0	401
Strontium lactate	29870-99-3	402
Strontium nitrate	10042-76-9	403
Strontium polycarboxylate	-	404
Pramocaine (INN)	140-65-8	405
4-Ethoxy-m-phenylenediamine and its salts	67801-06-3	406
2,4-Diaminophenylethanol and its salts	14572-93-1	407
Catechol	120-80-9	408
Pyrogallol	87-66-1	409
Nitrosamines	64091-91-4/35576-91-1/930-55-2/100-75-4/10595-95-6/59-89-2/621-64-7/924-16-3/55-18-5/1116-54-7/62-75-9	410
Secondary alkyl- and alkanolamines and their salts		411
4-Amino-2-nitrophenol	119-34-6	412
2-Methyl-m-phenylenediamine	823-40-5	413
4-tert-Butyl-3-methoxy-2,6-dinitrotoluene (Musk ambrette)	83-66-9	414
Entry deleted		415
Cells, tissues or products of human origin	-	416
3,3- Bis(4-hydroxyphenyl)phthalide (Phenolphthalein) (INN)	77-09-8	417
3-Imidazol-4-ylacrylic acid and its ethyl ester (Urocanic acid)	104-98-3	418

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Category 1 material and Category 2 material as defined in ASEAN definition of animal products.	-	419
Crude and refined coal tars	8007-45-2	420
1,1,3,3,5,-Pentamethyl-4,6-dinitroindane (Moskene)	116-66-5	421
5-tert-Butyl-1,2,3-trimethyl-4,6-dinitrobenzene (Musk tibetene)	145-39-1	422
Alanroot oil (Inula helenium), when used as a fragrance ingredient.	97676-35-2	423
Benzyl cyanide, when used as a fragrance ingredient.	140-29-4	424
Cyclamen alcohol, when used as a fragrance ingredient.	4756-19-8	425
Diethyl maleate, when used as a fragrance ingredient.	141-05-9	426
Dihydrocoumarin, when used as a fragrance ingredient.	119-84-6	427
2,4-Dihydroxy-3-methylbenzaldehyde, when used as a fragrance ingredient.	6248-20-0	428
3,7-Dimethyl-2-octen-1-ol (6,7-Dihydrogeraniol), when used as a fragrance ingredient.	40607-48-5	429
4,6-Dimethyl-8-tert-butylcoumarin, when used as a fragrance ingredient.	17874-34-9	430
Dimethyl citraconate, when used as a fragrance ingredient.	617-54-9	431
7,11-Dimethyl-4,6,10-dodecatrien-3-one, when used as a fragrance ingredient.	26651-96-7	432
6,10-Dimethyl-3,5,9-undecatrien-2-one, when used as a fragrance ingredient.	141-10-6	433
Diphenylamine, when used as a fragrance ingredient.	122-39-4	434
Ethyl acrylate, when used as a fragrance ingredient.	140-88-5	435
Fig leaf absolute (Ficus carica), when used as a fragrance ingredient.	68916-52-9	436
trans-2-Heptenal, when used as a fragrance ingredient.	18829-55-5	437
trans-2-Hexenal diethyl acetal, when used as a fragrance ingredient.	67746-30-9	438
trans-2-Hexenal dimethyl acetal, when used as a fragrance ingredient.	18318-83-7	439
Hydroabietyl alcohol, when used as a fragrance ingredient.	13393-93-6	440
6-Isopropyl-2-decahydronaphthalenol, when used as a fragrance ingredient.	34131-99-2	441

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
7-Methoxycoumarin, when used as a fragrance ingredient.	531-59-9	442
4-(4-Methoxyphenyl)-3-butene-2-one, when used as a fragrance ingredient.	943-88-4	443
1-(4-Methoxyphenyl)-1-penten-3-one, when used as a fragrance ingredient.	104-27-8	444
Methyl trans-2-butenoate, when used as a fragrance ingredient.	623-43-8	445
7-Methylcoumarin, when used as a fragrance ingredient.	2445-83-2	446
5-Methyl-2,3-hexanedione, when used as a fragrance ingredient.	13706-86-0	447
2-Pentylidenecyclohexanone, when used as a fragrance ingredient.	25677-40-1	448
3,6,10-Trimethyl-3,5,9-undecatrien-2-one, when used as a fragrance ingredient.	1117-41-5	449
Verbena essential oils (<i>Lippia citriodora</i> Kunth.) and derivatives other than absolute (CAS No 8024-12-2), when used as a fragrance ingredient.	8024-12-2	450
Methyleugenol (CAS No 93-15-2) except for normal content in the natural essences used and provided that the concentration does not exceed: (a) 0.01 % in fine fragrance (b) 0.004 % in eau de toilette (c) 0.002 % in fragrance cream (d) 0.001 % in rinse-off products (e) 0.0002 % in other leave-on products and oral hygiene products	93-15-2	451
6-(2-Chloroethyl)-6-(2-methoxyethoxy)-2,5,7,10-tetraoxa-6-silaundecane	37894-46-5	452
Cobalt dichloride	7646-79-9	453
Cobalt sulphate	10124-43-3	454
Nickel monoxide	1313-99-1	455
Dinickel trioxide	1314-06-3	456
Nickel dioxide	12035-36-8	457
Trinickel disulphide	12035-72-2	458
Tetracarbonylnickel	13463-39-3	459
Nickel sulphide	16812-54-7	460
Potassium bromate	7758-01-2	461

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Carbon monoxide	630-08-0	462
Buta-1,3-diene	106-99-0	463
Isobutane, if it contains ≥ 0.1 % w/w Butadiene	75-28-5	464
Butane, if it contains ≥ 0.1 % w/w Butadiene	106-97-8	465
Gases (petroleum), C3-4, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68131-75-9	466
Tail gas (petroleum), catalytic cracked distillate and catalytic cracked naphtha fractionation absorber, if it contains > 0.1 % w/w Butadiene	68307-98-2	467
Tail gas (petroleum), catalytic polymn. naphtha fractionation stabiliser, if it contains > 0.1 % w/w Butadiene	68307-99-3	468
Tail gas (petroleum), catalytic reformed naphtha fractionation stabiliser, hydrogen sulfide-free, if it contains > 0.1 %w/w Butadiene	68308-00-9	469
Tail gas (petroleum), cracked distillate hydrotreater stripper, if it contains > 0.1 % w/w Butadiene	68308-01-0	470
Tail gas (petroleum), gas oil catalytic cracking absorber, if it contains > 0.1 % w/w Butadiene	68308- 03-2	471
Tail gas (petroleum), gas recovery plant, if it contains > 0.1 % w/w Butadiene	68308-04-3	472
Tail gas (petroleum), gas recovery plant deethaniser, if it contains > 0.1 % w/w Butadiene	68308-05-4	473
Tail gas (petroleum), hydrodesulfurised distillate and hydrodesulfurised naphtha fractionator, acid-free, if it contains > 0.1 % w/w Butadiene	68308-06-5	474
Tail gas (petroleum), hydrodesulfurised vacuum gas oil stripper, hydrogen sulfide-free, if it contains > 0.1 % w/w Butadiene	68308-07-6	475
Tail gas (petroleum), isomerised naphtha fractionation stabiliser, if it contains > 0.1 % w/w Butadiene	68308-08-7	476
Tail gas (petroleum), light straight-run naphtha stabiliser, hydrogen sulfide-free, if it contains > 0.1 % w/w Butadiene	68308-09-8	477
Tail gas (petroleum), straight-run distillate hydrodesulfurised, hydrogen sulfide-free, if it contains > 0.1 % w/w Butadiene	68308-10-1	478
Tail gas (petroleum), propane-propylene alkylation feed prep deethaniser, if it contains > 0.1 % w/w Butadiene	68308-11-2	479
Tail gas (petroleum), vacuum gas oil hydrodesulfurised, hydrogen sulfide-free, if it contains > 0.1 % w/w Butadiene	68308-12-3	480

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Gases (petroleum), catalytic cracked overheads, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68409-99-4	481
Alkanes, C1-2, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68475-57-0	482
Alkanes, C2-3, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68475-58-1	483
Alkanes, C3-4, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68475-59-2	484
Alkanes, C4-5, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68475-60-5	485
Fuel-gases, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68476-26-6	486
Fuel gases, crude oil distillates, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68476-29-9	487
Hydrocarbons, C3-4, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68476-40-4	488
Hydrocarbons, C4-5, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68476-42-6	489
Hydrocarbons, C2-4, C3-rich, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68476-49-3	490
Petroleum gases, liquefied, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68476-85-7	491
Petroleum gases, liquefied, sweetened, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68476-86-8	492
Gases (petroleum), C3-4, isobutane-rich, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-33-8	493
Distillates (petroleum), C3-6, piperylene-rich, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-35-0	494
Gases (petroleum), amine system feed, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-65-6	495
Gases (petroleum), benzene unit hydrodesulfuriser off, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-66-7	496
Gases (petroleum), benzene unit recycle, hydrogen-rich, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-67-8	497
Gases (petroleum), blend oil, hydrogen-nitrogen-rich, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-68-9	498
Gases (petroleum), butane splitter overheads, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-69-0	499
Gases (petroleum), C2-3, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-70-3	500
Gases (petroleum), catalytic-cracked gas oil depropaniser bottoms, C4-rich acid-free, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-71-4	501

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Gases (petroleum), catalytic-cracked naphtha debutaniser bottoms, C3-5-rich, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-72-5	502
Gases (petroleum), catalytic cracked naphtha depropaniser overhead, C3-rich acid-free, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-73-6	503
Gases (petroleum), catalytic cracker, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-74-7	504
Gases (petroleum), catalytic cracker, C1-5-rich, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-75-8	505
Gases (petroleum), catalytic polyimd. naphtha stabiliser overhead, C2-4-rich, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-76-9	506
Gases (petroleum), catalytic reformed naphtha stripper overhead, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-77-0	507
Gases (petroleum), catalytic reformer, C1-4-rich, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-79-2	508
Gases (petroleum), C6-8 catalytic reformer recycle, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-80-5	509
Gases (petroleum), C6-8 catalytic reformer, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-81-6	510
Gases (petroleum), C6-8 catalytic reformer recycle, hydrogen-rich, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-82-7	511
Gases (petroleum), C3-5 olefinic-paraffinic alkylation feed, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-83-8	512
Gases (petroleum), C2-return stream, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-84-9	513
Gases (petroleum), C4-rich, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-85-0	514
Gases (petroleum), deethaniser overheads, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-86-1	515
Gases (petroleum), deisobutaniser tower overheads, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-87-2	516
Gases (petroleum), depropaniser dry, propene-rich, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-90-7	517
Gases (petroleum), depropaniser overheads, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-91-8	518
Gases (petroleum), dry sour, gas-concn.-unit-off, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-92-9/ 59231-35-5	519

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Gases (petroleum), gas concn. reabsorber distn., if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-93-0/ 94247-10-6	520
Gases (petroleum), gas recovery plant depropaniser overheads, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-94-1/ 51473-24-6	521
Gases (petroleum), Girbatol unit feed, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-95-2	522
Gases (petroleum), hydrogen absorber off, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-96-3	523
Gases (petroleum), hydrogen-rich, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-97-4/ 59231-33-3	524
Gases (petroleum), hydrotreater blend oil recycle, hydrogen-nitrogen-rich, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-98-5	525
Gases (petroleum), isomerised naphtha fractionator, C4-rich, hydrogen sulphide-free, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68477-99-6	526
Gases (petroleum), recycle, hydrogen-rich, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68478-00-2	527
Gases (petroleum), reformer make-up, hydrogen-rich, if they contain > 0,1 % w/w Butadiene	68478-01-3	528
Gases (petroleum), reforming hydrotreater, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68478-02-4	529
Gases (petroleum), reforming hydrotreater, hydrogen-methane-rich, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68478-03-5	530
Gases (petroleum), reforming hydrotreater make-up, hydrogen-rich, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68478-04-6	531
Gases (petroleum), thermal cracking distn., if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68478-05-7	532
Tail gas (petroleum), catalytic cracked clarified oil and thermal cracked vacuum residue fractionation reflux drum, if it contains > 0.1 % w/w Butadiene	68478-21-7	533
Tail gas (petroleum), catalytic cracked naphtha stabilisation absorber, if it contains > 0.1 % w/w Butadiene	68478-22-8	534
Tail gas (petroleum), catalytic cracker, catalytic reformer and hydrodesulfurised combined fractionater, if it contains > 0.1 % w/w Butadiene	68478-24-0	535
Tail gas (petroleum), catalytic cracker refractionation absorber, if it contains > 0.1 % w/w Butadiene	68478-25-1	536
Tail gas (petroleum), catalytic reformed naphtha fractionation stabiliser, if it contains > 0.1 % w/w Butadiene	68478-26-2	537

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Tail gas (petroleum), catalytic reformed naphtha separator, if it contains > 0.1 % w/w Butadiene	68478-27-3	538
Tail gas (petroleum), catalytic reformed naphtha stabiliser, if it contains > 0.1 % w/w Butadiene	68478-28-4	539
Tail gas (petroleum), cracked distillate hydrotreater separator, if it contains > 0.1 % w/w Butadiene	68478-29-5	540
Tail gas (petroleum), hydrodesulfurised straight-run naphtha separator, if it contains > 0.1 % w/w Butadiene	68478-30-8	541
Tail gas (petroleum), saturate gas plant mixed stream, C4-rich, if it contains > 0.1 % w/w Butadiene	68478-32-0	542
Tail gas (petroleum), saturate gas recovery plant, C1-2-rich, if it contains > 0.1 % w/w Butadiene	68478-33-1	543
Tail gas (petroleum), vacuum residues thermal cracker, if it contains > 0.1 % w/w Butadiene	68478-34-2	544
Hydrocarbons, C3-4-rich, petroleum distillate, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68512-91-4	545
Gases (petroleum), catalytic reformed straight-run naphtha stabiliser overheads, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68513-14-4	546
Gases (petroleum), full-range straight-run naphtha dehexaniser off, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68513-15-5	547
Gases (petroleum), hydrocracking depropaniser off, hydrocarbon-rich, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68513-16-6	548
Gases (petroleum), light straight-run naphtha stabiliser off, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68513-17-7	549
Gases (petroleum), reformer effluent high-pressure flash drum off, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68513-18-8	550
Gases (petroleum), reformer effluent low-pressure flash drum off, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68513-19-9	551
Residues (petroleum), alkylation splitter, C4-rich, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68513-66-6	552
Hydrocarbons, C1-4, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68514-31-8	553
Hydrocarbons, C1-4, sweetened, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68514-36-3	554
Gases (petroleum), oil refinery gas distn. off, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68527-15-1	555
Hydrocarbons, C1-3, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68527-16-2	556

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Hydrocarbons, C1-4, debutaniser fraction, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68527-19-5	557
Gases (petroleum), benzene unit hydrotreater depentaniser overheads, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68602-82-4	558
Gases (petroleum), C1-5, wet, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68602-83-5	559
Gases (petroleum), secondary absorber off, fluidised catalytic cracker overheads fractionator, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68602-84-6	560
Hydrocarbons, C2-4, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68606-25-7	561
Hydrocarbons, C3, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68606-26-8	562
Gases (petroleum), alkylation feed, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68606-27-9	563
Gases (petroleum), depropaniser bottoms fractionation off, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68606-34-8	564
Petroleum products, refinery gases, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68607-11-4	565
Gases (petroleum), hydrocracking low-pressure separator, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68783-06-2	566
Gases (petroleum), refinery blend, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68783-07-3	567
Gases (petroleum), catalytic cracking, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68783-64-2	568
Gases (petroleum), C2-4, sweetened, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68783-65-3	569
Gases (petroleum), refinery, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68814-67-5	570
Gases (petroleum), platformer products separator off, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68814-90-4	571
Gases (petroleum), hydrotreated sour kerosine depentaniser stabiliser off, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68911-58-0	572
Gases (petroleum), hydrotreated sour kerosine flash drum, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68911-59-1	573
Gases (petroleum), crude oil fractionation off, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68918-99-0	574
Gases (petroleum), dehexaniser off, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68919-00-6	575

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Gases (petroleum), distillate unifier desulfurisation stripper off, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68919-01-7	576
Gases (petroleum), fluidised catalytic cracker fractionation off if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68919-02-8	577
Gases (petroleum), fluidised catalytic cracker scrubbing secondary absorber off, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68919-03-9	578
Gases (petroleum), heavy distillate hydrotreater desulfurisation stripper off, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68919-04-0	579
Gases (petroleum), light straight run gasoline fractionation stabiliser off, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68919-05-1	580
Gases (petroleum), naphtha unifier desulfurisation stripper off, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68919-06-2	581
Gases (petroleum), platformer stabiliser off, light ends fractionation, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68919-07-3	582
Gases (petroleum), preflash tower off, crude distn., if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68919-08-4	583
Gases (petroleum), straight-run naphtha catalytic reforming off, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68919-09-5	584
Gases (petroleum), straight-run stabiliser off, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68919-10-8	585
Gases (petroleum), tar stripper off, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68919-11-9	586
Gases (petroleum), unifier stripper off, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68919-12-0	587
Gases (petroleum), fluidised catalytic cracker splitter overheads, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68919-20-0	588
Gases (petroleum), catalytic cracked naphtha debutaniser, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68952-76-1	589
Tail gas (petroleum), catalytic cracked distillate and naphtha stabiliser, if it contains > 0.1 % w/w Butadiene	68952-77-2	590
Tail gas (petroleum), catalytic hydrodesulfurised naphtha separator, if it contains > 0.1 % w/w Butadiene	68952-79-4	591
Tail gas (petroleum), straight-run naphtha hydrodesulfurised, if it contains > 0.1 % w/w Butadiene	68952-80-7	592
Tail gas (petroleum), thermal-cracked distillate, gas oil and naphtha absorber, if it contains > 0.1 % w/w Butadiene	68952-81-8	593

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Tail gas (petroleum), thermal cracked hydrocarbon fractionation stabiliser, petroleum coking, if it contains > 0.1 % w/w Butadiene	68952-82-9	594
Gases (petroleum), light steam-cracked, butadiene conc., if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68955-28-2	595
Gases (petroleum), sponge absorber off, fluidised catalytic cracker and gas oil desulfuriser overhead fractionation, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68955-33-9	596
Gases (petroleum), straight-run naphtha catalytic reformer stabiliser overhead, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68955-34-0	597
Gases (petroleum), crude distn. and catalytic cracking, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	68989-88-8	598
Hydrocarbons, C4, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	87741-01-3	599
Alkanes, C1-4, C3-rich, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	90622-55-2	600
Gases (petroleum), gas oil diethanolamine scrubber off, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	92045-15-3	601
Gases (petroleum), gas oil hydrodesulfurisation effluent, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	92045-16-4	602
Gases (petroleum), gas oil hydrodesulfurisation purge, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	92045-17-5	603
Gases (petroleum), hydrogenator effluent flash drum off, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	92045-18-6	604
Gases (petroleum), naphtha steam cracking high-pressure residual, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	92045-19-7	605
Gases (petroleum), residue visbreaking off, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	92045-20-0	606
Gases (petroleum), steam-cracker C3-rich, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	92045-22-2	607
Hydrocarbons, C4, steam-cracker distillate, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	92045-23-3	608
Petroleum gases, liquefied, sweetened, C4 fraction, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	92045-80-2	609
Hydrocarbons, C4, 1,3-butadiene- and isobutene-free, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	95465-89-7	610
Raffinates (petroleum), steam-cracked C4 fraction cuprous ammonium acetate extn., C3-5 and C3-5 unsatd., butadiene-free, if they contain > 0.1 % w/w Butadiene	97722-19-5	611
Benzo[def]chrysene; (=benzo[a]pyrene)	50-32-8	612

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Pitch, coal tar-petroleum, if it contains > 0.005 % w/w benzo[a]pyrene	68187-57-5	613
Distillates (coal-petroleum), condensed-ring arom., if they contain > 0.005 % w/w benzo[a]pyrene	68188-48-7	614
Entry deleted		615
Entry deleted		616
Creosote oil, acenaphthene fraction, acenaphthene-free, if it contains > 0.005 % w/w benzo[a]pyrene	90640-85-0	617
Pitch, coal tar, low-temp., if it contains > 0.005 % w/w benzo[a]pyrene	90669-57-1	618
Pitch, coal tar, low-temp., heat-treated, if it contains > 0.005 % w/w benzo[a]pyrene	90669-58-2	619
Pitch, coal tar, low-temp., oxidised, if it contains > 0.005 % w/w benzo[a]pyrene	90669-59-3	620
Extract residues (coal), brown, if they contain > 0.005 % w/w benzo[a]pyrene	91697-23-3	621
Paraffin waxes (coal), brown-coal high-temp. tar, if they contain > 0.005 % w/w benzo[a]pyrene	92045-71-1	622
Paraffin waxes (coal), brown-coal high-temp. tar, hydrotreated, if they contain > 0.005 % w/w benzo[a]pyrene	92045-72-2	623
Waste solids, coal-tar pitch coking, if they contain > 0.005 % w/w benzo[a]pyrene	92062-34-5	624
Pitch, coal tar, high-temp., secondary, if it contains > 0.005 % w/w benzo[a]pyrene	94114-13-3	625
Residues (coal), liq. solvent extn., if they contain > 0.005 % w/w benzo[a]pyrene	94114-46-2	626
Coal liquids, liq. solvent extn. soln., if they contain > 0.005 % w/w benzo[a]pyrene	94114-47-3	627
Coal liquids, liq. solvent extn., if they contain > 0.005 % w/w benzo[a]pyrene	94114-48-4	628
Paraffin waxes (coal), brown-coal high-temp. tar, carbon-treated, if they contain > 0.005 % w/w benzo[a]pyrene	97926-76-6	629
Paraffin waxes (coal), brown-coal high-temp tar, clay-treated, if they contain > 0.005 % w/w benzo[a]pyrene	97926-77-7	630
Paraffin waxes (coal), brown-coal high-temp tar, silicic acid-treated, if they contain > 0.005 % w/w benzo[a]pyrene	97926-78-8 / 30399-84-9	631

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Absorption oils, bicyclo arom. and heterocyclic hydrocarbon fraction, if they contain > 0.005 % w/w benzo[a]pyrene	101316-45-4	632
Aromatic hydrocarbons, C20-28, polycyclic, mixed coal-tar pitch-polyethylene polypropylene pyrolysis-derived, if they contain > 0.005 % w/w benzo[a]pyrene	101794-74-5	633
Aromatic hydrocarbons, C20-28, polycyclic, mixed coal-tar pitch-polyethylene pyrolysis-derived, if they contain > 0.005 % w/w benzo[a]pyrene	101794-75-6	634
Aromatic hydrocarbons, C20-28, polycyclic, mixed coal-tar pitch-polystyrene pyrolysis-derived, if they contain > 0.005 % w/w benzo[a]pyrene	101794-76-7	635
Pitch, coal tar, high-temp., heat-treated, if it contains > 0.005 % w/w benzo[a]pyrene	121575-60-8	636
Dibenz[a,h]anthracene	53-70-3	637
Benz[a]anthracene	56-55-3	638
Benzo[e]pyrene	192-97-2	639
Benzo[j]fluoranthene	205-82-3	640
Benz[e]acephenanthrylene	205-99-2	641
Benzo[k]fluoranthene	207-08-9	642
Chrysene	218-01-9	643
2-Bromopropane	75-26-3	644
Trichloroethylene	79-01-6	645
1,2-Dibromo-3-chloropropane	96-12-8	646
2,3-Dibromopropan-1-ol	96-13-9	647
1,3-Dichloropropan-2-ol	96-23-1	648
α, α, α -Trichlorotoluene	98-07-7	649
α -Chlorotoluene	100-44-7	650
1,2-Dibromoethane	106-93-4	651
Hexachlorobenzene	118-74-1	652
Bromoethylene	593-60-2	653
1,4-Dichlorobut-2-ene	764-41-0	654
Methyloxirane	75-56-9	655

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
(Epoxyethyl)benzene	96-09-3	656
1-Chloro-2,3-epoxypropane	106-89-8	657
R-1-Chloro-2,3-epoxypropane	51594-55-9	658
1,2-Epoxy-3-phenoxypropane	122-60-1	659
2,3-Epoxypropan-1-ol	556-52-5	660
R-2,3-Epoxy-1-propanol	57044-25-4	661
2,2'-Bioxirane	1464-53-5	662
(2RS,3RS)-3-(2-Chlorophenyl)-2-(4-fluorophenyl)-[1H-1,2,4-triazol-1-yl)methyl]oxirane; epoxiconazole	133855-98-8	663
Chloromethyl methyl ether	107-30-2	664
2-Methoxyethanol [Ethylene glycol monomethyl ether (EGMME)]	109-86-4	665
2-Ethoxyethanol [Ethylene glycol monoethyl ether (EGMEE)]	110-80-5	666
Oxybis[chloromethane]; bis (Chloromethyl) ether	542-88-1	667
2-Methoxypropanol	1589-47-5	668
Propiolactone	57-57-8	669
Dimethylcarbamoyl chloride	79-44-7	670
Urethane	51-79-6	671
2-Methoxyethyl acetate	110-49-6	672
2-Ethoxyethyl acetate	111-15-9	673
Methoxyacetic acid	625-45-6	674
Dibutyl phthalate	84-74-2	675
bis(2-Methoxyethyl) ether	111-96-6	676
bis(2-Ethylhexyl) phthalate	117-81-7	677
bis(2-Methoxyethyl) phthalate	117-82-8	678
2-Methoxypropyl acetate	70657-70-4	679
2-Ethylhexyl[[[3,5-bis(1,1-dimethylethyl)-4-hydroxyphenyl]-methyl]thio] acetate	80387-97-9	680

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Acrylamide, unless regulated elsewhere in this Directive	79-06-1	681
Acrylonitrile	107-13-1	682
2-Nitropropane	79-46-9	683
Dinoseb, its salts and esters with the exception of those specified elsewhere in this list	88-85-7	684
2-Nitroanisole	91-23-6	685
4-Nitrobiphenyl	92-93-3	686
Dinitrotoluene, technical grade	121-14-2/ 25321-14-6	687
Binapacryl	485-31-4	688
2-Nitronaphthalene	581-89-5	689
2,3-Dinitrotoluene	602-01-7	690
5-Nitroacenaphthene	602-87-9	691
2,6-Dinitrotoluene	606-20-2	692
3,4-Dinitrotoluene	610-39-9	693
3,5-Dinitrotoluene	618-85-9	694
2,5-Dinitrotoluene	619-15-8	695
Dinoterb, its salts and esters	1420-07-1	696
Nitrofen	1836-75-5	697
Dinitrotoluene	25321-14-6	698
Diazomethane	334-88-3	699
1,4,5,8-Tetraaminoanthraquinone (Disperse Blue 1)	2475-45-8	700
Dimethylnitrosoamine	62-75-9	701
1-Methyl-3-nitro-1-nitrosoguanidine	70-25-7	702
Nitrosodipropylamine	621-64-7	703
2,2'-(Nitrosoimino)bisethanol	1116-54-7	704
4,4'-Methylenedianiline	101-77-9	705
4,4'-(4-Iminocyclohexa-2,5-dienylidenemethylene) dianiline hydrochloride	569-61-9/ 479- 73-2	706

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
4,4'-Methylenedi-o-toluidine	838-88-0	707
o-Anisidine	90-04-0	708
3,3'-Dimethoxybenzidine	119-90-4	709
Salts of o-dianisidine	-	710
o-Dianisidine based azo dyes	-	711
3,3'-Dichlorobenzidine	91-94-1	712
Benzidine dihydrochloride	531-85-1	713
[[1,1'-Biphenyl]-4,4'-diyl]diammonium sulphate	531-86-2	714
3,3'-Dichlorobenzidine dihydrochloride	612-83-9	715
Benzidine sulphate	21136-70-9	716
Benzidine acetate	36341-27-2	717
3,3'-Dichlorobenzidine dihydrogen bis(sulphate)	64969-34-2	718
3,3'-Dichlorobenzidine sulphate	74332-73-3	719
Benzidine based azo dyes	-	720
4,4'-Bi-o-toluidine	119-93-7	721
4,4'-Bi-o-toluidine dihydrochloride	612-82-8	722
[3,3'-Dimethyl[1,1'-biphenyl]-4,4'-diyl]diammonium bis(hydrogen sulphate)	64969-36-4	723
4,4'-Bi-o-toluidine sulphate	74753-18-7	724
o-Toluidine based dyes	-	725
Biphenyl-4-ylamine and its salts	92-67-1/ 2113-61-3	726
Azobenzene	103-33-3	727
(Methyl-ONN-azoxy)methyl acetate	592-62-1	728
Cycloheximide	66-81-9	729
2-Methylaziridine (propyleneimine)	75-55-8	730
Imidazolidine-2-thione	96-45-7	731
Furan	110-00-9	732
Aziridine	151-56-4	733

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Captafol	2425-06-1	734
Carbadox	6804-07-5	735
Flumioxazin	103361-09-7	736
Tridemorph	24602-86-6	737
Vinclozolin	50471-44-8	738
Fluazifop-butyl	69806-50-4	739
Flusilazole	85509-19-9	740
1,3,5-Tris(oxiranylmethyl)-1,3,5-triazine-2,4,6(1H,3H,5H)-trione	2451-62-9	741
Thioacetamide	62-55-5	742
N,N-Dimethylformamide	68-12-2	743
Formamide	75-12-7	744
N-Methylacetamide	79-16-3	745
N-Methylformamide	123-39-7	746
N,N-Dimethylacetamide	127-19-5	747
Hexamethylphosphoric-triamide	680-31-9	748
Diethyl sulphate	64-67-5	749
Dimethyl sulphate	77-78-1	750
1,3-Propanesultone	1120-71-4	751
Dimethylsulphamoyl-chloride	13360-57-1	752
Sulfallate	95-06-7	753
A mixture of: 4-[[bis-(4-Fluorophenyl)methylsilyl]methyl]-4H-1,2,4- triazole and 1-[[bis-(4-fluorophenyl)methylsilyl]methyl]-1H-1,2,4-triazole	-	754
(+/-)-Tetrahydrofurfuryl -(R)-2-[4-(6-chloroquinoxalin-2-yloxy) phenyloxy]propionate	119738-06-6	755
6-Hydroxy-1-(3-Isopropoxypropyl)-4-methyl-2-oxo-5-[4-(phenylazo) phenylazo]-1,2-dihydro-3-pyridinecarbonitrile	85136-74-9	756
(6-(4-Hydroxy-3-(2-methoxyphenylazo)-2-sulfonato-7-naphthylamino)-1,3,5-triazine-2,4-diyl)bis[(amino-1-methylethyl)ammonium] formate	108225-03-2	757

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Trisodium [4'-(8-acetylamino-3,6-disulfonato-2-naphthylazo)-4''-(6-benzoylamino-3-Sulfonato-2-naphthylazo)-biphenyl-1,3',3'',1'''-tetraolato-O,O',O'',O''']copper(II)	-	758
A mixture of: N-[3-Hydroxy-2-(2-methylacryloylaminomethoxy)propoxymethyl]-2-methylacrylamide and N-2,3-bis-(2-methylacryloylaminomethoxy)propoxymethyl]-2-methylacrylamide and methacrylamide and 2-methyl-N-(2-methylacryloylaminomethoxymethyl)-acrylamide and N-(2,3-dihydroxypropoxymethyl)-2-methylacrylamide	-	759
1,3,5-tris-[(2S and 2R)-2,3-Epoxypropyl]-1,3,5-triazine-2,4,6-(1H,3H,5H)-trione	59653-74-6	760
Erionite	12510-42-8	761
Asbestos	12001-28-4	762
Petroleum	8002-05-9	763
Distillates (petroleum), heavy hydrocracked, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	64741-76-0	764
Distillates (petroleum), solvent-refined heavy paraffinic, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	64741-88-4	765
Distillates (petroleum), solvent-refined light paraffinic, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	64741-89-5	766
Residual oils (petroleum), solvent deasphalted, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	64741-95-3	767
Distillates (petroleum), solvent-refined heavy naphthenic, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	64741-96-4	768
Distillates (petroleum), solvent-refined light naphthenic, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	64741-97-5	769
Residual oils (petroleum), solvent-refined, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	64742-01-4	770
Distillates (petroleum), clay-treated heavy paraffinic, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	64742-36-5	771
Distillates (petroleum), clay-treated light paraffinic, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	64742-37-6	772
Residual oils (petroleum), clay-treated, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	64742-41-2	773
Distillates (petroleum), clay-treated heavy naphthenic, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	64742-44-5	774
Distillates (petroleum), clay-treated light naphthenic, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	64742-45-6	775

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Distillates (petroleum), hydrotreated heavy naphthenic, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	64742-52-5	776
Distillates (petroleum), hydrotreated light naphthenic, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	64742-53-6	777
Distillates (petroleum), hydrotreated heavy paraffinic, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	64742-54-7	778
Distillates (petroleum), hydrotreated light paraffinic, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	64742-55-8	779
Distillates (petroleum), solvent-dewaxed light paraffinic, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	64742-56-9	780
Residual oils (petroleum), hydrotreated, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	64742-57-0	781
Residual oils (petroleum), solvent-dewaxed, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	64742-62-7	782
Distillates (petroleum), solvent-dewaxed heavy naphthenic, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	64742-63-8	783
Distillates (petroleum), solvent-dewaxed light naphthenic, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	64742-64-9	784
Distillates (petroleum), solvent-dewaxed heavy paraffinic, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	64742-65-0	785
Foots oil (petroleum), if it contains > 3 % w/w DMSO extract	64742-67-2	786
Naphthenic oils (petroleum), catalytic dewaxed heavy, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	64742-68-3	787
Naphthenic oils (petroleum), catalytic dewaxed light, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	64742-69-4	788
Paraffin oils (petroleum), catalytic dewaxed heavy, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	64742-70-7	789
Paraffin oils (petroleum), catalytic dewaxed light, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	64742-71-8	790
Naphthenic oils (petroleum), complex dewaxed heavy, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	64742-75-2	791
Naphthenic oils (petroleum), complex dewaxed light, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	64742-76-3	792
Extracts (petroleum), heavy naphthenic distillate solvent, arom. conc., if they contain > 3 % w/w DMSO extract	68783-00-6	793
Extracts (petroleum), solvent-refined heavy paraffinic distillate solvent, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	68783-04-0	794

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Extracts (petroleum), heavy paraffinic distillates, solvent-deasphalted, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	68814-89-1	795
Lubricating oils (petroleum), C20-50, hydrotreated neutral oil-based, high viscosity, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	72623-85-9	796
Lubricating oils (petroleum), C15-30, hydrotreated neutral oil-based, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	72623- 86-0	797
Lubricating oils (petroleum), C20-50, hydrotreated neutral oil-based, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	72623- 87-1	798
Lubricating oils, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	74869-22-0	799
Distillates (petroleum), complex dewaxed heavy paraffinic, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	90640-91-8	800
Distillates (petroleum), complex dewaxed light paraffinic, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	90640-92-9	801
Distillates (petroleum), solvent dewaxed heavy paraffinic, clay-treated, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	90640-94-1	802
Hydrocarbons, C20-50, solvent dewaxed heavy paraffinic, hydrotreated, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	90640-95-2	803
Distillates (petroleum), solvent dewaxed light paraffinic, clay-treated, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	90640-96-3	804
Distillates (petroleum), solvent dewaxed light paraffinic, hydrotreated, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	90640-97-4	805
Extracts (petroleum), heavy naphthenic distillate solvent, hydrotreated, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	90641-07-9	806
Extracts (petroleum), heavy paraffinic distillate solvent, hydrotreated, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	90641-08-0	807
Extracts (petroleum), light paraffinic distillate solvent, hydrotreated, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	90641-09-1	808
Residual oils (petroleum), hydrotreated solvent dewaxed , if they contain > 3 % w/w DMSO extract	90669-74-2	809
Residual oils (petroleum), catalytic dewaxed, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	91770-57-9	810
Distillates (petroleum), dewaxed heavy paraffinic, hydrotreated if they contain > 3 % w/w DMSO extract	91995-39-0	811
Distillates (petroleum), dewaxed light paraffinic, hydrotreated, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	91995-40-3	812
Distillates (petroleum), hydrocracked solvent-refined, dewaxed, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	91995-45-8	813

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Distillates (petroleum), solvent-refined light naphthenic, hydrotreated, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	91995-54-9	814
Extracts (petroleum), hydrotreated light paraffinic distillate solvent, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	91995-73-2	815
Extracts (petroleum), light naphthenic distillate solvent, hydrodesulphurised, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	91995-75-4	816
Extracts (petroleum), light paraffinic distillate solvent, acid-treated, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	91995-76-5	817
Extracts (petroleum), light paraffinic distillate solvent, hydrodesulfurised, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	91995-77-6	818
Extracts (petroleum), light vacuum gas oil solvent, hydrotreated, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	91995-79-8	819
Foots oil (petroleum), hydrotreated, if it contains > 3 % w/w DMSO extract	92045-12-0	820
Lubricating oils (petroleum), C17-35, solvent-extd., dewaxed, hydrotreated, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	92045-42-6	821
Lubricating oils (petroleum), hydrocracked nonarom solvent-deparaffined, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	92045-43-7	822
Residual oils (petroleum), hydrocracked acid-treated solvent-dewaxed, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	92061-86-4	823
Paraffin oils (petroleum), solvent-refined dewaxed heavy, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	92129-09-4	824
Extracts (petroleum), heavy paraffinic distillate solvent, clay-treated, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	92704-08-0	825
Lubricating oils (petroleum), base oils, paraffinic, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	93572-43-1	826
Extracts (petroleum), heavy naphthenic distillate solvent, hydrodesulfurised, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	93763-10-1	827
Extracts (petroleum), solvent-dewaxed heavy paraffinic distillate solvent, hydrodesulfurised, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	93763-11-2	828
Hydrocarbons, hydrocracked paraffinic distn. residues, solvent-dewaxed, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	93763-38-3	829
Foots oil (petroleum), acid-treated, if it contains > 3 % w/w DMSO extract	93924-31-3	830
Foots oil (petroleum), clay-treated, if it contains > 3 % w/w DMSO extract	93924-32-4	831

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Hydrocarbons, C20-50, residual oil hydrogenation vacuum distillate, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	93924-61-9	832
Distillates (petroleum), solvent-refined hydrotreated heavy, hydrogenated, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	94733-08-1	833
Distillates (petroleum), solvent-refined hydrocracked light, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	94733-09-2	834
Lubricating oils (petroleum), C18-40, solvent-dewaxed hydrocracked distillate-based, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	94733-15-0	835
Lubricating oils (petroleum), C18-40, solvent-dewaxed hydrogenated raffinate-based, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	94733-16-1	836
Hydrocarbons, C13-30, arom.-rich, solvent-extd. naphthenic distillate, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	95371-04-3	837
Hydrocarbons, C16-32, arom. rich, solvent-extd. naphthenic distillate, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	95371-05-4	838
Hydrocarbons, C37-68, dewaxed deasphalted hydrotreated vacuum distn. residues, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	95371-07-6	839
Hydrocarbons, C37-65, hydrotreated deasphalted vacuum distn. residues, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	95371-08-7	840
Distillates (petroleum), hydrocracked solvent-refined light, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	97488-73-8	841
Distillates (petroleum), solvent-refined hydrogenated heavy, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	97488-74-9	842
Lubricating oils (petroleum), C18-27, hydrocracked solvent-dewaxed, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	97488-95-4	843
Hydrocarbons, C17-30, hydrotreated solvent-deasphalted atm. distn. residue, distn. lights, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	97675-87-1	844
Hydrocarbons, C17-40, hydrotreated solvent-deasphalted distn. residue, vacuum distn. lights, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	97722-06-0	845
Hydrocarbons, C13-27, solvent-extd. light naphthenic, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	97722-09-3	846
Hydrocarbons, C14-29, solvent-extd. light naphthenic, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	97722-10-6	847
Foots oil (petroleum), carbon-treated, if it contains > 3 % w/w DMSO extract	97862-76-5	848

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Foots oil (petroleum), silicic acid-treated, if it contains > 3 % w/w DMSO extract	97862-77-6	849
Hydrocarbons, C27-42, dearomatised, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	97862-81-2	850
Hydrocarbons, C17-30, hydrotreated distillates, distn. lights, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	97862-82-3	851
Hydrocarbons, C27-45, naphthenic vacuum distn., if they contain > 3 % w/w DMSO extract	97862-83-4	852
Hydrocarbons, C27-45, dearomatised, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	97926-68-6	853
Hydrocarbons, C20-58, hydrotreated, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	97926-70-0	854
Hydrocarbons, C27-42, naphthenic, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	97926-71-1	855
Extracts (petroleum), light paraffinic distillate solvent, carbon-treated, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	100684-02-4	856
Extracts (petroleum), light paraffinic distillate solvent, clay-treated, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	100684- 03-5	857
Extracts (petroleum), light vacuum, gas oil solvent, carbon-treated, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	100684-04-6	858
Extracts (petroleum), light vacuum gas oil solvent, clay-treated, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	100684-05-7	859
Residual oils (petroleum), carbon-treated solvent-dewaxed, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	100684-37-5	860
Residual oils (petroleum), clay-treated solvent-dewaxed, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	100684-38-6	861
Lubricating oils (petroleum), C>25, solvent-extd., deasphalted, dewaxed, hydrogenated, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	101316-69-2	862
Lubricating oils (petroleum), C17-32, solvent-extd., dewaxed, hydrogenated, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	101316-70-5	863
Lubricating oils (petroleum), C20-35, solvent-extd., dewaxed, hydrogenated, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	101316-71-6	864
Lubricating oils (petroleum), C24-50, solvent-extd., dewaxed, hydrogenated, if they contain > 3 % w/w DMSO extract	101316-72-7	865
Distillates (petroleum), sweetened middle, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	64741-86-2	866

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Gas oils (petroleum), solvent-refined, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	64741-90-8	867
Distillates (petroleum), solvent-refined middle, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	64741-91-9	868
Gas oils (petroleum), acid-treated, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	64742-12-7	869
Distillates (petroleum), acid-treated middle, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	64742-13-8	870
Distillates (petroleum), acid-treated light, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	64742-14-9	871
Gas oils (petroleum), chemically neutralised, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	64742-29-6	872
Distillates (petroleum), chemically neutralised middle, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	64742-30-9	873
Distillates (petroleum), clay-treated middle, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	64742-38-7	874
Distillates (petroleum), hydrotreated middle, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	64742-46-7	875
Gas oils (petroleum), hydrodesulfurised, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	64742-79-6	876
Distillates (petroleum), hydrodesulfurised middle, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	64742-80-9	877
Distillates (petroleum), catalytic reformer fractionator residue, high-boiling, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	68477-29-2	878
Distillates (petroleum), catalytic reformer fractionator residue, intermediate-boiling, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	68477-30-5	879
Distillates (petroleum), catalytic reformer fractionator residue, low-boiling, except if the full refining history is known and it can	68477-31-6	880

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen		
Alkanes, C12-26-branched and linear, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	90622-53-0	881
Distillates (petroleum), highly refined middle, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	90640-93-0	882
Distillates (petroleum), catalytic reformer, heavy arom. conc, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	91995-34-5	883
Gas oils, paraffinic, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	93924-33-5	884
Naphtha (petroleum), solvent-refined hydrodesulfurised heavy, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	97488-96-5	885
Hydrocarbons, C16-20, hydrotreated middle distillate, distn. lights, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	97675- 85-9	886
Hydrocarbons, C12-20, hydrotreated paraffinic, distn. lights, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	97675-86-0	887
Hydrocarbons, C11-17, solvent-extd. light naphthenic, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	97722-08-2	888
Gas oils, hydrotreated, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	97862-78-7	889
Distillates (petroleum), carbon-treated light paraffinic, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	100683-97-4	890
Distillates (petroleum), intermediate paraffinic, carbon-treated, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	100683-98-5	891
Distillates (petroleum), intermediate paraffinic, clay-treated, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	100683-99-6	892

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Lubricating greases, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	74869-21-9	893
Slack wax (petroleum), except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	64742-61-6	894
Slack wax (petroleum), acid-treated, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	90669-77-5	895
Slack wax (petroleum), clay-treated, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	90669-78-6	896
Slack wax (petroleum), hydrotreated, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	92062-09-4	897
Slack wax (petroleum), low-melting, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	92062-10-7	898
Slack wax (petroleum), low-melting, hydrotreated, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	92062-11-8	899
Slack wax (petroleum), low-melting, carbon-treated, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	97863-04-2	900
Slack wax (petroleum), low-melting, clay-treated, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	97863-05-3	901
Slack wax (petroleum), low-melting, silicic acid-treated, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	97863-06-4	902
Slack wax (petroleum), carbon-treated, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	100684-49-9	903
Petrolatum, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	8009-03-8	904
Petrolatum (petroleum), oxidised, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	64743-01-7	905
Petrolatum (petroleum), alumina-treated, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	85029-74-9	906

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Petrolatum (petroleum), hydrotreated, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	92045-77-7	907
Petrolatum (petroleum), carbon-treated, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	97862-97-0	908
Petrolatum (petroleum), silicic acid-treated, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	97862-98-1	909
Petrolatum (petroleum), clay-treated, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	100684-33-1	910
Distillates (petroleum), light catalytic cracked	64741-59-9	911
Distillates (petroleum), intermediate catalytic cracked	64741-60-2	912
Distillates (petroleum), light thermal cracked	64741-82-8	913
Distillates (petroleum), hydrodesulfurised light catalytic cracked	68333-25-5	914
Distillates (petroleum), light steam-cracked naphtha	68475-80-9	915
Distillates (petroleum), cracked steam-cracked petroleum distillates	68477-38-3	916
Gas oils (petroleum), steam-cracked	68527-18-4	917
Distillates (petroleum), hydrodesulfurised thermal cracked middle	85116-53-6	918
Gas oils (petroleum), thermal-cracked, hydrodesulfurised	92045-29-9	919
Residues (petroleum), hydrogenated steam-cracked naphtha	92062-00-5	920
Residues (petroleum), steam-cracked naphtha distn.	92062-04-9	921
Distillates (petroleum), light catalytic cracked, thermally degraded	92201-60-0	922
Residues (petroleum), steam-cracked heat-soaked naphtha	93763-85-0	923
Gas oils (petroleum), light vacuum, thermal-cracked hydrodesulfurised	97926-59-5	924
Distillates (petroleum), hydrodesulfurised middle coker	101316-59-0	925
Distillates (petroleum), heavy steam-cracked	101631-14-5	926
Residues (petroleum), atm. Tower	64741-45-3	927
Gas oils (petroleum), heavy vacuum	64741-57-7	928

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Distillates (petroleum), heavy catalytic cracked	64741-61-3	929
Clarified oils (petroleum), catalytic cracked	64741-62-4	930
Residues (petroleum), catalytic reformer fractionator	64741-67-9	931
Residues (petroleum), hydrocracked	64741-75-9	932
Residues (petroleum), thermal cracked	64741-80-6	933
Distillates (petroleum), heavy thermal cracked	64741-81-7	934
Gas oils (petroleum), hydrotreated vacuum	64742-59-2	935
Residues (petroleum), hydrodesulfurised atmospheric tower	64742-78-5	936
Gas oils (petroleum), hydrodesulfurised heavy vacuum	64742-86-5	937
Residues (petroleum), steam-cracked	64742-90-1	938
Residues (petroleum), atmospheric	68333-22-2	939
Clarified oils (petroleum), hydrodesulfurised catalytic cracked	68333-26-6	940
Distillates (petroleum), hydrodesulfurised intermediate catalytic cracked	68333-27-7	941
Distillates (petroleum), hydrodesulfurised heavy catalytic cracked	68333-28-8	942
Fuel oil, residues-straight-run gas oils, high-sulphur	68476-32-4	943
Fuel oil, residual	68476-33-5	944
Residues (petroleum), catalytic reformer fractionator residue distn.	68478-13-7	945
Residues (petroleum), heavy coker gas oil and vacuum gas oil	68478-17-1	946
Residues (petroleum), heavy coker and light vacuum	68512-61-8	947
Residues (petroleum), light vacuum	68512-62-9	948
Residues (petroleum), steam-cracked light	68513-69-9	949
Fuel oil, No 6	68553-00-4	950
Residues (petroleum), topping plant, low-sulphur	68607-30-7	951
Gas oils (petroleum), heavy atmospheric	68783-08-4	952
Residues (petroleum), coker scrubber, condensed-ring-arom.-contg	68783-13-1	953

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Distillates (petroleum), petroleum residues vacuum	68955-27-1/ 97635-57-9	954
Residues (petroleum), steam-cracked, resinous	68955-36-2	955
Distillates (petroleum), intermediate vacuum	70592-76-6	956
Distillates (petroleum), light vacuum	70592-77-7	957
Distillates (petroleum), vacuum	70592-78-8	958
Gas oils (petroleum), hydrodesulfurised coker heavy vacuum	85117-03-9	959
Residues (petroleum), steam-cracked, distillates	90669-75-3	960
Residues (petroleum), vacuum, light	90669-76-4	961
Fuel oil, heavy, high-sulphur	92045-14-2	962
Residues (petroleum), catalytic cracking	92061-97-7	963
Distillates (petroleum), intermediate catalytic cracked, thermally degraded	92201-59-7	964
Residual oils (petroleum)	93821-66-0	965
Residues, steam cracked, thermally treated	98219-64-8	966
Distillates (petroleum), hydrodesulfurised full-range middle	101316-57-8	967
Distillates (petroleum), light paraffinic	64741-50-0	968
Distillates (petroleum), heavy paraffinic	64741-51-1	969
Distillates (petroleum), light naphthenic	64741-52-2	970
Distillates (petroleum), heavy naphthenic	64741-53-3	971
Distillates (petroleum), acid-treated heavy naphthenic	64742-18-3	972
Distillates (petroleum), acid-treated light naphthenic	64742-19-4	973
Distillates (petroleum), acid-treated heavy paraffinic	64742-20-7	974
Distillates (petroleum), acid-treated light paraffinic	64742-21-8	975
Distillates (petroleum), chemically neutralised heavy paraffinic	64742-27-4	976
Distillates (petroleum), chemically neutralised light paraffinic	64742-28-5	977
Distillates (petroleum), chemically neutralised heavy naphthenic	64742-34-3	978
Distillates (petroleum), chemically neutralised light naphthenic	64742-35-4	979
Extracts (petroleum), light naphthenic distillate solvent	64742-03-6	980

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Extracts (petroleum), heavy paraffinic distillate solvent	64742-04-7	981
Extracts (petroleum), light paraffinic distillate solvent	64742-05-8	982
Extracts (petroleum), heavy naphthenic distillate solvent	64742-11-6	983
Extracts (petroleum), light vacuum gas oil solvent	91995-78-7	984
Hydrocarbons, C26-55, arom.-rich	97722-04-8	985
Disodium 3,3'-[[[1,1'-biphenyl]-4,4'-diylbis(azo)] bis(4-aminonaphthalene-1- sulphonate)	573-58-0	986
Disodium 4-amino-3-[[4'-[(2,4-diaminophenyl)azo] [1,1'-biphenyl]-4-yl] azo]-5-hydroxy-6-(phenylazo)naphthalene-2,7-disulphonate	1937-37-7	987
Tetrasodium 3,3'-[[[1,1'-biphenyl]-4,4'-diylbis(azo)]bis[5-amino-4-hydroxynaphthalene-2,7-disulphonate]	2602-46-2	988
4-o-Tolylazo-o-toluidine	97-56-3	989
4-Aminoazobenzene	60-09-3	990
Disodium[5-[[4'-[[[2,6-dihydroxy-3-[(2-hydroxy-5-sulphophenyl)azo]phenyl]azo][1,1'-biphenyl]-4-yl]azo]salicylato(4-)]cuprate(2-)	16071-86-6	991
Resorcinol diglycidyl ether	101-90-6	992
1,3-Diphenylguanidine	102-06-7	993
Heptachlor-epoxide	1024-57-3	994
4-Nitrosophenol	104-91-6	995
Carbendazim	10605-21-7	996
Allyl glycidyl ether	106-92-3	997
Chloroacetaldehyde	107-20-0	998
Hexane	110-54-3	999
2-(2-Methoxyethoxy)ethanol	111-77-3	1000
(+/-)-2-(2,4-Dichlorophenyl)-3-(1H-1,2,4-triazol-1-yl)propyl-1,1,2,2-tetrafluoroethylether	112281-77-3	1001
4-[4-(1,3-Dihydroxyprop-2-yl)phenylamino]-1,8-dihydroxy-5-nitroanthraquinone	114565-66-1	1002
5,6,12,13-Tetrachloroanthra(2,1,9-def:6,5,10-d'e'f')diisoquinoline-1,3,8,10 (2H,9H)-tetrone	115662-06-1	1003

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Tris(2-Chloroethyl) phosphate	115-96-8	1004
4'-Ethoxy-2-benzimidazoleanilide	120187-29-3	1005
Nickel dihydroxide	12054-48-7	1006
N,N-Dimethylaniline	121-69-7	1007
Simazine	122-34-9	1008
Bis(cyclopentadienyl)-bis(2,6-difluoro-3-(pyrrol-1-yl)-phenyl)titanium	125051-32-3	1009
N,N,N',N'-Tetraglycidyl-4,4'-diamino-3,3'-diethyldiphenylmethane	130728-76-6	1010
Divanadium pentaoxide	1314-62-1	1011
Alkali salts of pentachlorophenol	131-52-2/ 7778-73-6	1012
Phosphamidon	13171-21-6	1013
N-(Trichloromethylthio)phthalimide	133-07-3	1014
N-2-Naphthylaniline	135-88-6	1015
Ziram	137-30-4	1016
1-Bromo-3,4,5-trifluorobenzene	138526-69-9	1017
Propazine	139-40-2	1018
3-(4-Chlorophenyl)-1,1-dimethyluronium trichloroacetate; monuron-TCA	140-41-0	1019
Isoxaflutole	141112-29-0	1020
Kresoxim-methyl	143390-89-0	1021
Chlordecone	143-50-0	1022
9-Vinylcarbazole	1484-13-5	1023
2-Ethylhexanoic acid	149-57-5	1024
Monuron	150-68-5	1025
Morpholine-4-carbonyl chloride	15159-40-7	1026
Daminozide	1596-84-5	1027
Alachlor	15972-60-8	1028

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
UVCB condensation product of: tetrakis-hydroxymethylphosphonium chloride, urea and distilled hydrogenated C16-18 tallow alkylamine	166242-53-1	1029
loxynil	1689-83-4	1030
3,5-Dibromo-4-hydroxybenzotrile	1689-84-5	1031
2,6-Dibromo-4-cyanophenyl octanoate	1689-99-2	1032
[4-[[4-(Dimethylamino)phenyl][4-[ethyl(3-sulphonatobenzyl)amino]phenyl]methylene]cyclohexa-2,5-dien-1-ylidene](ethyl)(3-sulphonatobenzyl)ammonium, sodium salt	1694-09-3	1033
5-Chloro-1,3-dihydro-2H-indol-2-one	17630-75-0	1034
Benomyil	17804-35-2	1035
Chlorothalonil	1897-45-6	1036
N'-(4-Chloro-o-tolyl)-N,N-dimethylformamidine monohydrochloride	19750-95-9	1037
4,4'-Methylenebis(2-ethylaniline)	19900-65-3	1038
Valinamide	20108-78-5	1039
[(p-Tolyloxy)methyl]oxirane	2186-24-5	1040
[(m-Tolyloxy)methyl]oxirane	2186-25-6	1041
2,3-Epoxypropyl o-tolyl ether	2210-79-9	1042
[(Tolyloxy)methyl]oxirane, cresyl glycidyl ether	26447-14-3	1043
Di-allate	2303-16-4	1044
Benzyl 2,4-dibromobutanoate	23085-60-1	1045
Trifluoroiodomethane	2314-97-8	1046
Thiophanate-methyl	23564-05-8	1047
Dodecachloropentacyclo[5.2.1.0 ₂ ,6.0 ₃ ,9.0 ₅ ,8]decane	2385-85-5	1048
Propyzamide	23950-58-5	1049
Butyl glycidyl ether	2426-08-6	1050
2,3,4-Trichlorobut-1-ene	2431-50-7	1051
Chinomethionate	2439-01-2	1052
(R)- α -Phenylethylammonium (-)-(1R,2S)-(1,2-epoxypropyl)phosphonate monohydrate	25383-07-7	1053

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
5-Ethoxy-3-trichloromethyl-1,2,4-thiadiazole	2593-15-9	1054
Disperse Yellow 3	2832-40-8	1055
1,2,4-Triazole	288-88-0	1056
Aldrin	309-00-2	1057
Diuron	330-54-1	1058
Linuron	330-55-2	1059
Nickel carbonate	3333-67-3	1060
3-(4-Isopropylphenyl)-1,1-dimethylurea	34123-59-6	1061
Iprodione	36734-19-7	1062
4-Cyano-2,6-diiodophenyl octanoate	3861-47-0	1063
5-(2,4-Dioxo-1,2,3,4-tetrahydropyrimidine)-3-fluoro-2-hydroxymethyltetrahydrofuran	41107-56-6	1064
Crotonaldehyde	4170-30-3	1065
Hexahydrocyclopenta(c)pyrrole-1-(1H)-ammonium N-ethoxycarbonyl-N-(p-tolylsulfonyl)azanide	-	1066
4,4'-Carbonimidoylbis[N,N-dimethylaniline] and its salts	492-80-8	1067
DNOC	534-52-1	1068
Toluidinium chloride	540-23-8	1069
Toluidine sulphate (1:1)	540-25-0	1070
2-(4-tert-Butylphenyl)ethanol	5406-86-0	1071
Fenthion	55-38-9	1072
Chlordane, pur	57-74-9	1073
Hexan-2-one	591-78-6	1074
Fenarimol	60168-88-9	1075
Acetamide	60-35-5	1076
N-cyclohexyl-N-methoxy-2,5-dimethyl-3-furamide	60568-05-0	1077
Dieldrin	60-57-1	1078
4,4'- Isobutylethylidenediphenol	6807-17-6	1079
Chlordimeform	6164-98-3	1080

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Amitrole	61-82-5	1081
Carbaryl	63-25-2	1082
Distillates (petroleum), light hydrocracked	64741-77-1	1083
1-Ethyl-1-methylmorpholinium bromide	65756-41-4	1084
(3-Chlorophenyl)-(4-methoxy-3-nitrophenyl)methanone	66938-41-8	1085
Fuels, diesel, except if the full refining history is known and it can be shown that the substance from which it is produced is not a carcinogen	68334-30-5	1086
Fuel oil, no. 2	68476-30-2	1087
Fuel oil, no. 4	68476-31-3	1088
Fuels, diesel, no. 2	68476-34-6	1089
2,2-Dibromo-2-nitroethanol	69094-18-4	1090
1-Ethyl-1-methylpyrrolidinium bromide	69227-51-6	1091
Monocrotophos	6923-22-4	1092
Nickel	7440-02-0	1093
Bromomethane	74-83-9	1094
Chloromethane	74-87-3	1095
Iodomethane	74-88-4	1096
Bromoethane	74-96-4	1097
Heptachlor	76-44-8	1098
Fentin hydroxide	76-87-9	1099
Nickel sulphate	7786-81-4	1100
3,5,5-Trimethylcyclohex-2-enone	78-59-1	1101
2,3-Dichloropropene	78-88-6	1102
Fluazifop-P-butyl	79241-46-6	1103
(S)-2,3-Dihydro-1H-indole-carboxylic acid	79815-20-6	1104
Toxaphene	8001-35-2	1105
(4-Hydrazinophenyl)-N-methylmethanesulfonamide hydrochloride	81880-96-8	1106

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
CI Solvent Yellow 14	842-07-9	1107
Chlozolate	84332-86-5	1108
Alkanes, C10-13, chloro	85535-84-8	1109
Pentachlorophenol	87-86-5	1110
2,4,6-Trichlorophenol	88-06-2	1111
Diethylcarbamoyl-chloride	88-10-8	1112
1-Vinyl-2-pyrrolidone	88-12-0	1113
Myclobutanil; 2-(4-chlorophenyl)-2-(1H-1,2,4-triazol-1-ylmethyl)hexanenitrile	88671-89-0	1114
Fentin acetate	900-95-8	1115
Biphenyl-2-ylamine	90-41-5	1116
trans-4-Cyclohexyl-L-proline monohydrochloride	90657-55-9	1117
2-Methyl-m-phenylene diisocyanate	91-08-7	1118
4-Methyl-m-phenylene diisocyanate	584-84-9	1119
m-Tolyldiene diisocyanate	26471-62-5	1120
Fuels, jet aircraft, coal solvent extn., hydrocracked hydrogenated	94114-58-6	1121
Fuels, diesel, coal solvent extn., hydrocracked hydrogenated	94114-59-7	1122
Pitch, if it contains > 0.005 % w/w benzo[a]pyrene	61789-60-4	1123
2-Butanone oxime	96-29-7	1124
Hydrocarbons, C16-20, solvent-dewaxed hydrocracked paraffinic distn. residue	97675-88-2	1125
alpha, alpha -Dichlorotoluene	98-87-3	1126
Mineral wool, with the exception of those specified elsewhere in this Annex; [Man-made vitreous (silicate) fibres with random orientation with alkaline oxide and alkali earth oxide (Na ₂ O + K ₂ O + CaO + MgO + BaO) content greater than 18 % by weight] .	-	1127
Reaction product of acetophenone, formaldehyde, cyclohexylamine, methanol and acetic acid	-	1128
Moved or Deleted (See Ref. No. 1067)	-	1129
Moved or Deleted (See Ref. No. 195)	-	1130

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Trisodium bis(7-acetamido-2-(4-nitro-2-oxidophenylazo)-3-sulfonato-1-naphtholato)chromate(1-)	-	1131
A mixture of: 4-allyl-2,6-bis(2,3-epoxypropyl)phenol;4-allyl-6-[3-[6-[3-[6-[3-(4-allyl-2,6-bis(2,3-epoxypropyl)phenoxy)-2-hydroxypropyl]-4-allyl-2-(2,3-epoxypropyl)phenoxy]-2-hydroxypropyl]-4-allyl-2-(2,3-epoxypropyl)phenoxy]-2-hydroxypropyl]-2-(2,3-epoxypropyl)phenol;4-allyl-6-[3-(4-allyl-2,6-bis(2,3-epoxypropyl)phenoxy)-2-hydroxypropyl]-2-(2,3-epoxypropyl)phenol;4-allyl-6-[3-[6-[3-(4-allyl-2,6-bis(2,3-epoxypropyl)phenoxy)-2-hydroxypropyl]-4-allyl-2-(2,3-epoxypropyl)phenoxy]-2-hydroxypropyl]-2-(2,3-epoxypropyl)phenol	-	1132
Costus root oil (Saussurea lappa Clarke), when used as a fragrance ingredient	8023-88-9	1133
7-Ethoxy-4-methylcoumarin, when used as a fragrance ingredient	87-05-8	1134
Hexahydrocoumarin, when used as a fragrance ingredient	700-82-3	1135
Exudation of Myroxylon pereirae (Royle) Klotzch (Peru Balsam, crude) when used as a fragrance ingredient	8007-00-9	1136
Isobutyl nitrite	542-56-3	1137
Isoprene (stabilised); (2-Methyl-1,3-butadiene)	78-79-5	1138
1-Bromopropane; n-Propyl bromide	106-94-5	1139
Chloroprene (stabilised); (2-Chlorobuta-1,3-diene)	126-99-8	1140
1,2,3-Trichloropropane	96-18-4	1141
Ethylene glycol dimethyl ether (EGDME)	110-71-4	1142
Dinocap (ISO)	39300-45-3	1143
Diaminotoluene, technical product -mixture of [4-methyl-m-phenylene diamine] ⁽²⁾ and [2-methyl-m-phenylene diamine] ⁽³⁾ - methyl-phenylenediamine ⁽¹⁾	25376-45-8 (1) / 95-80-7 (2) / 823-40-5 (3)	1144
p-Chlorobenzotrichloride	5216-25-1	1145
Diphenylether; Octabromo derivate	32536-52-0	1146
1,2-bis(2-methoxyethoxy)ethane; Triethylene glycol dimethyl ether; (TEGDME);	112-49-2	1147
Tetrahydrothiopyran-3-carboxaldehyde	61571-06-0	1148
4,4'-Bis(dimethylamino)benzophenone; (Michler's ketone)	90-94-8	1149
Oxiranemethanol, 4-methylbenzene-sulfonate, (S)-	70987-78-9	1150

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
1,2-Benzenedicarboxylic acid, dipentylester, branched and linear [1]; n-Pentyl-isopentylphthalate [2]; di-n-Pentyl phthalate [3]; Diisopentylphthalate [4]	84777-06-0 [1] /- [2] 131-18-0 [3] / 605-50-5 [4]	1151
Benzyl butyl phthalate (BBP)	85-68-7	1152
1,2-Benzenedicarboxylic acid, di-C7-11- branched and linear alkyl esters	68515-42-4	1153
A mixture of: Disodium 4-(3-ethoxycarbonyl-4-(5-(3-ethoxycarbonyl-5-hydroxy-1-(4-sulfonatophenyl)pyrazol-4-yl)penta-2,4-dienylidene)-4,5-dihydro-5-oxopyrazol-1-yl)benzenesulfonate, and trisodium 4-(3-ethoxycarbonyl-4-(5-(3-ethoxycarbonyl-5-oxido-1-(4-sulfonatophenyl)pyrazol-4-yl)penta-2,4-dienylidene)-4,5-dihydro-5-oxopyrazol-1-yl)benzenesulfonate	-	1154
(Methylenebis(4,1-phenylenazo(1-(3-(dimethylamino)propyl)-1,2-dihydro-6-hydroxy-4-methyl-2-oxopyridine-5,3diyl)))-1,1'-dipyridinium dichloride dihydrochloride	-	1155
2-[2-Hydroxy-3-(2-chlorophenyl)carbamoyl-1-naphthylazo]-7-[2-hydroxy-3-(3-methylphenyl)carbamoyl-1-naphthylazo]fluoren-9-one	151798-26-4	1156
Azafenidin	68049-83-2	1157
2,4,5-Trimethylaniline [1]; 2,4,5-trimethylaniline hydrochloride [2]	137-17-7 [1] / 21436-97-5 [2]	1158
4,4'-Thiodianiline and its salts	139-65-1	1159
4,4'-Oxydianiline (p-aminophenyl ether) and its salts	101-80-4	1160
N,N,N',N'-Tetramethyl-4,4'-methyldianiline	101-61-1	1161
6-Methoxy-m-toluidine; (p-Cresidine)	120-71-8	1162
3-Ethyl-2-methyl-2-(3-methylbutyl)-1,3-oxazolidine	143860-04-2	1163
A mixture of: 1,3,5-Tris(3-Aminomethylphenyl)-1,3,5-(1H,3H,5H)-triazine-2,4,6-trione, and a mixture of oligomers of 3,5-bis(3-Aminomethylphenyl)-1-poly[3,5-bis(3-aminomethylphenyl)-2,4,6-trioxo-1,3,5-(1H,3H,5H)-triazin-1-yl]-1,3,5-(1H,3H,5H)-triazine-2,4,6-trione	-	1164
2-Nitrotoluene	88-72-2	1165
Tributyl phosphate	126-73-8	1166
Naphthalene	91-20-3	1167
Nonylphenol; 4-Nonylphenol, branched	25154-52-3/ 84852-15-3	1168

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
1,1,2-trichloroethane	79-00-5	1169
Pentachloroethane	76-01-7	1170
Vinylidene chloride (1,1-Dichloroethylene)	75-35-4	1171
Allyl chloride (3-Chloropropene)	107-05-1	1172
1,4-Dichlorobenzene (p-Dichlorobenzene)	106-46-7	1173
Bis(2-chloroethyl) ether	111-44-4	1174
Phenol	108-95-2	1175
Bisphenol A (4,4'-Isopropylidenediphenol)	80-05-7	1176
Trioxymethylene (1,3,5-Trioxan)	110-88-3	1177
Propargite (ISO)	2312-35-8	1178
1-Chloro-4-nitrobenzene	100-00-5	1179
Molinate (ISO)	2212-67-1	1180
Fenpropimorph	67564-91-4	1181
Entry deleted		1182
Methyl isocyanate	624-83-9	1183
N,N-Dimethylanilinium tetrakis(pentafluorophenyl)borate	118612-00-3	1184
O,O'-(Ethenylmethylsilylene)di[(4-methylpentan-2-one)oxime]	-	1185
A 2:1 mixture of: 4-(7-Hydroxy-2,4,4-trimethyl-2-chromanyl)resorcinol-4-yl-tris(6-diazo-5,6-dihydro-5-oxonaphthalene-1-sulfonate), and 4-(7-hydroxy-2,4,4-trimethyl-2-chromanyl)resorcinolbis(6-diazo-5,6-dihydro-5-oxonaphthalene-1-sulfonate)	140698-96-0	1186
A mixture of: Reaction product of 4,4'-methylenebis[2-(4-hydroxybenzyl)-3,6-dimethylphenol] and 6-diazo-5,6-dihydro-5-oxo-naphthalenesulfonate (1:2) and reaction product of 4,4'-methylenebis[2-(4-hydroxybenzyl)-3,6-dimethylphenol] and 6-diazo-5,6-dihydro-5-oxo-naphthalenesulfonate (1:3)	-	1187
Malachite green hydrochloride [1] Malachite green oxalate [2]	569-64-2 [1] / 18015-76-4 [2]	1188
1-(4-Chlorophenyl)-4,4-dimethyl-3-(1,2,4-triazol-1-ylmethyl) pentan-3-ol	107534-96-3	1189
5-(3-Butyryl-2,4,6-trimethylphenyl)-2-[1-(ethoxyimino)propyl]-3-hydroxycyclohex-2-en-1-one	138164-12-2	1190
trans-4-Phenyl-L-proline	96314-26-0	1191

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Bromoxynil heptanoate (ISO)	56634-95-8	1192
A mixture of: 5-[[4-[(7-Amino-1-hydroxy-3-sulfo-2-naphthyl)azo]-2,5-diethoxyphenyl]azo]-2-[(3-phosphonophenyl)azo]benzoic acid, and 5-[[4-[(7-amino-1-hydroxy-3-sulfo-2-naphthyl)azo]-2,5-diethoxyphenyl]azo]-3-[(3-phosphonophenyl)azo]benzoic acid	163879-69-4	1193
2-{4-(2-Ammoniopropylamino)-6-[4-hydroxy-3-(5-methyl-2-methoxy-4-sulfamoylphenylazo)-2-sulfonatonaphth-7ylamino]-1,3,5-triazin-2-ylamino}-2-aminopropyl formate	-	1194
5-Nitro-o-toluidine [1] 5-Nitro-o-toluidine hydrochloride [2]	99-55-8 [1] / 51085-52-0 [2]	1195
1-(1-Naphthylmethyl)quinolinium chloride	65322-65-8	1196
(R)-5-Bromo-3-(1-methyl-2-pyrrolidinylmethyl)-1H-indole	143322-57-0	1197
Pymetrozine (ISO)	123312-89-0	1198
Oxadiargyl (ISO)	39807-15-3	1199
Chlorotoluron; (3-(3-Chloro-p-tolyl)-1,1-dimethylurea)	15545-48-9	1200
N-[2-(3-Acetyl-5-nitrothiophen-2-ylazo)-5-diethylaminophenyl] acetamide	777891-21-1	1201
1,3-Bis(vinylsulfonylacetamido)propane	93629-90-4	1202
p-Phenetidine; (4-Ethoxyaniline)	156-43-4	1203
m-Phenylenediamine and its salts	108-45-2	1204
Residues (coal tar), creosote oil distn., if it contains > 0.005 % w/w benzo[a]pyrene	92061-93-3	1205
Creosote oil, acenaphthene fraction, wash oil, if it contains > 0.005 %w/w benzo[a]pyrene	90640-84-9	1206
Creosote oil, if it contains > 0.005 %w/w benzo[a]pyrene	61789-28-4	1207
Creosote, if it contains > 0.005 % w/w benzo[a]pyrene	8001-58-9	1208
Creosote oil, high-boiling distillate, wash oil, if it contains > 0.005 %w/w benzo[a]pyrene	70321-79-8	1209
Extract residues (coal), creosote oil acid, wash oil extract residue	122384-77-4	1210
Creosote oil, low-boiling distillate, wash oil, if it contains > 0.005 %w/w benzo[a]pyrene	70321-80-1	1211
6-Methoxy-2,3-pyridinediamine and its HCl salt, when used as a substance in hair dye products	94166-62-8	1212

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
2,3-Naphthalenediol, when used as a substance in hair dye products	92-44-4	1213
2,4-Diaminodiphenylamine, when used as a substance in hair dye products	136-17-4	1214
2,6-Bis(2-hydroxyethoxy)-3,5-pyridinediamine and its HCl salt, when used as a substance in hair dye products	117907-42-3	1215
2-Methoxymethyl-p-aminophenol and its HCl salt, when used as a substance in hair dye products	135043-65-1/29785-47-5	1216
4,5-Diamino-1-methylpyrazole and its HCl salt, when used as a substance in hair dye products	20055-01-0/ 21616-59-1	1217
4,5-Diamino-1-((4-chlorophenyl)methyl)-1H-pyrazole sulfate, when used as a substance in hair dye products	163183-00-4	1218
4-Chloro-2-aminophenol, when used as a substance in hair dye products	95-85-2	1219
4-Hydroxyindole, when used as a substance in hair dye products	2380-94-1	1220
4-Methoxytoluene-2,5-diamine and its HCl salt, when used as a substance in hair dye products	56496-88-9	1221
5-Amino-4-fluoro-2-methylphenol sulfate, when used as a substance in hair dye products	163183-01-5	1222
N,N-Diethyl-m-aminophenol, when used as a substance in hair dye products	91-68-9/ 68239-84-9	1223
N,N-Dimethyl-2,6-pyridinediamine and its HCl salt, when used as a substance in hair dye products	-	1224
N-Cyclopentyl-m-aminophenol, when used as a substance in hair dye products	104903-49-3	1225
N-(2-Methoxyethyl)-p-phenylenediamine and its HCl salt, when used as a substance in hair dye products	72584-59-9/ 6566-48-1	1226
2,4-Diamino-5-methylphenetol and its HCl salt, when used as a substance in hair dye products	113715-25-6	1227
1,7-Naphthalenediol, when used as a substance in hair dye products	575-38-2	1228
3,4-Diaminobenzoic acid, when used as a substance in hair dye products	619-05-6	1229
2-Aminomethyl-p-aminophenol and its HCl salt, when used as a substance in hair dye products	79352-72-0	1230
Solvent Red 1 (CI 12150), when used as a substance in hair dye products	1229-55-6	1231

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Acid Orange 24 (CI 20170), when used as a substance in hair dye products	1320-07-6	1232
Acid Red 73 (CI 27290), when used as a substance in hair dye products	5413-75-2	1233
PEG-3,2',2'-di-p-phenylenediamine	144644-13-3	1234
6-Nitro-o-toluidine	570-24-1	1235
HC Yellow No 11	73388-54-2	1236
HC Orange No 3	81612-54-6	1237
HC Green No 1	52136-25-1	1238
HC Red No 8 and its salts	97404-14-3/13556-29-1	1239
Tetrahydro-6-nitroquinoxaline and its salts	158006-54-3/41959-35-7/73855-45-5	1240
Disperse Red 15, except as impurity in Disperse Violet 1	116-85-8	1241
4-Amino-3-fluorophenol	399-95-1	1242
N,N'-Dihexadecyl-N,N'-bis(2-hydroxyethyl)propanediamide; Bishydroxyethyl Biscetyl Malonamide	149591-38-8	1243
1-Methyl-2,4,5-trihydroxybenzene and its salts, when used as a substance in hair dye products	1124-09-0	1244
2,6-Dihydroxy-4-methylpyridine and its salts, when used as a substance in hair dye products	4664-16-8	1245
5-Hydroxy-1,4-benzodioxane and its salts, when used as a substance in hair dye products	10288-36-5	1246
3,4-Methylenedioxyphenol and its salts, when used as a substance in hair dye products	533-31-3	1247
3,4-Methylenedioxyaniline and its salts, when used as a substance in hair dye products	14268-66-7	1248
Hydroxypyridinone and its salts, when used as a substance in hair dye products	822-89-9	1249
3-Nitro-4-aminophenoxyethanol and its salts, when used as a substance in hair dye products	50982-74-6	1250
2-Methoxy-4-nitrophenol (4-Nitroguaiacol) and its salts, when used as a substance in hair dye products	3251-56-7	1251

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
CI Acid Black 131 and its salts, when used as a substance in hair dye products	12219-01-1	1252
1,3,5-Trihydroxybenzene (Phloroglucinol) and its salts, when used as a substance in hair dye products	108-73-6	1253
1,2,4-Benzenetriacetate and its salts, when used as a substance in hair dye products	613-03-6	1254
Ethanol, 2,2'-iminobis-, reaction products with epichlorohydrin and 2-nitro-1,4-benzenediamine (HC Blue No. 5) and its salts, when used as a substance in hair dye products	68478-64-8/ 158571-58-5	1255
N-Methyl-1,4-diaminoanthraquinone, reaction products with epichlorohydrin and monoethanolamine (HC Blue No. 4) and its salts, when used as a substance in hair dye products	158571-57-4	1256
4-Aminobenzenesulfonic acid and its salts, when used as a substance in hair dye products	121-57-3	1257
3,3'-(Sulfonylbis(2-nitro-4,1-phenylene)imino)bis(6-(phenylamino)) benzenesulfonic acid and its salts, when used as a substance in hair dye products	6373-79-1	1258
3(or 5)-((4-(Benzylmethylamino)phenyl)azo)-1,2-(or 1,4)-dimethyl-1H-1,2,4-triazolium and its salts, when used as a substance in hair dye products	89959-98- 8/12221-69-1	1259
2,2'-((3-Chloro-4-((2,6-dichloro-4-nitrophenyl)azo)phenyl)imino)bisethanol(Disperse Brown 1) and its salts, when used as a substance in hair dye products	23355-64-8	1260
Benzothiazolium, 2-[[4-[ethyl(2-hydroxyethyl)amino]phenyl]azo]-6-methoxy-3-methyl- and its salts, when used as a substance in hair dye products	12270-13-2	1261
2-[(4-Chloro-2-nitrophenyl)azo]-N-(2-methoxyphenyl)-3-oxobutanamide (Pigment Yellow 73) and its salts, when used as a substance in hair dye products	13515-40-7	1262
2,2'-[[3,3'-dichloro[1,1'biphenyl]-4,4'-diyl]bis(azo)]bis[3-oxo-N-phenylbutanamide] (Pigment Yellow 12) and its salts, when used as a substance in hair dye products	6358-85-6	1263
2,2'(1,2-Ethenediyl)bis[5-((4-ethoxyphenyl)azo)]benzenesulfonic acid) and its salts, when used as a substance in hair dye products	2870-32-8	1264
2,3-Dihydro-2,2-dimethyl-6-[(4-(phenylazo)-1-naphthelenyl)azo]-1H-pyrimidine (Solvent Black 3) and its salts, when used as a substance in hair dye products	419725-5	1265
3(or5)-[[4-[(7-amino-1-hydroxy-3-sulphonato-2-naphthyl)azo]-1-naphthyl]azo]salicylic acid and its salts, when used as a substance in hair dye products	3442-21- 5/34977-63-4	1266

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
2-Naphthalenesulfonic acid, 7-(benzoylamino)-4-hydroxy-3-[[4-[[4-sulfophenyl]azo]phenyl]azo]- and its salts, when used as a substance in hair dye products	2610-11-9	1267
(micro-((7,7'-Iminobis(4-hydroxy-3-((2-hydroxy-5-(N-methylsulphamoyl)phenyl)azo)naphthalene-2-sulphonato))(6-)))dicuprate and its salts, when used as a substance in hair dye products	37279-54-2	1268
3-[[4-(Acetylamino)phenyl]azo]-4-hydroxy-7-[[[[5-hydroxy-6-(phenylazo)-7-sulfo-2-naphthalenyl] amino]carbonyl]amino]-2-naphthalenesulfonic acid and its salts, when used as a substance in hair dye products	3441-14-3	1269
2-Naphthalenesulfonic acid, 7,7'-(carbonyldiimino)bis(4-hydroxy-3-[[2-sulfo-4-[[4-sulfophenyl]azo] phenyl]azo]- and its salts, when used as a substance in hair dye products	2610-10-8/25188-41-4	1270
Ethanaminium, N-(4-[bis[4-(diethylamino)phenyl]methylene]-2,5-cyclohexadien-1-ylidene)-N-ethyl- and its salts, when used as a substance in hair dye products	2390-59-2	1271
3H-Indolium, 2-[[4-methoxyphenyl)methylhydrazono]methyl]-1,3,3-trimethyl- and its salts, when used as a substance in hair dye products	54060-92-3	1272
3H-Indolium, 2-(2-((2,4-dimethoxyphenyl)amino)ethenyl)-1,3,3-trimethyl- and its salts, when used as a substance in hair dye products	4208-80-4	1273
Nigosine spirit soluble (Solvent Black 5), when used as a substance in hair dye products	11099-03-9	1274
Phenoxazin-5-ium, 3,7-bis(diethylamino)-, and its salts, when used as a substance in hair dye products	47367-75-9	1275
Benzo[a]phenoxazin-7-ium, 9-(dimethylamino)-, and its salts, when used as a substance in hair dye products	7057-57-0/966-62-1	1276
6-Amino-2-(2,4-dimethylphenyl)-1H-benz[de]isoquinoline-1,3(2H)-dione (Solvent Yellow 44) and its salts, when used as a substance in hair dye products	2478-20-8	1277
1-Amino-4-[[4-[[dimethylamino)methyl]phenyl]amino]anthraquinone and its salts, when used as a substance in hair dye products	67905-56-0/12217-43-5	1278
Laccaic Acid (CI Natural Red 25) and its salts, when used as a substance in hair dye products	60687-93-6	1279
Benzenesulfonic acid, 5-[[2,4-dinitrophenyl]amino]-2-(phenylamino)-, and its salts, when used as a substance in hair dye products	6373-74-6/15347-52-1	1280
4-[[4-Nitrophenyl]azo]aniline (Disperse Orange 3) and its salts, when used as a substance in hair dye products	730-40-5/70170-61-5	1281

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
4-Nitro-m-phenylenediamine and its salts, when used as a substance in hair dye products	5131-58-8	1282
1-Amino-4-(methylamino)-9,10-anthracenedione (Disperse Violet 4) and its salts, when used as a substance in hair dye products	1220-94-6	1283
N-Methyl-3-nitro-p-phenylenediamine and its salts, when used as a substance in hair dye products	2973-21-9	1284
N1-(2-Hydroxyethyl)-4-nitro-o-phenylenediamine (HC Yellow No 5) and its salts, when used as a substance in hair dye products	56932-44-6	1285
N1-(Tris(hydroxymethyl)methyl-4-nitro-1,2-phenylenediamine (HC Yellow No 3) and its salts, when used as a substance in hair dye products	56932-45-7	1286
2-Nitro-N-hydroxyethyl-p-anisidine and its salts, when used as a substance in hair dye products	57524-53-5	1287
N,N'-Dimethyl-N-Hydroxyethyl-3-nitro-p-phenylenediamine and its salts, when used as a substance in hair dye products	10228-03-2	1288
3-(N-Methyl-N-(4-methylamino-3-nitrophenyl)amino)propane-1,2-diol and its salts, when used as a substance in hair dye products	93633-79-5	1289
4-Ethylamino-3-nitrobenzoic acid (N-Ethyl-3-Nitro PABA) and its salts, when used as a substance in hair dye products	2788-74-1	1290
(8-[(4-Amino-2-nitrophenyl)azo]-7-hydroxy-2 naphthyl)trimethylammonium and its salts, (except Basic Red 118 as impurity in Basic Brown 17) , when used as a substance in hair dye products	71134-97-9	1291
5-((4-(Dimethylamino)phenyl)azo)-1,4-dimethyl-1H-1,2,4-triazolium and its salts, when used as a substance in hair dye products	12221-52-2	1292
m-Phenylenediamine, 4-(phenylazo)- and its salts, when used as a substance in hair dye products	495-54-5	1293
1,3-Benzenediamine, 4-methyl-6-(phenylazo)- and its salts, when used as a substance in hair dye products	4438-16-8	1294
2,7-Naphthalenedisulfonic acid, 5-(acetylamino)-4-hydroxy-3-((2-methylphenyl)azo)- and its salts, when used as a substance in hair dye products	6441-93-6	1295
4,4'-[[4-Methyl-1,3-phenylene]bis(azo)]bis[6-methyl-1,3-benzenediamine] (Basic Brown 4) and its salts, when used as a substance in hair dye products	4482-25-1	1296
Benzenaminium, 3-[[4-[[diamino(phenylazo)phenyl]azo]-2-methylphenyl]azo]-N,N,N-trimethyl- and its salts, when used as a substance in hair dye products	83803-99-0	1297

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Benzenaminium, 3-[[4-[[di-amino(phenylazo)phenyl]azo]-1-naphthalenyl]azo]-N,N,N-trimethyl and its salts, when used as a substance in hair dye products	83803-98-9/ 2475-46-9/ 86722-66-9	1298
Ethanaminium, N-(4-[[4-(diethylamino)phenyl]phenylmethylene]-2,5-cyclohexadien-1-ylidene)-N-ethyl- and its salts, when used as a substance in hair dye products	633-03-4	1299
9,10-Anthracenedione, 1-[(2-hydroxyethyl)amino]-4-(methylamino)- and its derivatives and salts, when used as a substance in hair dye products	2475-46-9/ 86722-66-9	1300
1,4-Diamino-2-methoxy-9,10-anthracenedione (Disperse Red 11) and its salts, when used as a substance in hair dye products	2872-48-2	1301
1,4-Dihydroxy-5,8-bis[(2-hydroxyethyl)amino]anthraquinone (Disperse Blue 7) and its salts, when used as a substance in hair dye products	3179-90-6	1302
1-[(3-Aminopropyl)amino]-4-(methylamino)anthraquinone and its salts, when used as a substance in hair dye products	22366-99-0	1303
N-[6-[(2-Chloro-4-hydroxyphenyl)imino]-4-methoxy-3-oxo-1,4-cyclohexadien-1-yl]acetamide (HC Yellow No 8) and its salts, when used as a substance in hair dye products	66612-11-1	1304
[6-[[3-Chloro-4-(methylamino)phenyl]imino]-4-methyl-3-oxocyclohexa-1,4-dien-1-yl]urea (HC Red No 9) and its salts, when used as a substance in hair dye products	56330-88-2	1305
Phenothiazin-5-ium, 3,7-bis(dimethylamino)- and its salts, when used as a substance in hair dye products	61-73-4	1306
4,6-Bis(2-hydroxyethoxy)-m-phenylenediamine and its salts, when used as a substance in hair dye products	94082-85-6	1307
5-Amino-2,6-dimethoxy-3-hydroxypyridine and its salts, when used as a substance in hair dye products	104333-03-1	1308
4,4'-Diaminodiphenylamine and its salts, when used as a substance in hair dye products	537-65-5	1309
4-Diethylamino-o-toluidine and its salts, when used as a substance in hair dye products	148-71-0/ 24828-38-4/ 2051-79-8	1310
N,N-Diethyl-p-phenylenediamine and its salts, when used as a substance in hair dye products	93-05-0/ 6065-27-6/ 6283-63-2	1311
N,N-Dimethyl-p-phenylenediamine and its salts, when used as a substance in hair dye products	99-98-9/ 6219-73-4	1312
Toluene-3,4-diamine and its salts, when used as a substance in hair dye products	496-72-0	1313

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
2,4-Diamino-5-methylphenoxyethanol and its salts, when used as a substance in hair dye products	141614-05-3/ 113715-27-8	1314
6-Amino-o-cresol and its salts, when used as a substance in hair dye products	17672-22-9	1315
Hydroxyethylaminomethyl-p-aminophenol and its salts, when used as a substance in hair dye products	110952-46-0/ 135043-63-9	1316
2-Amino-3-nitrophenol and its salts, when used as a substance in hair dye products	603-85-0	1317
2-Chloro-5-nitro-N-hydroxyethyl-p-phenylenediamine and its salts, when used as a substance in hair dye products	50610-28-1	1318
2-Nitro-p-phenylenediamine and its salts, when used as a substance in hair dye products	5307-14-2/ 18266-25-9/ 68239-83-8	1319
Hydroxyethyl-2,6-dinitro-p-anisidine and its salts, when used as a substance in hair dye products	122252-11-3	1320
6-Nitro-2,5-pyridinediamine and its salts, when used as a substance in hair dye products	69825-83-8	1321
Phenazinium, 3,7-diamino-2,8-dimethyl-5-phenyl- and its salts, when used as a substance in hair dye products	477-73-6	1322
3-Hydroxy-4-[(2-hydroxynaphthyl)azo]-7-nitronaphthalene-1-sulphonic acid and its salts, when used as a substance in hair dye products	16279-54- 2/5610-64-0	1323
3-[(2-nitro-4-(trifluoromethyl)phenyl)amino]propane-1,2-diol (HC Yellow No 6) and its salts, when used as a substance in hair dye products	104333-00-8	1324
2-[(4-chloro-2-nitrophenyl)amino]ethanol (HC Yellow No 12) and its salts, when used as a substance in hair dye products	59320-13-7	1325
3-[[4-[(2-Hydroxyethyl)Methylamino]-2-Nitrophenyl]amino]-1,2-propanediol and its salts, when used as a substance in hair dye products	173994-75-7/ 102767-27-1	1326
3-[[4-[(2-Hydroxyethyl)amino]-2-nitrophenyl]amino]-1,2-propanediol and its salts, when used as a substance in hair dye products	114087-41-1/ 114087-42-2	1327
Ethanaminium, N-[4-[[4-(diethylamino)phenyl][4-(ethylamino)-1-naphthalenyl]methylene]-2,5-cyclohexadien-1-ylidene]-N-ethyl- and its salts, when used as a substance in hair dye products	2390-60-5	1328
4-[(4-Aminophenyl)(4-iminocyclohexa-2,5-dien-1-ylidene)methyl]-o-toluidine and its hydrochloride salt (Basic Violet 14; CI 42510) when used as a substance in hair dye products	3248-93-9/632- 99-5	1329

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
4-(2,4-Dihydroxyphenylazo)benzenesulphonic acid and its sodium salt (Acid Orange 6; CI 14270) when used as a substance in hair dye products	2050-34-2/547-57-9	1330
3-Hydroxy-4-(phenylazo)-2-naphthoic acid and its calcium salt (Pigment Red 64:1; CI 15800) when used as a substance in hair dye products	27757-79-5/6371-76-2	1331
2-(6-Hydroxy-3-oxo-(3H)-xanthen-9-yl)benzoic acid; Fluorescein and its disodium salt (Acid Yellow 73 sodium salt; CI 45350), when used as a substance in hair dye products	2321-07-5/518-47-8	1332
4',5'-Dibromo-3',6'-dihydroxyspiro[isobenzofuran-1(3H),9'-[9H]xanthene]-3-one; 4',5'-Dibromofluorescein; (Solvent Red 72) and its sodium salt (CI 45370) when used as a substance in hair dye products	596-03-2/4372-02-5	1333
2-(3,6-Dihydroxy-2,4,5,7-tetrabromoxanthen-9-yl)benzoic acid; Fluorescein, 2',4',5',7'-tetrabromo-; (Solvent Red 43) and its disodium salt (Acid Red 87; CI 45380) and its aluminium salt (Pigment Red 90:1 Aluminium lake) when used as a substance in hair dye products	15086-94-9/17372-87-1/15876-39-8	1334
Xanthylium, 9-(2-carboxyphenyl)-3-((2-methylphenyl)amino)-6-((2-methyl-4-sulphophenyl)amino)-, inner salt and its sodium salt (Acid Violet 9; CI 45190) when used as a substance in hair dye products	10213-95-3/6252-76-2	1335
3',6'-Dihydroxy-4',5'-diiodospiro(isobenzofuran-1(3H),9'-[9H]xanthene)-3-one; (Solvent Red 73) and its sodium salt (Acid Red 95; CI 45425) when used as a substance in hair dye products	38577-97-8/33239-19-9	1336
2',4',5',7'-Tetraiodofluorescein, its disodium salt (Acid Red 51; CI 45430) and its aluminium salt (Pigment Red 172 Aluminium lake) when used as a substance in hair dye products	15905-32-5/16423-68-0/12227-78-0	1337
1-Hydroxy-2,4-diaminobenzene (2,4-Diaminophenol) and its dihydrochloride salts (2,4-Diaminophenol HCl) when used as a substance in hair dye products	95-86-3/137-09-7	1338
1,4-Dihydroxybenzene (Hydroquinone), with the exception of entry 14 in Annex III	123-31-9	1339
[4-[[4-Anilino-1-naphthyl][4-dimethylamino]phenyl]methylene]cyclohexa-2,5-dien-1-ylidene]dimethylammonium chloride (Basic Blue 26; CI 44045) when used as a substance in hair dye products	2580-56-5	1340
Disodium 3-[(2,4-dimethyl-5-sulphonatophenyl)azo]-4-hydroxynaphthalene-1-sulphonate (Ponceau SX; CI 14700) when used as a substance in hair dye products	4548-53-2	1341
Trisodium tris[5,6-dihydro-5-(hydroxyimino)-6-oxonaphthalene-2-sulphonate(2-)-N5,O6]ferrate(3-); (Acid Green 1; CI 10020) when used as a substance in hair dye products	19381-50-1	1342

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
4-(Phenylazo)resorcinol (Solvent Orange 1; CI 11920) and its salts, when used as a substance in hair dye products	2051-85-6	1343
4-[(4-Ethoxyphenyl)azo]naphthol (Solvent Red 3; CI 12010) and its salts, when used as a substance in hair dye products	6535-42-8	1344
1-[(2-Chloro-4-nitrophenyl)azo]-2-naphthol (Pigment Red 4; CI 12085) and its salts when used as a substance in hair dye products	2814-77-9	1345
3-Hydroxy-N-(o-tolyl)-4-[(2,4,5-trichlorophenyl)azo]naphthalene-2-carboxamide (Pigment Red 112; CI12370) and its salts when used as a substance in hair dye products	6535-46-2	1346
N-(5-Chloro-2,4-dimethoxyphenyl)-4-[[5-[(diethylamino)sulphonyl]-2-methoxyphenyl]azo]-3-hydroxynaphthalene-2-carboxamide (Pigment Red 5; CI 12490) and its salts when used as a substance in hair dye products	6410-41-9	1347
Disodium 4-[(5-chloro-4-methyl-2-sulphonatophenyl)azo]-3-hydroxy-2-naphthoate (Pigment Red 48; CI 15865) when used as a substance in hair dye products	3564-21-4	1348
Calcium 3-hydroxy-4-[(1-sulphonato-2-naphthyl)azo]-2-naphthoate Pigment Red 63:1; CI 15880) when used as a substance in hair dye products	6417-83-0	1349
Trisodium 3-hydroxy-4-(4'-sulphonatonaphthylazo)naphthalene-2,7-disulphonate (Acid Red 27; CI 16185) when used as a substance in hair dye products	915-67-3	1350
2,2'-[(3,3'-Dichloro[1,1'-biphenyl]-4,4'-diyl)bis(azo)bis[N-(2,4-dimethylphenyl)-3-oxobutyramide] (Pigment Yellow 13; CI 21100) when used as a substance in hair dye products	5102-83-0	1351
2,2'-[Cyclohexylidenebis[(2-methyl-4,1-phenylene)azo]]bis[4-cyclohexylphenol] (Solvent Yellow 29; CI 21230) when used as a substance in hair dye products	6706-82-7	1352
1-((4-Phenylazo)phenylazo)-2-naphthol (Solvent Red 23; CI 26100) when used as a substance in hair dye products	85-86-9	1353
Tetrasodium 6-amino-4-hydroxy-3-[[7-sulphonato-4-[(4-sulphonatophenyl)azo]-1-naphthyl]azo]naphthalene-2,7-disulphonate (Food Black 2; CI 27755) when used as a substance in hair dye products	2118-39-0	1354
Ethanaminium, N-(4-((4-diethylamino)phenyl)(2,4-disulphophenyl)methylene)-2,5-cyclohexadien-1-ylidene)-N-ethyl-, hydroxide, inner salt, sodium salt (Acid Blue 1; CI 42045) when used as a substance in hair dye products	129-17-9	1355
Ethanaminium, N-(4-((4-diethylamino)phenyl)(5-hydroxy-2,4-disulphophenyl)methylene)-2,5-cyclohexadien-1-ylidene)-N-ethyl-, hydroxide, inner salt, calcium salt (2:1) (Acid Blue 3; CI 42051) when used as a substance in hair dye products	3536-49-0	1356

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Benzenemethanaminium, N-ethyl-N-(4-((4-(ethyl((3-sulfophenyl)methyl)amino)phenyl)(4-hydroxy-2-sulfophenyl)methylene)-2,5-cyclohexadien-1-ylidene)-3-sulfo-, hydroxide, inner salt, disodium salt (Fast Green FCF; CI 42053) when used as a substance in hair dye products	2353-45-9	1357
1,3-Isobenzofurandione, reaction products with methylquinoline and quinoline (Solvent Yellow 33; CI 47000) when used as a substance in hair dye products	8003-22-3	1358
Nigrosine (CI 50420) when used as a substance in hair dye products	8005-03-6	1359
8,18-Dichloro-5,15-diethyl-5,15-dihydrodiindolo[3,2-b:3',2'-m]triphenodioxazine (Pigment Violet 23; CI 51319) when used as a substance in hair dye products	6358-30-1	1360
1,2-Dihydroxyanthraquinone (Pigment Red 83; CI 58000) when used as a substance in hair dye products	72-48-0	1361
Trisodium 8-hydroxypyrene-1,3,6-trisulphonate (Solvent Green 7; CI 59040) when used as a substance in hair dye products	6358-69-6	1362
1-Hydroxy-4-(p-toluidino)anthraquinone (Solvent Violet 13; CI 60725) when used as a substance in hair dye products	81-48-1	1363
1,4-bis(p-Tolylamino)anthraquinone (Solvent Green 3; CI 61565) when used as a substance in hair dye products	128-80-3	1364
6-Chloro-2-(6-chloro-4-methyl-3-oxobenzo[b]thien-2(3H)-ylidene)-4-methylbenzo[b]thiophene-3(2H)-one (VAT Red 1; CI 73360) when used as a substance in hair dye products	2379-74-0	1365
5,12-Dihydroquino[2,3-b]acridine-7,14-dione (Pigment Violet 19; CI 73900) when used as a substance in hair dye products	1047-16-1	1366
(29H,31H-Phthalocyaninato(2-)-N29,N30,N31,N32)copper (Pigment Blue 15; CI 74160) when used as a substance in hair dye products	147-14-8	1367
Disodium [29H,31H-phthalocyaninedisulphonato(4-)-N29,N30,N31,N32]cuprate(2-) (Direct Blue 86; CI 74180) when used as a substance in hair dye products	1330-38-7	1368
Polychloro copper phthalocyanine (Pigment Green 7; CI 74260) when used as a substance in hair dye products	1328-53-6	1369
Entry deleted		1370
Phytonadione (INCI), phytomenadione (INN)	84-80-0 / 81818-54-4	1371
2-Aminophenol (o-Aminophenol; CI 76520) and its salts	95-55-6	1372
N-(2-Nitro-4-aminophenyl)-allylamine (HC Red No 16) and its salts	160219-76-1	1373

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Isopropyl 4-hydroxybenzoate (INCI: Isopropylparaben) Sodium salt or Salts of Isopropylparaben Exception for Indonesia: include under Annex VI	4191-73-5	1374
Isobutyl 4-hydroxybenzoate (INCI: Isobutylparaben)	4247-02-3	1375
Sodium salt or Salts of Isobutylparaben Exception for Indonesia: include under Annex VI	84930-15-4	
Phenyl 4-hydroxybenzoate (INCI: Phenylparaben)	17696-62-7	1376
Benzyl 4-hydroxybenzoate (INCI: Benzylparaben) Exception for Indonesia: include under Annex VI	94-18-8	1377
Pentyl 4-hydroxybenzoate (INCI: Pentylparaben)	6521-29-5	1378
3-Benzylidene camphor (3-Benzylidene Camphor)	15087-24-8	1379
3- and 4-(4-Hydroxy-4-methylpentyl) cyclohex-3-ene-1-carbaldehyde (HICC)	51414-25-6 31906-04-4	1380
2,6-Dihydroxy-4-methyl-benzaldehyde (atranol)	526-37-4	1381
3-Chloro-2,6-Dihydroxy-4-methyl-benzaldehyde (chloroatranol)	57074-21-2	1382
2-chlorobenzene-1,4-diamine (2-Chloro-p-Phenylenediamine), its sulfate and dihydrochloride salts when used as a substance in hair dye products	615-66-7 61702-44-1 (sulfate) 615-46-3 (dihydrochloride)	1384
Cis-1-(3-chloroallyl)-3,5,7- triaza-1-azoniaadamantane chloride (cis-CTAC)	51229-78-8	1385
Cis-1-(3-chlorallyl)-3,5,7-triaza-1-azoniaadamantane chloride (cis-CTAC), quaternium-15	51229-78-8	1386
2-Chloracetamide	79-07-2	1387
Octamethylcyclotetrasiloxane; D4	556-67-2	1388
2,2'-((3,3',5,5'-Tetramethyl-(1,1'-biphenyl)-4,4'-diyl)-bis(oxymethylene))-bis-oxirane	85954-11-6	1390
Acetaldehyde; ethanal	75-07-0	1391
1-Cyclopropyl-6,7-difluoro-1,4-dihydro-4-oxoquinoline-3-carboxylic acid	93107-30-3	1392
N-Methyl-2-pyrrolidone; 1-methyl-2-pyrrolidone	872-50-4	1393
Diboron trioxide; boric oxide	1303-86-2	1394

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Sodium perborate [1]; Sodium peroxometaborate; sodium peroxoborate [2]	15120-21-5 [1] 7632-04-4 [2] 10332-33-9 [2] 10486-00-7[2]	1397
Perboric acid (H ₃ BO ₂ (O ₂)), monosodium salt trihydrate [1]; Perboric acid, sodium salt, tetrahydrate [2]; Perboric acid (HBO(O ₂)), sodium salt, tetrahydrate sodium peroxoborate hexahydrate [3]	13517-20-9 [1] 37244-98-7 [2] 10486-00-7 [3]	1398
Perboric acid, sodium salt [1]; Perboric acid, sodium salt, monohydrate [2]; Perboric acid (HBO(O ₂)), sodium salt, monohydrate [3]	11138-47-9 [1] 12040-72-1 [2] 10332-33-9 [3]	1399
Dibutyltin hydrogen borate	75113-37-0	1400
Nickel bis(tetrafluoroborate)	14708-14-6	1401
Mancozeb (ISO); manganese ethylenebis(dithiocarbamate) (polymeric) complex with zinc salt	8018-01-7	1402
Maneb (ISO); manganese ethylenebis(dithiocarbamate) (polymeric)	12427-38-2	1403
Benfuracarb (ISO); ethyl N-[2,3-dihydro-2,2-dimethylbenzofuran-7-yloxy carbonyl(methyl)aminothio]-N-isopropyl- β-alaninate	82560-54-1	1404
O-Isobutyl-N-ethoxy carbonylthiocarbamate	103122-66-3	1405
Chlorpropham (ISO); isopropyl 3-chlorocarbanilate	101-21-3	1406
O-Hexyl-N-ethoxycarbonylthiocarbamate	109202-58-6	1407
1Hydroxylammonium nitrate	13465-08-2	1408
(4-Ethoxyphenyl)(3-(4-fluoro-3-phenoxyphenyl)propyl)dimethylsilane	105024-66-6	1409
Phoxim (ISO); a-(diethoxy-phosphinothioylimino) phenylacetonitrile	14816-18-3	1410
Glufosinate ammonium (ISO); ammonium 2-amino-4-(hydroxymethylphosphinyl)butyrate	77182-82-2	1411
"Reaction mass of: dimethyl (2-(hydroxymethylcarbamoylethyl)phosphonate; diethyl (2-(hydroxymethylcarbamoylethyl)phosphonate; methyl ethyl (2-(hydroxymethylcarbamoylethyl)phosphonate"	-	1412
(4-Phenylbutyl)phosphinic acid	86552-32-1	1413

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
"Reaction mass of: 4,7-bis(mercaptomethyl)-3,6,9-trithia-1,11-undecanedithiol; 4,8-bis(mercaptomethyl)-3,6,9-trithia-1,11-undecanedithiol; 5,7-bis(mercaptomethyl)-3,6,9-trithia-1,11-undecanedithiol"	170016-25-8	1414
Potassium titanium oxide (K ₂ Ti ₆ O ₁₃)	12056-51-8	1415
Cobalt di(acetate)	71-48-7	1416
Cobalt dinitrate	10141-05-6	1417
Cobalt carbonate	513-79-1	1418
Nickel dichloride	7718-54-9	1419
Nickel dinitrate [1]; Nitric acid, nickel salt [2]	13138-45-9 [1] 14216-75-2 [2]	1420
Nickel matte	69012-50-6	1421
Slimes and sludges, copper electrolytic refining, decopperised, nickel sulfate	92129-57-2	1422
Slimes and sludges, copper electrolyte refining, decopperised	94551-87-8	1423
Nickel diperchlorate; perchloric acid, nickel(II) salt	13637-71-3	1424
Nickel dipotassium bis(sulfate) [1]; Diammonium nickel bis(sulfate) [2] 13842-46	13842-46-1 [1] 15699-18-0 [2]	1425
Nickel bis(sulfamidate); nickel sulfamate	13770-89-3	1426
Nickel diformate [1]; Formic acid, nickel salt [2]; Formic acid, copper nickel salt [3]	3349-06-2 [1] 15843-02-4 [2] 68134-59-8 [3]	1428
Nickel di(acetate) [1]; Nickel acetate [2] 373-02	373-02-4 [1] 14998-37-9 [2]	1429
Nickel dibenzoate	553-71-9	1430
Nickel bis(4-cyclohexylbutyrate)	3906-55-6	1431
Nickel(II) stearate; nickel(II) octadecanoate	2223-95-2	1432
Nickel dilactate	16039-61-5	1433
Nickel(II) octanoate	4995-91-9	1434
Nickel difluoride [1]; Nickel dibromide [2]; Nickel diiodide [3]; Nickel potassium fluoride [4]	10028-18-9 [1] 13462-88-9 [2] 13462-90-3 [3]	1435

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
	11132-10-8 [4]	
Nickel hexafluorosilicate	26043-11-8	1436
Nickel selenate	15060-62-5	1437
"Nickel hydrogen phosphate [1]; Nickel bis(dihydrogen phosphate) [2]; Trinickel bis(orthophosphate) [3]; Dinickel diphosphate [4]; Nickel bis(phosphinate) [5]; Nickel phosphinate [6]; Phosphoric acid, calcium nickel salt [7]; Diphosphoric acid, nickel(II) salt [8]"	14332-34-4 [1] 18718-11-1 [2] 10381-36-9 [3] 14448-18-1 [4] 14507-36-9 [5] 36026-88-7 [6] 17169-61-8 [7] 19372-20-4 [8]	1438
Diammonium nickel hexacyanoferrate	74195-78-1	1439
Nickel dicyanide	557-19-7	1440
Nickel chromate	14721-18-7	1441
Nickel(II) silicate [1]; Dinickel orthosilicate [2]; Nickel silicate (3:4) [3]; Silicic acid, nickel salt [4]; Trihydrogen hydroxybis[orthosilicato(4-)]trinickelate(3-) [5]	21784-78-1 [1] 13775-54-7 [2] 31748-25-1 [3] 37321-15-6 [4] 12519-85-6 [5]	1442
Dinickel hexacyanoferrate	4874-78-3	1443
Trinickel bis(arsenate); nickel(II) arsenate	13477-70-8	1444
Nickel oxalate [1]; Oxalic acid, nickel salt [2]	547-67-1 [1] 20543-06-0 [2]	1445
Nickel telluride	12142-88-0	1446
Trinickel tetrasulfide	12137-12-1	1447
Trinickel bis(arsenite)	74646-29-0	1448
Cobalt nickel gray periclase; C.I. Pigment Black 25; C.I. 77332 [1]; Cobalt nickel dioxide [2]; Cobalt nickel oxide [3]; Nickel arsenide [2]	68186-89-0 [1] 58591-45-0 [2] 12737-30-3 [3] 27016-75-7 [2]	1449
Nickel tin trioxide; nickel stannate	12035-38-0	1450
Nickel triuranium decaoxide	15780-33-3	1451

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Nickel dithiocyanate	13689-92-4	1452
Nickel dichromate	15586-38-6	1453
Nickel(II) selenite	10101-96-9	1454
Nickel selenide	1314-05-2	1455
Silicic acid, lead nickel salt	68130-19-8	1456
Nickel diarsenide [1]	12068-61-0 [1]	1457
Nickel arsenide [2]	27016-75-7 [2]	
Nickel barium titanium primrose priderite; C.I. Pigment Yellow 157; C.I. 77900	68610-24-2	1458
Nickel dichlorate [1]; Nickel dibromate [2]; Ethyl hydrogen sulfate, nickel(II) salt [3]	67952-43-6 [1] 14550-87-9 [2] 71720-48-4 [3]	1459
Nickel(II) trifluoroacetate [1]	16083-14-0 [1]	1460
Nickel(II) propionate [2]	3349-08-4 [2]	
Nickel bis(benzenesulfonate) [3]	39819-65-3 [3]	
Nickel(II) hydrogen citrate [4]	18721-51-2 [4]	
Citric acid, ammonium nickel salt [5]	18283-82-4 [5]	
Citric acid, nickel salt [6]	22605-92-1 [6]	
Nickel bis(2-ethylhexanoate) [7]	4454-16-4 [7]	
2-Ethylhexanoic acid, Nickel salt [8]	7580-31-6 [8]	
Dimethylhexanoic acid nickel salt [9]	93983-68-7 [9]	
Nickel(II) isooctanoate [10]	29317-63-3 [10]	
Nickel isooctanoate [11]	27637-46-3 [11]	
Nickel bis(isononanoate) [12]	84852-37-9 [12]	
Nickel(II) neononanoate [13]	93920-10-6 [13]	
Nickel(II) isodecanoate [14]	85508-43-6 [14]	
Nickel(II) neodecanoate [15]	85508-44-7 [15]	
Neodecanoic acid, nickel salt [16]	51818-56-5 [16]	

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Nickel(II) neoundecanoate [17]	93920-09-3 [17]	
Bis(D-gluconato-O1,O2)nickel [18]	71957-07-8 [18]	
Nickel 3,5-bis(tert-butyl)-4-hydroxybenzoate (1:2) [19]	52625-25-9 [19]	
Nickel(II) palmitate [20]	13654-40-5 [20]	
(2-Ethylhexanoato-O)(Isononanoato-O)nickel [21]	85508-45-8 [21]	
(Isononanoato-O)(Isooctanoato-O)nickel [22]	85508-46-9 [22]	
(Isooctanoato-O)(neodecanoato-O)nickel [23]	84852-35-7 [23]	
(2-Ethylhexanoato-O)(Isodecanoato-O)nickel [24]	84852-39-1 [24]	
(2-Ethylhexanoato-O)(Neodecanoato-O)nickel [25]	85135-77-9 [25]	
(Isodecanoato-O)(isooctanoato-O)nickel [26]	85166-19-4 [26]	
(Isodecanoato-O)(isononanoato-O)nickel [27]	84852-36-8 [27]	
(Isononanoato-O)(Neodecanoato-O)nickel [28]	85551-28-6 [28]	
fatty acids, C6-19-branched, nickel salts [29]	91697-41-5 [29]	
fatty acids, C8-18 and C18-unsaturated, nickel salts [30]	84776-45-4 [30]	
2,7-Naphthalenedisulfonic acid, nickel(II) salt [31]	72319-19-8 [31]	
Nickel(II) sulfite [1]	7757-95-1 [1]	1461
Nickel tellurium trioxide [2]	15851-52-2 [2]	
Nickel tellurium tetroxide [3]	15852-21-8 [3]	
Molybdenum nickel hydroxide oxide phosphate [4]	68130-36-9 [4]	
Nickel boride (NiB) [1]	12007-00-0 [1]	1462
Dinickel boride [2]	12007-01-1 [2]	
Trinickel boride [3]	12007-02-2 [3]	
Nickel boride [4]		

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Dinickel silicide [5]	12619-90-8 [4]	
Nickel disilicide [6]	12059-14-2 [5]	
Dinickel phosphide [7]	12201-89-7 [6]	
Nickel boron phosphide [8]	12035-64-2 [7]	
	65229-23-4 [8]	
Dialuminium nickel tetraoxide [1]	12004-35-2 [1]	
Nickel titanium trioxide [2]	12035-39-1 [2]	
Nickel titanium oxide [3]	12653-76-8 [3]	
Nickel divanadium hexaoxide [4]	52502-12-2 [4]	
Cobalt dimolybdenum nickel octaoxide [5]	68016-03-5 [5]	
Nickel zirkonium trioxide [6]	70692-93-2 [6]	1463
Molybdenum nickel tetraoxide [7]	14177-55-0 [7]	
Nickel tungsten tetraoxide [8]	14177-51-6 [8]	
Olivine, nickel green [9]	68515-84-4 [9]	
Lithium nickel dioxide [10]	12031-65-1 [10]	
Molybdenum nickel oxide [11]	12673-58-4 [11]	
Cobalt lithium nickel oxide		1464
Molybdenum trioxide	1313-27-5	1465
Dibutyltin dichloride; (DBTC) 683-18	683-18-1	1466
4,4'-Bis(N-carbamoyl-4-methylbenzenesulfonamide)diphenylmethane	151882-81-4	1467

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Furfuryl alcohol	98-00-0	1468
1,2-Epoxy-4-epoxyethylcyclohexane; 4-vinylcyclohexene diepoxide	106-87-6	1469
6-Glycidyloxynapht-1-yl oxymethyloxirane	27610-48-6	1470
2-(2-Aminoethylamino)ethanol; (AEEA)	111-41-1	1471
1,2-Diethoxyethane	629-14-1	1472
2,3-Epoxypropyltrimethylammonium chloride; glycidyl trimethylammonium chloride	3033-77-0	1473
1-(2-Amino-5-chlorophenyl)-2,2,2-trifluoro-1,1-ethanediol, hydrochloride	214353-17-0	1474
(E)-3-[1-[4-[2-(Dimethylamino)ethoxy]phenyl]-2-phenylbut-1-enyl]phenol	82413-20-5	1475
4,4'-(1,3-Phenylene-bis(1-methylethylidene))bis-phenol	13595-25-0	1476
2-Chloro-6-fluoro-phenol	2040-90-6	1477
2-Methyl-5-tert-butylthiophenol		1478
2-Butyryl-3-hydroxy-5-thiocyclohexan-3-yl-cyclohex-2-en-1-one	94723-86-1	1479
Profoxydim (ISO); 2-[(E)-1-[(2RS)-2-(4-chlorophenoxy)propoxyimino]butyl]-3-hydroxy-5-(thian-3-yl)cyclohex-2-en-1-one	139001-49-3	1480
Tepraloxym (ISO); (RS)-(E)-2-[1-[(2E)-3-chloroallyloxyimino]propyl]-3-hydroxy-5-perhydropyran-4-ylcyclohex-2-en-1-one	149979-41-9	1481
Cyclic 3-(1,2-ethanediylacetale)-estra-5(10),9(11)-diene-3,17-dione	5571-36-8	1482
Androsta-1,4,9(11)-triene-3,17-dione	15375-21-0	1483
Reaction mass of: Ca salicylates (branched C10-14 and C18-30 alkylated); Ca phenates (branched C10-14 and C18-30 alkylated); Ca sulfurised phenates (branched C10-14 and C18-30 alkylated)		1484
1,2-Benzenedicarboxylic acid; di-C6-8-branched alkylesters, C7-rich	71888-89-6	1485
Reaction mass of: diester of 4,4'-methylenebis[2-(2-hydroxy-5-methylbenzyl)-3,6-dimethylphenol] and 6-diazo-5,6-dihydro-5-oxonaphthalene-1-sulfonic acid (1:2); triester of 4,4'-methylenebis[2-(2-hydroxy-5-methylbenzyl)-3,6-dimethylphenol] and 6-diazo-5,6-dihydro-5-oxonaphthalene-1-sulfonic acid (1:3)		1486

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Diammonium 1-hydroxy-2-(4-(4-carboxyphenylazo)-2,5-dimethoxyphenylazo)-7-amino-3-naphthalenesulfonate	150202-11-2	1487
3-Oxoandrost-4-ene-17-β-carboxylic acid	302-97-6	1488
(Z)-2-Methoxyimino-2-[2-(tritylamino)thiazol-4-yl]acetic acid	64485-90-1	1489
Trisodium nitrilotriacetate	5064-31-3	1490
2-Ethylhexyl-2-ethylhexanoate	7425-14-1	1491
Diisobutyl phthalate	84-69-5	1492
Perfluorooctane sulfonic acid; heptadecafluorooctane-1-sulfonic acid [1]; Potassium perfluorooctanesulfonate; potassium heptadecafluorooctane-1-sulfonate [2]; Diethanolamine perfluorooctane sulfonate [3]; Ammonium perfluorooctane sulfonate; ammonium heptadecafluorooctanesulfonate [4]; Lithium perfluorooctane sulfonate; lithium heptadecafluorooctanesulfonate [5]	1763-23-1 [1] 2795-39-3 [2] 70225-14-8 [3] 29081-56-9 [4] 29457-72-5 [5]	1493
Ethyl 1-(2,4-dichlorophenyl)5-(trichloromethyl)-1H-1,2,4-triazole-3-carboxylate	103112-35-2	1494
1-Bromo-2-methylpropyl propionate	158894-67-8	1495
Chloro-1-ethylcyclohexyl carbonate	99464-83-2	1496
6,6'-Bis(diazo-5,5',6,6'-tetrahydro-5,5'-dioxo)[methylene-bis(5-(6-diazo-5,6-dihydro-5-oxo-1-naphthylsulphonyloxy)-6-methyl-2-phenylene)]di(naphthalene-1-sulfonate)		1497
Trifluralin (ISO); a,a,a-trifluoro-2,6-dinitro-N,N-dipropyl-p-toluidine; 2,6-dinitro-N,N-dipropyl-4-trifluoromethylaniline; N,N-dipropyl-2,6-dinitro-4-trifluoromethylaniline	1582-09-8	1498
4-Mesyl-2-nitrotoluene	1671-49-4	1499
Triammonium 4-[4-[7-(4-carboxylatoanilino)-1-hydroxy-3-sulfonato-2-naphthylazo]-2,5-dimethoxyphenylazo]benzoate	221354-37-6	1500
Reaction mass of: triammonium 6-amino-3-((2,5-diethoxy-4-(3-phosphonophenyl)azo)phenyl)azo-4-hydroxy-2-naphthalenesulfonate; diammonium 3-((4-(7-amino-1-hydroxy-3-sulfo-naphthalen-2-yl)azo)-2,5-diethoxyphenyl)azo)benzoate	163879-69-4	1501
N,N'-Diacetylbenzidine	613-35-4	1502
Cyclohexylamine	108-91-8	1503
Piperazine	110-85-0	1504
Hydroxylamine	7803-49-8	1505

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Hydroxylammonium chloride; hydroxylamine hydrochloride [1]; Bis(hydroxylammonium) sulfate; hydroxylamine sulfate (2:1) [2]	5470-11-1 [1] 10039-54-0 [2]	1506
"Diaminotoluene, methyl-phenylenediamine, technical product-reaction mass of [4-methyl-m-phenylenediamine and 2-methyl-m-phenylenediamine] Methyl-phenylene diamine; diaminotoluene"	-	1507
Mepanipyrim; 4-methyl-N-phenyl-6-(1-propynyl)-2-pyrimidinamine	110235-47-7	1508
Hydroxylammonium hydrogensulfate; hydroxylamine sulfate(1:1) [1]; Hydroxylamine phosphate [2]; Hydroxylamine dihydrogenphosphate [3]; Hydroxylamine 4-methylbenzenesulfonate [4]	10046-00-1 [1] 20845-01-6 [2] 19098-16-9 [3] 53933-48-5 [4]	1509
(3-Chloro-2-hydroxypropyl) trimethylammonium chloride	3327-22-8	1510
Biphenyl-3,3',4,4'-tetrayltetraamine; diaminobenzidine	91-95-2	1511
Piperazine hydrochloride [1]; Piperazine dihydrochloride [2]; Piperazine phosphate [3]	6094-40-2 [1] 142-64-3 [2] 1951-97-9 [3]	1512
3-(Piperazin-1-yl)-benzo[d]isothiazole hydrochloride	87691-88-1	1513
2-Ethylphenylhydrazine hydrochloride	19398-06-2	1514
(2-Chloroethyl)(3-hydroxypropyl)ammonium chloride	40722-80-3	1515
4-[(3-Chlorophenyl)(1H-imidazol-1-yl)methyl]-1,2-benzenediamine dihydrochloride	159939-85-2	1516
Chloro-N,N-dimethylformiminium chloride	3724-43-4	1517
7-Methoxy-6-(3-morpholin-4-yl-propoxy)-3H-quinazolin-4-one	199327-61-2	1518
Reaction products of diisopropanolamine with formaldehyde (1:4)	220444-73-5	1519
3-Chloro-4-(3-fluorobenzyloxy)aniline	202197-26-0	1520
Ethidium bromide; 3,8-diamino-1-ethyl-6-phenylphenantridinium bromide	1239-45-8	1521
(R,S)-2-Amino-3,3-dimethylbutane amide	144177-62-8	1522
3-Amino-9-ethyl carbazole; 9-ethylcarbazol-3-ylamine	132-32-1	1523
(6R-trans)-1-((7-Ammonio-2-carboxylato-8-oxo-5-thia-1-azabicyclo-[4.2.0]oct-2-en-3-yl)methyl)pyridinium iodide	100988-63-4	1524

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Forchlorfenuron (ISO); 1-(2-chloro-4-pyridyl)-3-phenylurea	68157-60-8	1525
Tetrahydro-1,3-dimethyl-1H-pyrimidin-2-one; dimethyl propyleneurea	7226-23-5	1526
Quinoline	91-22-5	1527
Ketoconazole; 1-[4-[4-[[[(2SR,4RS)-2-(2,4-dichlorophenyl)-2-(imidazol-1-ylmethyl)-1,3-dioxolan-4-yl]methoxy]phenyl]piperazin-1-yl]ethanone	65277-42-1	1528
Metconazole (ISO); (1RS,5RS;1RS,5SR)-5-(4-chlorobenzyl)-2,2-dimethyl-1-(1H-1,2,4-triazol-1-ylmethyl)cyclopentanol	125116-23-6	1529
Potassium 1-methyl-3-morpholinocarbonyl-4-[3-(1-methyl-3-morpholinocarbonyl-5-oxo-2-pyrazolin-4-ylidene)-1-propenyl]pyrazole-5-olate	183196-57-8	1530
N,N',N''-Tris(2-methyl-2,3-epoxypropyl)-perhydro-2,4,6-oxo-1,3,5-triazine	26157-73-3	1531
Trimethylpropane tri(3-aziridinylpropanoate); (TAZ)	52234-82-9	1532
4,4'-Methylenediphenyl diisocyanate; diphenylmethane-4,4'-diisocyanate [1]; 2,2'-Methylenediphenyl diisocyanate; diphenylmethane-2,2'-diisocyanate [2]; o-(p-Isocyanatobenzyl)phenyl isocyanate; diphenylmethane-2,4'-diisocyanate [3]; Methylenediphenyl diisocyanate [4]	101-68-8 [1] 2536-05-2 [2] 5873-54-1 [3] 26447-40-5 [4]	1533
Cinidon ethyl (ISO); ethyl (Z)-2-chloro-3-[2-chloro-5-(cyclohex-1-ene-1,2-dicarboximido)phenyl]acrylate	142891-20-1	1534
N-[6,9-Dihydro-9-[[2-hydroxy-1-(hydroxymethyl)ethoxy]methyl]-6-oxo-1H-purin-2-yl]acetamide	84245-12-5	1535
Dimoxystrobin (ISO); (E)-2-(methoxyimino)-N-methyl-2-[a-(2,5-xylyloxy)-o-tolyl]acetamide	149961-52-4	1536
N,N-(Dimethylamino)thioacetamide hydrochloride	27366-72-9	1537
Reaction mass of: 2,2'-[[3,3'-dichloro[1,1'-biphenyl]-4,4'-diyl]bis(azo)]bis[N-(2,4-dimethylphenyl)]-3-oxo-butanamide; 2-[[3,3'-dichloro-4'-[[1[[[(2,4-dimethylphenyl)amino]carbonyl]-2-oxopropyl]azo][1,1'-biphenyl]-4-yl]azo]-N-(2-methylphenyl)-3-oxo-butanamide; 2-[[3,3'-dichloro-4'-[[1[[[(2,4-dimethylphenyl)amino]carbonyl]-2-oxopropyl]azo][1,1'-biphenyl]-4-yl]azo]-N-(2-carboxylphenyl)-3-oxo-butanamide		1538
Petroleum, coal, tar and natural gas and their derivatives generated using distillation and/or other processing methods if they contain = 0,1 % w/w benzene	85536-20-5 [1]; 85536-19-2 [2]; 90641-12-6	1539

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
	[3];	
	90989-38-1	
	[4];	
	91995-20-9	
	[5];	
	92062-36-7	
	[6];	
	91995-61-8 [7];	
	101316-63-6	
	[8];	
	93821-38-6 [9];	
	90641-02-4	
	[10];	
	101316-62-5	
	[11];	
	90641-03-5	
	[12];	
	65996-79-4	
	[13];	
	101794-90-5	
	[14];	
	90640-87-2	
	[15];	
	84650-03-3	
	[16];	
	65996-82-9	
	[17];	
	90641-01-3	
	[18];	
	65996-87-4	
	[19];	
	90640-99-6	
	[20];	
	68391-11-7	
	[21];	
	92062-33-4	
	[22];	
	91082-52-9	
	[23];	
	68937-63-3	
	[24];	
	92062-28-7	
	[25];	
	92062-27-6	
	[26];	

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
	91082-53-0 [27];	
	91995-31-2 [28];	
	91995-35-6 [29];	
	91995-66-3 [30];	
	122070-79-5 [31];	
	122070-80-8 [32];	
	65996-78-3 [33];	
	94114-52-0 [34];	
	94114-53-1 [35];	
	94114-54-2 [36];	
	94114-56-4 [37];	
	94114-57-5 [38];	
	90641-11-5 [39];	
	8006-61-9 [40];	
	8030-30-6 [41];	
	8032-32-4 [42];	
	64741-41-9 [43];	
	64741-42-0 [44];	
	64741-46-4 [45];	
	64742-89-8 [46];	
	68410-05-9 [47];	
	68514-15-8 [48];	
	68606-11-1 [49];	
	68783-12-0 [50];	

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
	68921-08-4 [51];	
	101631-20-3 [52];	
	64741-64-6 [53];	
	64741-65-7 [54];	
	64741-66-8 [55];	
	64741-70-4 [56];	
	64741-84-0 [57];	
	64741-92-0 [58];	
	68410-71-9 [59];	
	68425-35-4 [60];	
	68527-27-5 [61];	
	91995-53-8 [62];	
	92045-49-3 [63];	
	92045-55-1 [64];	
	92045-58-4 [65];	
	92045-64-2 [66];	
	101316-67-0 [67];	
	64741-54-4 [68];	
	64741-55-5 [69];	
	68476-46-0 [70];	
	68783-09-5 [71];	
	91995-50-5 [72];	
	92045-50-6 [73];	

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
	92045-59-5 [74];	
	92128-94-4 [75];	
	101794-97-2 [76];	
	101896-28-0 [77];	
	64741-63-5 [78];	
	64741-68-0 [79];	
	68475-79-6 [80];	
	68476-47-1 [81];	
	68478-15-9 [82];	
	68513-03-1 [83];	
	68513-63-3 [84];	
	68514-79-4 [85];	
	68919-37-9 [86];	
	68955-35-1 [87];	
	85116-58-1 [88];	
	91995-18-5 [89];	
	93571-75-6 [90];	
	93572-29-3 [91];	
	93572-35-1 [92];	
	93572-36-2 [93];	
	64741-74-8 [94];	
	64741-83-9 [95];	
	67891-79-6 [96];	

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
	67891-80-9 [97];	
	68425-29-6 [98];	
	68475-70-7 [99];	
	68603-00-9 [100];	
	68603-01-0 [101];	
	68603-03-2 [102];	
	68955-29-3 [103];	
	92045-65-3 [104];	
	64742-48-9 [105];	
	64742-49-0 [106];	
	64742-73-0 [107];	
	68410-96-8 [108];	
	68410-97-9 [109];	
	68410-98-0 [110];	
	68512-78-7 [111];	
	85116-60-5 [112];	
	85116-61-6 [113];	
	92045-51-7 [114];	
	92045-52-8 [115];	
	92045-57-3 [116];	
	92045-61-9 [117];	
	92062-15-2 [118];	
	93165-55-0 [119];	

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
	93763-33-8 [120];	
	93763-34-9 [121];	
	64741-47-5 [122];	
	64741-48-6 [123];	
	64741-69-1 [124];	
	64741-78-2 [125];	
	64741-87-3 [126];	
	64742-15-0 [127];	
	64742-22-9 [128];	
	64742-23-0 [129];	
	64742-66-1 [130];	
	64742-83-2 [131];	
	64742-95-6 [132];	
	68131-49-7 [133];	
	68477-34-9 [134];	
	68477-50-9 [135];	
	68477-53-2 [136];	
	68477-55-4 [137];	
	68477-61-2 [138];	
	68477-89-4 [139];	
	68478-12-6 [140];	
	68478-16-0 [141];	
	68513-02-0 [142];	

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
	68516-20-1 [143];	
	68527-21-9 [144];	
	68527-22-0 [145];	
	68527-23-1 [146];	
	68527-26-4 [147];	
	68603-08-7 [148];	
	68606-10-0 [149];	
	68783-66-4 [150];	
	68919-39-1 [151];	
	68921-09-5 [152];	
	85116-59-2 [153];	
	86290-81-5 [154];	
	90989-42-7 [155];	
	91995-38-9 [156];	
	91995-41-4 [157];	
	91995-68-5 [158];	
	92045-53-9 [159];	
	92045-60-8 [160];	
	92045-62-0 [161];	
	92045-63-1 [162];	
	92201-97-3 [163];	
	93165-19-6 [164];	
	94114-03-1 [165];	

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
	<p>95009-23-7 [166];</p> <p>97926-43-7 [167];</p> <p>98219-46-6 [168];</p> <p>98219-47-7 [169];</p> <p>101316-56-7 [170];</p> <p>101316-66-9 [171];</p> <p>101316-76-1 [172];</p> <p>101795-01-1 [173];</p> <p>102110-14-5 [174];</p> <p>68476-50-6 [175];</p> <p>68476-55-1 [176];</p> <p>90989-39-2 [177]</p>	
<p>Petroleum, coal, tar and natural gas and their derivatives generated using distillation and/or other processing methods if they contain = 0,005 % w/w benzo[a]pyrene</p>	<p>90640-85-0 [1];</p> <p>92061-93-3 [2];</p> <p>90640-84-9 [3];</p> <p>61789-28-4 [4];</p> <p>70321-79-8 [5];</p> <p>122384-77-4 [6]; 70321-80-1 [7];</p>	<p>1540</p>
<p>Petroleum, coal, tar and natural gas and their derivatives generated using distillation and/or other processing methods if they contain = 0,1 % w/w benzene or if they contain = 0,005 % w/w benzo[a]pyrene</p>	<p>85029-51-2 [1];</p> <p>84650-04-4 [2];</p> <p>84989-09-3 [3];</p> <p>91995-49-2 [4];</p> <p>121620-47-1 [5];</p> <p>121620-48-2 [6]; 90640-90-7 [7]; 90641-04-6 [8];</p>	<p>1541</p>

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
	<p>101896-27-9 [9]; 101794-91-6 [10]; 91995-48-1 [11]; 90641-05-7 [12]; 84989-12-8 [13]; 121620-46-0 [14]; 90640-81-6 [15]; 90640-82-7 [16]; 92061-92-2 [17]; 91995-15-2 [18]; 91995-16-3 [19]; 91995-17-4 [20]; 101316-87-4 [21]; 122384-78-5 [22]; 84988-93-2 [23]; 90640-88-3 [24]; 65996-83-0 [25]; 90640-89-4 [26]; 90641-06-8 [27];</p>	

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
	65996-85-2 [28]; 101316-86-3 [29]; 92062-22-1 [30]; 96690-55-0 [31]; 84989-04-8 [32]; 84989-05-9 [33]; 84989-06-0 [34]; 84989-03-7 [35]; 84989-07-1 [36]; 68477-23-6 [37]; 68555-24-8 [38]; 91079-47-9 [39]; 92062-26-5 [40]; 94114-29-1 [41]; 90641-00-2 [42]; 68513-87-1 [43]; 70321-67-4 [44]; 92062-29-8 [45]; 100801-63-6 [46];	

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
	100801-65-8 [47]; 100801-66-9 [48]; 73665-18-6 [49]; 68815-21-4 [50]; 65996-86-3 [51]; 65996-84-1 [52];	
<p>Petroleum, coal, tar and natural gas and their derivatives generated using distillation and/or other processing methods if they contain = 0,1 % w/w 1,3-butadiene</p>	68607-11-4 [1]; 68783-06-2 [2]; 68814-67-5 [3]; 68814-90-4 [4]; 68911-58-0 [5]; 68911-59-1 [6]; 68919-01-7 [7]; 68919-02-8 [8]; 68919-03-9 [9]; 68919-04-0 [10]; 68919-07-3 [11]; 68919-08-4 [12]; 68919-11-9 [13]; 68919-12-0 [14]; 68952-79-4 [15]; 68952-80-7 [16]; 68955-33-9 [17]; 68989-88-8 [18];	1542

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
	92045-15-3 [19];	
	92045-16-4 [20];	
	92045-17-5 [21];	
	92045-18-6 [22];	
	92045-19-7 [23];	
	92045-20-0 [24];	
	68131-75-9 [25];	
	68307-98-2 [26];	
	68307-99-3 [27];	
	68308-00-9 [28];	
	68308-01-0 [29];	
	68308-10-1 [30];	
	68308-03-2 [31];	
	68308-04-3 [32];	
	68308-05-4 [33];	
	68308-06-5 [34];	
	68308-07-6 [35];	
	68308-09-8 [36];	
	68308-11-2 [37];	
	68308-12-3 [38];	
	68409-99-4 [39];	
	68475-57-0 [40];	
	68475-58-1 [41];	

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
	68475-59-2 [42]; 68475-60-5 [43]; 68476-26-6 [44]; 68476-29-9 [45]; 68476-40-4 [46]; 68476-42-6 [47]; 68476-49-3 [48]; 68476-85-7 [49]; 68476-86-8 [50]; 68477-33-8 [51]; 68477-35-0 [52]; 68477-69-0 [53]; 68477-70-3 [54]; 68477-71-4 [55]; 68477-72-5 [56]; 68308-08-7 [57]	
Tris[2-chloro-1-(chloromethyl)ethyl] phosphate	13674-87-8	1543
Indium phosphide	22398-80-7	1544
Trixylyl phosphate	25155-23-1	1545
Hexabromocyclododecane [1]; 1,2,5,6,9,10-Hexabromocyclododecane [2]	25637-99-4 [1] 3194-55-6 [2]	1546
Tetrahydrofuran	109-99-9	1547
Abamectin (combination of avermectin B1a and avermectin B1b) (ISO) [1]; Avermectin B1a [2]	71751-41-2 [1] 65195-55-3 [2]	1548
4-tert-Butylbenzoic acid	98-73-7	1549

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Leucomalachite green; N,N,N',N'-tetramethyl-4,4'-benzylidenedianiline	129-73-7	1550
Fuberidazole (ISO); 2-(2-furyl)-1H-benzimidazole	3878-19-1	1551
Metazachlor (ISO); 2-chloro-N-(2,6-dimethylphenyl)-N-(1H-pyrazol-1-ylmethyl)acetamide 67129-08	67129-08-2	1552
Di-tert-butyl peroxide	110-05-4	1553
Trichloromethylstannane	993-16-8	1554
2-Ethylhexyl 10-ethyl-4-[[2-[(2-ethylhexyl)oxy]-2-oxoethyl]thio]-4-methyl-7-oxo-8-oxa-3,5-dithia-4-stannatetradecanoate	57583-34-3	1555
2-Ethylhexyl 10-ethyl-4,4-dioctyl-7-oxo-8-oxa-3,5-dithia-4-stannatetradecanoate	15571-58-1	1556
Sulcotrione (ISO); 2-[2-chloro-4-(methylsulfonyl)benzoyl]cyclohexane-1,3-dione	99105-77-8	1557
Bifenthrin (ISO); (2-methylbiphenyl-3-yl)methyl rel-(1R,3R)-3-[(1Z)-2-chloro-3,3,3-trifluoroprop-1-en-1-yl]-2,2-dimethylcyclopropanecarboxylate	82657-04-3	1558
Dihexyl phthalate	84-75-3	1559
Ammonium pentadecafluorooctanoate	3825-26-1	1560
Perfluorooctanoic acid	335-67-1	1561
N-Ethyl-2-pyrrolidone; 1-ethylpyrrolidin-2-one	2687-91-4	1562
Proquinazid (ISO); 6-iodo-2-propoxy-3-propylquinazolin-4(3H)-one	189278-12-4	1563
Gallium arsenide	1303-00-0	1564
Vinyl acetate	108-05-4	1565
Aclonifen (ISO); 2-chloro-6-nitro-3-phenoxyaniline	74070-46-5	1566
2-Ethylhexyl 10-ethyl-4,4-dimethyl-7-oxo-8-oxa-3,5-dithia-4-stannatetradecanoate	57583-35-4	1567
Dimethyltin dichloride	753-73-1	1568
4-Vinylcyclohexene	100-40-3	1569
Tralkoxydim (ISO); 2-(N-ethoxypropanimidoyl)-3-hydroxy-5-mesitylcyclohex-2-en-1-one	87820-88-0	1570
Cycloxydim (ISO); 2-(N-ethoxybutanimidoyl)-3-hydroxy-5-(tetrahydro-2H-thiopyran-3-yl)cyclohex-2-en-1-one	101205-02-1	1571

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Fluazinam (ISO); 3-chloro-N-[3-chloro-2,6-dinitro-4-(trifluoromethyl)phenyl]-5-(trifluoromethyl)pyridin-2-amine	79622-59-6	1572
Penconazole (ISO); 1-[2-(2,4-dichlorophenyl)pentyl]-1H-1,2,4-triazole	66246-88-6	1573
Fenoxycarb (ISO); ethyl [2-(4-phenoxyphenoxy)ethyl]carbamate	72490-01-8	1574
Styrene	100-42-5	1575
Tetrahydro-2-furylmethanol; tetrahydrofurfuryl alcohol	97-99-4	1576
Formaldehyde Except Lao PDR	50-00-0	1577
Paraformaldehyde	30525-89-4	1578
Methanediol: methylene glycol	463-57-0	1579
Cymoxanil (ISO); 2-cyano-N-[(ethylamino)carbonyl]-2-(methoxyimino)acetamide	57966-95-7	1580
Tributyltin compounds		1581
Tembotrione (ISO); 2-{2-chloro-4-(methylsulfonyl)-3-[(2,2,2-trifluoroethoxy)methyl]benzoyl}cyclohexane-1,3-dione	335104-84-2	1582
1,2-Benzenedicarboxylic acid, dihexyl ester, branched and linear	68515-50-4	1583
Spirotetramat (ISO); (5s,8s)-3-(2,5-dimethylphenyl)-8-methoxy-2-oxo-1-azaspiro[4,5]dec-3-en-4-yl ethyl carbonate	203313-25-1	1584
Dodemorph acetate; 4-cyclododecyl-2,6-dimethylmorpholin-4-ium acetate	31717-87-0	1585
Triflusulfuron-methyl; methyl 2-({[4-(dimethylamino)-6-(2,2,2-trifluoroethoxy)-1,3,5-triazin-2-yl]carbonyl}sulfamoyl)-3-methylbenzoate	126535-15-7	1586
Imazalil (ISO); 1-[2-(allyloxy)-2-(2,4-dichlorophenyl)ethyl]-1H-imidazole	35554-44-0	1587
Dodemorph (ISO); 4-cyclododecyl-2,6-dimethylmorpholine	1593-77-7	1588
Imidazole	288-32-4	1589
Lenacil (ISO); 3-cyclohexyl-6,7-dihydro-1H-cyclopenta[d]pyrimidine-2,4(3H,5H)-dione	2164-08-1	1590
Metosulam (ISO); N-(2,6-dichloro-3-methylphenyl)-5,7-dimethoxy[1,2,4]triazolo[1,5-a]pyrimidine-2-sulfonamide	139528-85-1	1591
2-Methyl-1-(4-methylthiophenyl)-2-morpholino-propan 1-one	71868-10-5	1592

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
2,3-Epoxypropyl methacrylate; glycidyl methacrylate	106-91-2	1593
Spiroxamine (ISO); 8-tert-butyl-1,4-dioxaspiro[4.5]decan-2-ylmethyl(ethyl)(propyl)amine	118134-30-8	1594
Cyanamide; carbanonitril	420-04-2	1595
Cyproconazole (ISO); (2RS,3RS;2RS,3SR)-2-(4-chlorophenyl)-3-cyclopropyl-1-(1H-1,2,4-triazol-1-yl)butan-2-ol	94361-06-5	1596
Cadmium carbonate	513-78-0	1598
Cadmium hydroxide; cadmium dihydroxide	21041-95-2	1599
Cadmium nitrate; cadmium dinitrate	10325-94-7	1600
Dibutyltin dilaurate; dibutyl[bis(dodecanoyloxy)] stannane	77-58-7	1601
Clorofene; chlorophene; 2-benzyl-4-chlorophenol	120-32-1	1602
9,10-anthraquinone Anthraquinone	84-65-1	1603
Nonadecafluorodecanoic acid [1]; Ammonium nonadecafluorodecanoate [2]; Sodium nonadecafluorodecanoate [3]	335-76-2 [1] 3108-42-7 [2] 3830-45-3 [3]	1604
N,N'-Methylenedimorpholine; N,N'-methylenebismorpholine; [formaldehyde released from N,N'-Methylenebismorpholine]; [MBM] if the maximum theoretical concentration of releasable formaldehyde, irrespective of the source, in the mixture as placed on the market is ≥ 0.1 % w/w	5625-90-1	1605
Reaction products of paraformaldehyde with 2-hydroxypropylamine (3:2); [formaldehyde released from 3,3'-methylenebis[5-methyloxazolidine]; [formaldehyde released from oxazolidin]; [MBO] if the maximum theoretical concentration of releasable formaldehyde, irrespective of the source, in the mixture as placed on the market is ≥ 0.1 % w/w		1606
Reaction products of paraformaldehyde with 2-hydroxypropylamine (1:1)); [formaldehyde released from a,a,a-trimethyl-1,3,5-triazine-1,3,5(2H,4H,6H)-triethanol]; [HPT] if the maximum theoretical concentration of releasable formaldehyde, irrespective of the source, in the mixture as placed on the market is ≥ 0.1 % w/w		1607
Methylhydrazine	60-34-4	1608
Triadimenol (ISO); (1RS,2RS;1RS,2SR)-1-(4-chlorophenoxy)-3,3-dimethyl-1-(1H-1,2,4-triazol-1-yl)butan-2-ol; a-tert-butyl-β-(4-chlorophenoxy)-1H-1,2,4-triazole-1-ethanol	55219-65-3	1609

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Thiacloprid (ISO); (Z)-3-(6-chloro-3-pyridyl-methyl)-1-3-thiazolidin-2-ylidenecyanamide; {(2Z)-3-[(6-chloropyridin-3-yl)methyl]-1,3-thiazolidin-2-ylidene}cyanamide	111988-49-9	1610
Carbetamide (ISO); (R)-1-(ethylcarbamoyl) ethyl-carbanilate; (2R)-1-(ethylamino) -1-oxopro-pan-2-yl-phenylcarbamate	16118-49-3	1611
Phosmet (ISO); S-[(1,3-dioxo-1,3-dihydro-2H- isoindol-2-yl)methyl]-O,O-dimethyl phosphorodithioate; O,O-dimethyl-S-phthalimidomethyl phosphorodithioate	732-11-6	1612
Potassium permanganate	7722-64-7	1613
2-Benzyl-2-dimethylamino-4'- morpholinobutyrophenone	119313-12-1	1614
Quizalofop-p-tefuryl (ISO); (+/-) tetrahydrofurfuryl (R)-2-[4-(6-chloroquinoxalin-2-yloxy)phenoxy]propionate	200509-41-7	1615
Propiconazole (ISO); (2RS,4RS;2RS,4SR)-1-[[2-(2,4-dichlorophenyl)-4-propyl-1,3- dioxolan-2-yl]methyl]-1H- 1,2,4-triazole	60207-90-1	1616
Pinoxaden (ISO); 8-(2,6-diethyl-4-methylphenyl)-7-oxo-1,2,4,5-tetrahydro-7H-pyrazolo[1,2-d][1,4,5]oxadiazepin-9-yl 2,2-dimethylpropanoate	243973-20-8	1617
Tetramethrin; (1-Cyclohexene-1,2-Dicarboximido)Methyl Chrysanthemate; 2,2-Dimethyl-3-(2-Methyl-1-Propenyl)Cyclopropanecarboxylic Acid (1,3,4,5,6,7-Hexahydro-1,3-Dioxo-2H-Isoindol-2-yl)Methyl Ester	7696-12-0	1618
(1,3,4,5,6,7-Hexahydro-1,3-dioxo-2H-isoindol-2-yl)methyl (1R-trans)-2,2-dimethyl-3-(2- methylprop-1-enyl)cyclopropanecarboxylate	1166-46-7	1619
Spirodiclofen (ISO); 3-(2,4-dichlorophenyl)-2-oxo- 1-oxaspiro[4.5]dec-3-en-4-yl 2,2-dimethylbutyrate	148477-71-8	1620
Reaction mass of 1-[2-(2-aminobutoxy)ethoxy]but-2-ylamine and 1-({[2-(2-aminobutoxy)ethoxy]methyl}propoxy) but-2-ylamine	897393-42-9	1621
1-Vinylimidazole	1072-63-5	1622
Amisulbrom (ISO)3-(3-bromo-6-fluoro-2-methylindol-1-ylsulfonyl)-N,N-dimethyl-1H-1,2,4-triazole-1-sulfonamide	348635-87-0	1623
Pirimicarb (ISO); 2-(dimethylamino)-5,6-dimethylpyrimidin-4-yl dimethylcarbamate	23103-98-2	1624
1,2-Dichloropropane; propylene dichloride	78-87-5	1625
Phenol, dodecyl-, branched [1] Phenol, 2-dodecyl-, branched [2] Phenol, 3-dodecyl-, branched [3]	121158-58-5 [1]; 1801269-80-6	1626

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Phenol, 4-dodecyl-, branched [4] Phenol, (tetrapropenyl) derivatives [5]	[2] ; 1801269-77-1 [3]; 210555-94-5 [4]; 74499-35-7 [5]	
Coumatetralyl (ISO); 4- hydroxy-3-(1,2,3,4-tetrahydro-1-naphthyl) coumarin	5836-29-3	1627
Difenacoum (ISO); 3-(3- biphenyl-4-yl-1,2,3,4- tetrahydro- 1-naphthyl)- 4-hydroxycoumarin	56073-07-5	1628
Brodifacoum (ISO); 4-hydroxy-3-(3-(4' -bromo-4-biphenyl)-1,2,3,4-tetrahydro-1-naphthyl)coumarin	56073-10-0	1629
Flocoumafen (ISO); reaction mass of: cis-4- hydroxy-3- (1,2,3,4-tetrahydro-3-(4-(4-trifluoromethylbenzyloxy)phenyl)-1-naphthyl)coumarin and trans-4-hydroxy-3-(1,2,3,4- tetrahydro-3-(4-(4-trifluoromethylbenzyloxy)phenyl)-1- naphthyl)coumarin	90035-08-8	1630
Acetochlor (ISO); 2- chloro-N-(ethoxymethyl)-N-(2-ethyl-6-methylphenyl)acetamide	34256-82-1	1631
e-Glass microfibres of representative composition		1632
Glass microfibres of representative composition		1633
Bromadiolone (ISO); 3- [3-(4' -bromobiphenyl- 4-yl)-3-hydroxy-1-phenylpropyl]-4-hydroxy- 2H-chromen-2-one	28772-56-7	1634
Difethialone (ISO); 3-[3-(4' -bromobiphenyl-4-yl)-1,2,3,4-tetrahydronaphthalen-1-yl]- 4-hydroxy-2H-1-benzothiopyran-2-one	104653-34-1	1635
Perfluorononan-1-oic acid [1] and its sodium [2] and ammonium [3] salts	375-95-1 [1] / 21049-39-8 [2] / 4149-60-4 [3]	1636
Dicyclohexyl phthalate	84-61-7	1637
3,7-Dimethylocta-2,6- dienenitrile	5146-66-7	1638
Bupirimate (ISO); 5-butyl-2-ethylamino-6- methylpyrimidin-4-yl dimethylsulfamate	41483-43-6	1639
Triflumizole (ISO); (1E)-N-[4-chloro-2-(trifluoromethyl) phenyl]-1- (1H-imidazol-1-yl)-2- propoxyethanimine	68694-11-1	1640
tert-Butyl hydroperoxide	75-91-2	1641
1,2,4-Trihydroxybenzene when used as a substance in hair and eyelash dye products	533-73-3	1642

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
4-Amino-3-hydroxytoluene when used as a substance in hair and eyelash dye products	2835-98-5	1643
2-[(4-Amino-2-nitrophenyl)-amino]-benzoic acid when used as a substance in hair and eyelash dye products	117907-43-4	1644
Cobalt	7440-48-4	1645
Metaldehyde (ISO); 2,4,6,8-tetramethyl- 1,3,5,7-tetraoxacyclooctane	108-62-3	1646
Methylmercuric chloride	115-09-3	1647
Benzo[<i>rst</i>]pentaphene	189-55-9	1648
Dibenzo[<i>b,def</i>]chrysene; dibenzo[<i>a,h</i>]pyrene	189-64-0	1649
Ethanol, 2,2'-iminobis-, N- (C13-15-branched and linear alkyl) derivs.	97925-95-6	1650
Cyflumetofen (ISO); 2-methoxyethyl (RS)-2- (4-tert-butylphenyl)-2-cyano-3-oxo-3-(α,α,α -trifluoro- <i>o</i> -tolyl)propionate	400882-07-7	1651
Diisohexyl phthalate	71850-09-4	1652
halosulfuron-methyl (ISO); methyl 3-chloro-5-[[4,6-dimethoxypyrimidin-2-yl) carbamoyl] sulfamoyl]-1- methyl-1H-pyrazole-4- carboxylate	100784-20-1	1653
2-methylimidazole	693-98-1	1654
Metaflumizone (ISO); (EZ)-2'-[2-(4-cyanophenyl)-1-(α,α,α -trifluoro- <i>m</i> -tolyl)ethylidene]-[4-(trifluoromethoxy)phenyl] carbanilohydrazide [E-isomer \geq 90 %, Z-isomer \leq 10 % relative content]; [1] (E)-2'-[2-(4-cyanophenyl)- 1-(α,α,α -trifluoro- <i>m</i> -tolyl) ethylidene]-[4-(trifluoromethoxy)phenyl] carbanilohydrazide [2]	139968-49-3 [1]/ 852403-68-0 [2]	1655
Dibutylbis(pentane-2,4- dionato-O,O')tin	22673-19-4	1656
4-[(tetrahydro-2H-pyran-2-yl)oxy]phenol (Deoxyarbutin, Tetrahydropyranyloxy Phenol)	53936-56-4	1657
Silicon carbide fibres (with diameter < 3 μ m, length > 5 μ m and aspect ratio \geq 3:1)	409-21-2; 308076-74-6	1658
Tris(2-methoxyethoxy) vinylsilane; 6-(2-methoxyethoxy)- 6-vinyl-2,5,7,10-tetraoxa-6-silaundecane	1067-53-4	1659
Diocetyl tin dilaurate; [1] stannane, dioctyl-, bis (coco acyloxy) derivs. [2]	3648-18-8 [1]; 91648- 39-4 [2]	1660

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
Dibenzo[def,p]chrysene; dibenzo[a,l]pyrene	191-30-0	1661
Ipconazole (ISO); (1RS,2SR,5RS;1RS,2SR,5SR)-2-(4-chlorobenzyl)-5-isopropyl-1- (1H-1,2,4-triazol-1-ylmethyl)cyclopentanol	125225-28-7/ 115850-69-6/ 115937-89-8	1662
Bis(2-(2-methoxyethoxy)ethyl)ether; tetraglyme	143-24-8	1663
Paclobutrazol (ISO); (2RS,3RS)-1-(4-chlorophenyl)-4,4-dimethyl- 2-(1H-1,2,4-triazol-1- yl)pentan-3-ol	76738-62-0	1664
2,2-bis(bromomethyl) propane-1,3-diol	3296-90-0	1665
2-(4-tert-butylbenzyl) propionaldehyde	80-54-6	1666
Diisooctyl phthalate	27554-26-3	1667
2-methoxyethyl acrylate	3121-61-7	1668
Flurochloridone (ISO); 3-chloro-4-(chloromethyl)-1-[3-(trifluoromethyl)phenyl]pyrrolidin-2-one	61213-25-0	1671
3-(difluoromethyl)-1- methyl-N-(3',4',5'-trifluorobiphenyl-2-yl) pyrazole-4-carboxamide; fluxapyroxad	907204-31-3	1672
N-(hydroxymethyl)acrylamide; methylolacrylamide; [NMA]	924-42-5	1673
5-fluoro-1,3-dimethyl-N-[2-(4- methylpentan-2-yl) phenyl]-1H-pyrazole- 4-carboxamide; 2'- [(RS)-1,3-dimethylbutyl]-5-fluoro-1,3-dimethylpyrazole-4-carboxanilide; penflufen	494793-67-8	1674
Iprovalicarb (ISO); isopropyl [(2S)-3- methyl-1-[[1-(4-methylphenyl)ethyl] amino]-1-oxobutan-2- yl]carbamate	140923-17-7	1675
Dichlorodioctylstannane	3542-36-7	1676
Mesotrione (ISO); 2-[4-(methylsulfonyl)- 2-nitrobenzoyl]-1,3-cyclohexanedione	104206-82-8	1677
Hymexazol (ISO); 3-hydroxy-5-methylisoxazole	10004-44-1	1678
Imiprothrin (ISO); reaction mass of: [2,4- dioxo-(2-propyn-1-yl) imidazolidin-3-yl] methyl(1R)-cis-chrysanthemate; [2,4-dioxo-(2-propyn-1-yl) imidazolidin-3-yl] methyl(1R)-trans-chrysanthemate	72963-72-5	1679
Bis(α,α-dimethylbenzyl) peroxide	80-43-3	1680
Tetrafluoroethylene	116-14-3	1681
6,6'-di-tert-butyl-2,2'-methylenedi-p-cresol;[DBMC]	119-47-1	1682
(5-chloro-2-methoxy-4-methyl-3-pyridyl)(4,5,6-trimethoxy-o-tolyl)methanone; pyriofenone	688046-61-9	1683

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
(RS)-1-{1-ethyl-4-[4-mesy]3-(2-methoxyethoxy)-o-toluoyl]pyrazol-5-yloxy}ethyl methyl carbonate; tolpyralate	1101132-67-5	1684
Azamethiphos (ISO); S-[(6-chloro-2-oxooxazolo[4,5-b]pyridin-3(2H)-yl)methyl] O,O-dimethyl thiophosphate	35575-96-3	1685
3-methylpyrazole	1453-58-3	1686
N-methoxy-N-[1-methyl-2-(2,4,6-trichlorophenyl)-ethyl]-3-(difluoromethyl)-1-methylpyrazole-4-carboxamide; pydiflumetofen	1228284-64-7	1687
N-{2-[[1,1'-bi(cyclopropyl)]-2-yl]phenyl}-3-(difluoromethyl)-1-methyl-1H-pyrazole-4-carboxamide; sedaxane	874967-67-6	1688
4-methylpentan-2-one; isobutyl methyl ketone (MIBK)	108-10-1	1689
Dimethomorph (ISO); (E,Z)-4-(3-(4-chlorophenyl)-3-(3,4-dimethoxyphenyl)acryloyl)morpholine	110488-70-5	1690
Imazamox (ISO); (RS)-2-(4-isopropyl-4-methyl-5-oxo-2-imidazolin-2-yl)-5-methoxymethylnicotinic acid	114311-32-9	1691
Thiamethoxam (ISO); 3-(2-chloro-thiazol-5-ylmethyl)-5-methyl[1,3,5]oxadiazinan-4-ylidene-N-nitroamine	153719-23-4	1692
Triticonazole (ISO); (RS)-(E)-5-(4-chlorobenzylidene)-2,2-dimethyl-1-(1H-1,2,4-triazol-1-methyl)cyclopentanol	138182-18-0	1693
Desmedipham (ISO); ethyl 3-phenylcarbamoyloxyphenylcarbamate	13684-56-5	1694
Ammonium bromide	12124-97-9	1695
Dibutyltin bis(2-ethylhexanoate)	2781-10-4	1696
Dibutyltin di(acetate)	1067-33-0	1697
Tellurium dioxide	7446-07-3	1698
Barium diboron tetraoxide	13701-59-2	1699
2,2-dimethylpropan-1-ol,tribromo derivative; 3-bromo-2,2-bis(bromomethyl)propan-1-ol	36483-57-5/ 1522-92-5	1700
2,4,6-tri-tert-butylphenol	732-26-3	1701
4,4'-sulphonyldiphenol; bisphenol S	80-09-1	1702
Benzophenone Except Thailand	119-61-9	1703
Quinoclamine (ISO); 2-amino- 3-chloro-1,4-naphthoquinone	2797-51-5	1704
Perfluoroheptanoic acid; tridecafluoroheptanoic acid	375-85-9	1705

Annex II – List of substances which must not form part of the composition of cosmetic products

Substances	CAS Number	Ref. No
methyl N-(isopropoxycarbonyl)-L-valyl-(3RS)- 3-(4-chlorophenyl)-β-alaninate; valifenalate	283159-90-0	1706
6-[C12-18-alkyl-(branched, unsaturated)-2,5-dioxopyrrolidin-1-yl]hexanoic acid, sodium and tris(2-hydroxyethyl)ammonium salts	-	1707
6-[(C10-C13)-alkyl-(branched, unsaturated)-2,5-dioxopyrrolidin-1-yl]hexanoic acid	2156592-54-8	1708
6-[C12-18-alkyl-(branched, unsaturated)-2,5-dioxopyrrolidin-1-yl]hexanoic acid	-	1709
1,3,5-triazine-2,4,6-triamine; melamine	108-78-1	1710
Fluopicolide (ISO); 2,6-dichloro-N-[3-chloro- 5-(trifluoromethyl)-2-pyridylmethyl]benzamide	607-285-6	1711
N-(2-nitrophenyl)phosphoric triamide	874819-71-3	1712
N-(5-chloro-2-isopropylbenzyl)-N-cyclopropyl- 3-(difluoromethyl)-5-fluoro-1-methyl-1H-pyrazole- 4-carboxamide; isoflucypram	1255734-28-1	1713
Reaction mass of 3-(difluoromethyl)-1-methyl-N-[(1RS,4SR,9RS)-1,2,3,4-tetrahydro- 9-isopropyl-1,4-methanonaphthalen-5-yl]pyrazole- 4-carboxamide and 3-(difluoromethyl)-1-methyl-N- [(1RS,4SR,9SR)-1,2,3,4-tetrahydro- 9-isopropyl-1,4-methanonaphthalen-5-yl]pyrazole- 4-carboxamide [≥ 78 % syn isomers ≤ 15 % anti isomers relative content]; isopyrazam	881685-58-1	1714
Cumene	98-82-8	1715
Pentapotassium 2,2',2'',2''',2''''-(ethane-1,2-diyl)nitriilo pentaacetate	7216-95-7	1716
N-carboxymethyliminobis(ethylenenitriilo)tetra(acetic acid); Pentetic Acid (INCI) Except Thailand	67-43-6	1717
Acetamiprid (ISO); (1E)-N-[(6-chloropyridin-3-yl) methyl]-N'-cyano-N-methylethanimidamide; (E)-N1-[(6-chloro-3-pyridyl) methyl]-N2-cyano-N1-methylacetamidine	135410-20-7/ 160430-64-8	1718
Pendimethalin (ISO); N-(1-ethylpropyl)-2,6-dinitro-3,4-xylidene	40487-42-1	1719
Bentazone (ISO); 3-isopropyl-2,1,3-benzothiadiazine- 4-one-2,2-dioxide	25057-89-0	1720

Ref#1144: (2) for the individual ingredient see reference number 364 in Annex II.

Ref#1144: (3) for the individual ingredient see reference number 413 in Annex II.

APPENDIX 1

ASEAN definition of animal products category 1, 2 and 3

Ref Annex II # 419

Definitions

1. *'Animal by-products'* means entire bodies or parts of animals, products of animal origin or other products obtained from animals, which are not intended for human consumption, including oocytes, embryos and semen;
2. *'Derived products'* means products obtained from one or more treatments, transformations or steps of processing of animal by-products;

Category 1 material

Category 1 material shall comprise the following animal by-products:

(a) Entire bodies and all body parts, including hides and skins, of the following animals:

- (i) Animals suspected of being infected by a Transmissible Spongiform Encephalopathy (TSE) or in which the presence of a TSE has been officially confirmed;
- (ii) Animals killed in the context of TSE eradication measures;
- (iii) Animals other than farmed and wild animals, including in particular pet animals, zoo animals and circus animals;
- (iv) Animals used for experiments;
- (v) Wild animals, when suspected of being infected with diseases communicable to humans or animals;

(b) The following material:

- (i) Specified risk material;

- (ii) Entire bodies or parts of dead animals containing specified risk material at the time of disposal;
- (c) Animal by-products derived from animals which have been submitted to illegal treatment;
- (d) Animal by-products containing residues of other substances and environmental contaminants, if such residues exceed the permitted level laid down by national legislation;
- (e) Animal by-products collected during the treatment of waste water:
 - (i) From establishments or plants processing Category 1 material;
or
 - (ii) From other establishments or plants where specified risk material is being removed;
- (f) Catering waste from means of transport operating internationally;
- (g) Mixtures of Category 1 material with either Category 2 material or Category 3 material or both.

Category 2 material

Category 2 material shall comprise the following animal by-products:

- (a) Manure, non-mineralized guano and digestive tract content;
- (b) Animal by-products collected during the treatment of waste water:
 - (i) From establishments or plants processing Category 2 material;
or
 - (ii) From slaughterhouses other than those specifically approved;
- (c) Animal by-products containing residues of authorized substances or contaminants exceeding the permitted levels laid down by National legislation;
- (d) Products of animal origin which have been declared unfit for human consumption due to the presence of foreign bodies in those products;
- (e) Animals and parts of animals:

(i) that died other than by being slaughtered or killed for human consumption, including animals killed for disease control purposes;

(ii) Fetuses;

(iii) Oocytes, embryos and semen; and

(iv) Dead-in-shell poultry;

(f) Mixtures of Category 2 material with Category 3 material;

(g) Animal by-products other than Category 1 material or Category 3 material;

Category 3 material

Category 3 material shall comprise animal by-products other than those described in Category 1 or Category 2, including:

(a) Bristles;

(b) Feathers;

(c) Ruminants which have been tested for TSE, with a negative result;

(d) Blood, placenta, wool, feathers, hair, horns, hoof cuts and raw milk originating from live animals that did not show any signs of disease communicable through that product to humans or animals;

(e) Aquatic animals, and parts of such animals, except sea mammals, which did not show any signs of disease communicable to humans or animals;

(f) Animal by-products from aquatic animals originating from establishments or plants manufacturing products for human consumption;

(g) The following material originating from animals which did not show any signs of disease communicable through that material to humans or animals:

(i) Shells from shellfish with soft tissue or flesh;

(ii) The following originating from terrestrial animals:

- Hatchery by-products,
- Eggs,
- Egg by-products, including egg shells,

(h) Aquatic and terrestrial invertebrates other than species pathogenic to humans or animals;

ANNEX VII

LIST OF UV FILTERS WHICH COSMETIC PRODUCTS MAY CONTAIN

For the purpose of this Directive, UV filters are substances which, contained in cosmetic sunscreen products, are specifically intended to filter certain UV rays in order to protect the skin from certain harmful effects of these rays.

These UV filters may be added to other cosmetic products within the limits and under the conditions laid down in this Annex.

Other UV filters used in cosmetic products solely for the purpose of protecting the product against UV rays are not included in this list.

Warning which must be printed on the label 'Do not stay too long in the sun, even while using a sunscreen product' (for primary sunscreen products)

Annex VII - List of UV filters which cosmetic products may contain

ANNEX VII - PART 1

LIST OF PERMITTED UV FILTERS WHICH COSMETIC PRODUCTS MAY CONTAIN

Reference number	Substance	Maximum Authorised concentration	Other limitations and requirements	Conditions of use and warnings which must be printed on the label
a	b	c	d	e
A28	Menthyl anthranilate	5 %		
A29	Zinc oxide CAS No.1314-13-2	25 % ⁽²⁾	Not to be used in applications that may lead to exposure of the end-user's lungs by inhalation.	

Annex VII - List of UV filters which cosmetic products may contain

Reference number	Substance	Maximum Authorised concentration	Other limitations and requirements	Conditions of use and warnings which must be printed on the label
a	b	c	d	e
A29a	Zinc Oxide (nano) CAS No.1314-13-2	25% ⁽²⁾	<p>Not to be used in applications that may lead to exposure of the end-user's lungs by inhalation.</p> <p>Only nanomaterials having the following characteristics are allowed:</p> <ul style="list-style-type: none"> • purity ≥ 96% with wurtzite crystalline structure and physical appearance as clusters that are rod-like, star-like and/or isometric shapes, with impurities consisting only of carbon dioxide and water whilst other impurities are less than 1% in total. • Median diameter of the particle number size distribution D50 (50% of the number below this diameter) > 30 nm and D1 (1% below this size) >20nm. • Water solubility < 50 mg/l. <p>Coating materials can be used that have been demonstrated to be safe and not to affect the nanoparticle properties related to the behaviour and/or effects</p>	
1	Entry deleted			
2	N,N,N-Trimethyl-4-(2-oxoborn-3-ylidene methyl) anilinium methyl sulphate CAS No.52793-97-2	6%		
3	Homosalate (INN) CAS No.118-56-9	10% 7.34%	Face products with the exception of propellant spray products	

Annex VII - List of UV filters which cosmetic products may contain

Reference number	Substance	Maximum Authorised concentration	Other limitations and requirements	Conditions of use and warnings which must be printed on the label
a	b	c	d	e
4	2-Hydroxy-4-methoxy-benzophenone/Oxybenzone Benzophenone-3 CAS No. 131-57-7	a) 6% b) 2.2% c) 0.5%	For a) and b) Not more than 0.5 % to protect product formulation a) Face products, hand products, and lip products, excluding propellant and pump spray products If used at 0.5 % to protect product formulation, the levels used as UV filter must not exceed 5.5 %. b) Body products, including propellant and pump spray products If used at 0.5 % to protect product formulation, the levels used as UV filter must not exceed 1.7 %. Other products	For a) and b): Contains Benzophenone-3 ⁽¹⁾
5	Entry deleted			
6	2-Phenylbenzimidazole-5-sulphonic acid and its potassium, sodium and triethanolamine salts CAS No.27503-81-7	8% expressed as acid		

Annex VII - List of UV filters which cosmetic products may contain

Reference number	Substance	Maximum Authorised concentration	Other limitations and requirements	Conditions of use and warnings which must be printed on the label
a	b	c	d	e
7	3,3'-(1,4-Phenylenedimethylene)bis(7,7-dimethyl-2-oxo-bicyclo-[2,2,1]hept-1-yl methanesulfonic acid) and its salts Terephthalylidene CAS No. 92761-26-7 Dicamphor Sulfonic Acid CAS No. 90457-82-2	10% (expressed as acid)		
8	1-(4-Tert-Butylphenyl)-3-(4-methoxyphenyl)propane-1,3-dione/Avobenzone CAS No. 70356-09-1	5%		
9	alpha-(2-Oxoborn-3-ylidene) toluene-4-sulphonic acid and its salts CAS No.56039-58-8	6% (expressed as acid)		
10	2-Cyano-3,3-diphenyl acrylic acid, 2-ethylhexyl ester (Octocrylene) ⁽⁶⁾ CAS No. 6197-30-4	a) 9 % b) 10 %	a) Propellant spray products b) Other products	
11	Polymer of N-{(2 and 4)-[2-oxoborn-3-ylidene) methyl] benzyl} acrylamide CAS No. 113783-61-2	6%		
12	Octyl methoxycinnamate CAS No. 5466-77-3	10%		

Annex VII - List of UV filters which cosmetic products may contain

Reference number	Substance	Maximum Authorised concentration	Other limitations and requirements	Conditions of use and warnings which must be printed on the label
a	b	c	d	e
13	Ethoxylated Ethyl-4-aminobenzoate (PEG-25 PABA) CAS No. 116242-27-4	10%		
14	Isopentyl-4-methoxycinnamate (Isoamyl p-methoxycinnamate) CAS No. 71617-10-2	10%		
15	2,4,6-Trianiilino-(p-carbo-2'-ethylhexyl-1'-oxy)-1,3,5-triazine (Octyl triazone) CAS No. 88122-99-0	5%		
16	Phenol,2-(2H-benzotriazol-2-yl)-4-methyl-6-(2-methyl-3-(1,3,3,3-tetramethyl-1-(trimethylsilyl)oxy)-disiloxanyl)propyl (Drometrizole Trisiloxane) CAS No.155633-54-8	15%		
17	Benzoic acid, 4,4-((6-(((1,1-dimethylethyl)amino)carbonyl)phenyl)amino)-1,3,5-triazine-2,4-diyl)diimino)bis-,bis-(2-ethylhexyl)ester) CAS No. 154702-15-5	10%		
18	3-(4'-Methylbenzylidene)-dl-camphor (4-Methylbenzylidene Camphor) CAS No. 38102-62-4, 36861-47-9	4%		
19	<i>Entry Deleted</i>			

Annex VII - List of UV filters which cosmetic products may contain

Reference number	Substance	Maximum Authorised concentration	Other limitations and requirements	Conditions of use and warnings which must be printed on the label
a	b	c	d	e
20	2-Ethylhexyl salicylate (Octyl Salicylate) CAS No. 118-60-5	5%		
21	4-Dimethylaminobenzoate of ethyl-2-hexyl (octyl dimethyl PABA) CAS No. 21245-02-3	8%		
22	2-Hydroxy-4-methoxybenzophenone-5-sulfonic acid (Benzophenone-4) and its sodium salt (Benzophenone-5) Benzophenone-4 CAS No. 4065-45-6 Benzophenone-5 CAS No. 6628-37-1	5% (as acid)		
23	2,2'-Methylene-bis(6-(2H-benzotriazol-2-yl)-4-(tetramethyl-butyl)-1,1,3,3-phenol);2,2'-Methylenebis(6-(2H-benzotriazol-2-yl)-4-(1,1,3,3-tetramethylbutyl)phenol) (Methylene Bis-Benzotriazolyl Tetramethylbutylphenol/MBBT) CAS No. 103597-45-1	10% ⁽⁵⁾		

Annex VII - List of UV filters which cosmetic products may contain

Reference number	Substance	Maximum Authorised concentration	Other limitations and requirements	Conditions of use and warnings which must be printed on the label
a	b	c	d	e
23a	2,2'-Methylene-bis(6-(2H-benzotriazol-2-yl)-4-(tetramethyl-butyl)-1,1,3,3-phenol);2,2'-Methylenebis(6-(2H-benzotriazol-2-yl)-4-(1,1,3,3-tetramethylbutyl)phenol) (Methylene Bis-Benzotriazolyl Tetramethylbutylphenol (nano)/MBBT (nano)) CAS No. 103597-45-1	10% ⁽⁵⁾	Not to be used in applications that may lead to exposure of the end user's lungs by inhalation. Only nanomaterials having the following characteristics are allowed: <ul style="list-style-type: none"> - Purity ≥ 98.5 %, with 2,2'-methylene-bis-(6(2H-benzotriazol-2-yl)-4-(isooctyl)phenol) isomer fraction not exceeding 1.5 %; - Solubility < 5 ng/L in water at 25 °C; - Partition coefficient (Log Pow): 12.7 at 25 °C; - Uncoated; - Median particle size D50 (50% of number below this diameter): ≥ 120 nm of mass distribution and/or ≥ 60 nm of number size distribution. 	
24	Monosodium salt of 2,2'-(1,4-phenylene)bis-1H-benzimidazole-4,6-disulphonic acid CAS No.180898-37-7	10% (of acid)		
25	(1,3,5)-Triazine-2,4-bis-{{[4-(2-ethyl-hexyloxy)-2-hydroxy]-phenyl}-6-(4-methoxyphenyl)} CAS No.187393-00-6	10%		
26	Dimethicodiethylbenzalmalonate (CAS No. 207574-74-1)	10 %		

Annex VII - List of UV filters which cosmetic products may contain

Reference number	Substance	Maximum Authorised concentration	Other limitations and requirements	Conditions of use and warnings which must be printed on the label
a	b	c	d	e
27	Titanium dioxide ⁽³⁾ (CAS No. 13463-67-7/1317-70-0/1317-80-2)	25 % ⁽⁴⁾	Titanium dioxide in powder form containing 1 % or more of particles with aerodynamic diameter ≤ 10 µm, to be used in compliance with Annex III, No [338]. For the product types under letter (c) of column (c) in Annex III, No [338], the maximum concentration in ready for use preparation provided in column (c) of this entry applies.	
27a	Titanium dioxide (nano) CAS No. 13463-67-7/1317-70-0/1317-80-2	25 % ⁽⁴⁾	<p>Not to be used in applications that may lead to exposure of the end-user's lungs by inhalation.</p> <p>Only nanomaterials having the following characteristics are allowed:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Purity ≥ 99% - Rutile form, or rutile with up to 5% anatase, with crystalline structure and physical appearance as clusters of spherical, needle, or lanceolate shapes, - Median particle size based on number size distribution ≥ 30 nm, - Aspect ratio from 1 to 4.5 and volume specific surface area ≤ 460 m²/cm³, - Coating materials can be used that have been demonstrated to be safe and not to affect the nanoparticle properties related to the behaviour and/or effects, - Photocatalytic activity ≤ 10% compared with corresponding non-coated or non-doped reference, - Nanoparticles are photostable in the final formulation. 	

Annex VII - List of UV filters which cosmetic products may contain

Reference number	Substance	Maximum Authorised concentration	Other limitations and requirements	Conditions of use and warnings which must be printed on the label
a	b	c	d	e
28	Benzoic acid, 2-[4-(diethylamino)-2-hydroxybenzoyl]-, hexylester. INCI Name: Diethylamino hydroxybenzoyl hexyl Benzoate CAS No. 302776-68-7	10 %		
29	1,3,5-Triazine, 2,4,6-tris [1,1'-biphenyl]-4-yl-, including as nanomaterial. INCI Name : Tris-biphenyl triazine Tris-biphenyl triazine (nano) CAS No. 31274-51-8	10%	Not to be used in sprays. Only nanomaterials having the following characteristics are allowed: — median primary particle size > 80 nm; — Purity ≥ 98 %; — Uncoated	
30	3,3-(1,4-Phenylene) bis (5,6-diphenyl- 1,2,4-triazine) CAS No. 55514-22-2	5%	Not to be used in application that may lead to exposure of the end user's lungs by inhalation.'	
31	2-ethoxyethyl (2Z)-2-cyano- 2-[3-(3-methoxypropylamino) cyclohex-2-en-1-ylidene]acetate Methoxypropylamino Cyclohexenylidene Ethoxyethylcyanoacetate CAS No. 1419401-88-9	3 %	-- Not to be used in applications that may lead to exposure of the end-user's lungs by inhalation — Do not use with nitrosating agents – Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg — Keep in nitrite-free containers'	

Annex VII - List of UV filters which cosmetic products may contain

Reference number	Substance	Maximum Authorised concentration	Other limitations and requirements	Conditions of use and warnings which must be printed on the label
a	b	c	d	e
32	1,1'-(1,4-piperazinediyl)bis[1-[2-[4-(diethylamino)-2-hydroxybenzoyl]phenyl]-methanone Bis-(Diethylaminohydroxybenzoyl Benzoyl) Piperazine Cas No. 919803-06-8	10% ⁽⁷⁾		
33	1,1'-(1,4-piperazinediyl)bis[1-[2-[4-(diethylamino)-2-hydroxybenzoyl]phenyl]-methanone Bis-(Diethylaminohydroxybenzoyl Benzoyl) Piperazine (nano) Cas No. 919803-06-8	10% ⁽⁷⁾	Only nanomaterials having the following characteristics are allowed: <ul style="list-style-type: none"> - Purity ≥ 97 % - Median particle size D50 (50 % of the number below this diameter): ≥ 50 nm of number size distribution. Not to be used in applications that may lead to exposure of the end user's lungs by inhalation.	

1. Not required if concentration is 0.5 % or less and when it is used only for product protection purposes.
2. In case of combined use of zinc oxide and zinc oxide (nano), the sum shall not exceed the limit given in column c.
3. For use of titanium dioxide as a colourant see Annex IV, CI 77891
4. In case of combined use of titanium dioxide and titanium dioxide (nano), the sum shall not exceed the limit given in column c.
5. In case of combined use of Methylene Bis-Benzotriazolyl Tetramethylbutylphenol and Methylene Bis-Benzotriazolyl Tetramethylbutylphenol (nano), the sum shall not exceed the limit given in column c.
6. Benzophenone as an impurity and/or degradation product of Octocrylene shall be kept at trace level.
7. In case of combined use of Bis-(Diethylaminohydroxybenzoyl Benzoyl) Piperazine and Bis-(Diethylaminohydroxybenzoyl Benzoyl) Piperazine (nano), the sum shall not exceed 10 %.

ANNEX VII

LIST OF UV FILTERS WHICH COSMETIC PRODUCTS MAY CONTAIN

For the purpose of this Directive, UV filters are substances which, contained in cosmetic sunscreen products, are specifically intended to filter certain UV rays in order to protect the skin from certain harmful effects of these rays.

These UV filters may be added to other cosmetic products within the limits and under the conditions laid down in this Annex.

Other UV filters used in cosmetic products solely for the purpose of protecting the product against UV rays are not included in this list.

Warning which must be printed on the label 'Do not stay too long in the sun, even while using a sunscreen product' (for primary sunscreen products)

Annex VII - List of UV filters which cosmetic products may contain

ANNEX VII - PART 1

LIST OF PERMITTED UV FILTERS WHICH COSMETIC PRODUCTS MAY CONTAIN

Reference number	Substance	Maximum Authorised concentration	Other limitations and requirements	Conditions of use and warnings which must be printed on the label
a	b	c	d	e
A28	Menthyl anthranilate	5 %		
A29	Zinc oxide CAS No.1314-13-2	25 % ⁽²⁾	Not to be used in applications that may lead to exposure of the end-user's lungs by inhalation.	

Annex VII - List of UV filters which cosmetic products may contain

Reference number	Substance	Maximum Authorised concentration	Other limitations and requirements	Conditions of use and warnings which must be printed on the label
a	b	c	d	e
A29a	Zinc Oxide (nano) CAS No.1314-13-2	25% ⁽²⁾	<p>Not to be used in applications that may lead to exposure of the end-user's lungs by inhalation.</p> <p>Only nanomaterials having the following characteristics are allowed:</p> <ul style="list-style-type: none"> • purity ≥ 96% with wurtzite crystalline structure and physical appearance as clusters that are rod-like, star-like and/or isometric shapes, with impurities consisting only of carbon dioxide and water whilst other impurities are less than 1% in total. • Median diameter of the particle number size distribution D50 (50% of the number below this diameter) > 30 nm and D1 (1% below this size) >20nm. • Water solubility < 50 mg/l. <p>Coating materials can be used that have been demonstrated to be safe and not to affect the nanoparticle properties related to the behaviour and/or effects</p>	
1	Entry deleted			
2	N,N,N-Trimethyl-4-(2-oxoborn-3-ylidene methyl) anilinium methyl sulphate CAS No.52793-97-2	6%		
3	Homosalate (INN) CAS No.118-56-9	10% 7.34%	Face products with the exception of propellant spray products	

Annex VII - List of UV filters which cosmetic products may contain

Reference number	Substance	Maximum Authorised concentration	Other limitations and requirements	Conditions of use and warnings which must be printed on the label
a	b	c	d	e
4	2-Hydroxy-4-methoxy-benzophenone/Oxybenzone Benzophenone-3 CAS No. 131-57-7	a) 6% b) 2.2% c) 0.5%	For a) and b) Not more than 0.5 % to protect product formulation a) Face products, hand products, and lip products, excluding propellant and pump spray products If used at 0.5 % to protect product formulation, the levels used as UV filter must not exceed 5.5 %. b) Body products, including propellant and pump spray products If used at 0.5 % to protect product formulation, the levels used as UV filter must not exceed 1.7 %. Other products	For a) and b): Contains Benzophenone-3 ⁽¹⁾
5	Entry deleted			
6	2-Phenylbenzimidazole-5-sulphonic acid and its potassium, sodium and triethanolamine salts CAS No.27503-81-7	8% expressed as acid		

Annex VII - List of UV filters which cosmetic products may contain

Reference number	Substance	Maximum Authorised concentration	Other limitations and requirements	Conditions of use and warnings which must be printed on the label
a	b	c	d	e
7	3,3'-(1,4-Phenylenedimethylene)bis(7,7-dimethyl-2-oxo-bicyclo-[2,2,1]hept-1-yl methanesulfonic acid) and its salts Terephthalylidene CAS No. 92761-26-7 Dicamphor Sulfonic Acid CAS No. 90457-82-2	10% (expressed as acid)		
8	1-(4-Tert-Butylphenyl)-3-(4-methoxyphenyl)propane-1,3-dione/Avobenzone CAS No. 70356-09-1	5%		
9	alpha-(2-Oxoborn-3-ylidene) toluene-4-sulphonic acid and its salts CAS No.56039-58-8	6% (expressed as acid)		
10	2-Cyano-3,3-diphenyl acrylic acid, 2-ethylhexyl ester (Octocrylene) ⁽⁶⁾ CAS No. 6197-30-4	a) 9 % b) 10 %	a) Propellant spray products b) Other products	
11	Polymer of N-{(2 and 4)-[2-oxoborn-3-ylidene) methyl] benzyl} acrylamide CAS No. 113783-61-2	6%		
12	Octyl methoxycinnamate CAS No. 5466-77-3	10%		

Annex VII - List of UV filters which cosmetic products may contain

Reference number	Substance	Maximum Authorised concentration	Other limitations and requirements	Conditions of use and warnings which must be printed on the label
a	b	c	d	e
13	Ethoxylated Ethyl-4-aminobenzoate (PEG-25 PABA) CAS No. 116242-27-4	10%		
14	Isopentyl-4-methoxycinnamate (Isoamyl p-methoxycinnamate) CAS No. 71617-10-2	10%		
15	2,4,6-Trianiilino-(p-carbo-2'-ethylhexyl-1'-oxy)-1,3,5-triazine (Octyl triazone) CAS No. 88122-99-0	5%		
16	Phenol,2-(2H-benzotriazol-2-yl)-4-methyl-6-(2-methyl-3-(1,3,3,3-tetramethyl-1-(trimethylsilyl)oxy)-disiloxanyl)propyl (Drometrizole Trisiloxane) CAS No.155633-54-8	15%		
17	Benzoic acid, 4,4-((6-(((1,1-dimethylethyl)amino)carbonyl)phenyl)amino)-1,3,5-triazine-2,4-diyl)diimino)bis-,bis-(2-ethylhexyl)ester) CAS No. 154702-15-5	10%		
18	3-(4'-Methylbenzylidene)-dl-camphor (4-Methylbenzylidene Camphor) CAS No. 38102-62-4, 36861-47-9	4%		
19	<i>Entry Deleted</i>			

Annex VII - List of UV filters which cosmetic products may contain

Reference number	Substance	Maximum Authorised concentration	Other limitations and requirements	Conditions of use and warnings which must be printed on the label
a	b	c	d	e
20	2-Ethylhexyl salicylate (Octyl Salicylate) CAS No. 118-60-5	5%		
21	4-Dimethylaminobenzoate of ethyl-2-hexyl (octyl dimethyl PABA) CAS No. 21245-02-3	8%		
22	2-Hydroxy-4-methoxybenzophenone-5-sulfonic acid (Benzophenone-4) and its sodium salt (Benzophenone-5) Benzophenone-4 CAS No. 4065-45-6 Benzophenone-5 CAS No. 6628-37-1	5% (as acid)		
23	2,2'-Methylene-bis(6-(2H-benzotriazol-2-yl)-4-(tetramethyl-butyl)-1,1,3,3-phenol);2,2'-Methylenebis(6-(2H-benzotriazol-2-yl)-4-(1,1,3,3-tetramethylbutyl)phenol) (Methylene Bis-Benzotriazolyl Tetramethylbutylphenol/MBBT) CAS No. 103597-45-1	10% ⁽⁵⁾		

Annex VII - List of UV filters which cosmetic products may contain

Reference number	Substance	Maximum Authorised concentration	Other limitations and requirements	Conditions of use and warnings which must be printed on the label
a	b	c	d	e
23a	2,2'-Methylene-bis(6-(2H-benzotriazol-2-yl)-4-(tetramethyl-butyl)-1,1,3,3-phenol);2,2'-Methylenebis(6-(2H-benzotriazol-2-yl)-4-(1,1,3,3-tetramethylbutyl)phenol) (Methylene Bis-Benzotriazolyl Tetramethylbutylphenol (nano)/MBBT (nano)) CAS No. 103597-45-1	10% ⁽⁵⁾	Not to be used in applications that may lead to exposure of the end user's lungs by inhalation. Only nanomaterials having the following characteristics are allowed: <ul style="list-style-type: none"> - Purity ≥ 98.5 %, with 2,2'-methylene-bis-(6(2H-benzotriazol-2-yl)-4-(isooctyl)phenol) isomer fraction not exceeding 1.5 %; - Solubility < 5 ng/L in water at 25 °C; - Partition coefficient (Log Pow): 12.7 at 25 °C; - Uncoated; - Median particle size D50 (50% of number below this diameter): ≥ 120 nm of mass distribution and/or ≥ 60 nm of number size distribution. 	
24	Monosodium salt of 2,2'-(1,4-phenylene)bis-1H-benzimidazole-4,6-disulphonic acid CAS No.180898-37-7	10% (of acid)		
25	(1,3,5)-Triazine-2,4-bis-{{[4-(2-ethyl-hexyloxy)-2-hydroxy]-phenyl}-6-(4-methoxyphenyl)} CAS No.187393-00-6	10%		
26	Dimethicodiethylbenzalmalonate (CAS No. 207574-74-1)	10 %		

Annex VII - List of UV filters which cosmetic products may contain

Reference number	Substance	Maximum Authorised concentration	Other limitations and requirements	Conditions of use and warnings which must be printed on the label
a	b	c	d	e
27	Titanium dioxide ⁽³⁾ (CAS No. 13463-67-7/1317-70-0/1317-80-2)	25 % ⁽⁴⁾	Titanium dioxide in powder form containing 1 % or more of particles with aerodynamic diameter ≤ 10 µm, to be used in compliance with Annex III, No [338]. For the product types under letter (c) of column (c) in Annex III, No [338], the maximum concentration in ready for use preparation provided in column (c) of this entry applies.	
27a	Titanium dioxide (nano) CAS No. 13463-67-7/1317-70-0/1317-80-2	25 % ⁽⁴⁾	<p>Not to be used in applications that may lead to exposure of the end-user's lungs by inhalation.</p> <p>Only nanomaterials having the following characteristics are allowed:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Purity ≥ 99% - Rutile form, or rutile with up to 5% anatase, with crystalline structure and physical appearance as clusters of spherical, needle, or lanceolate shapes, - Median particle size based on number size distribution ≥ 30 nm, - Aspect ratio from 1 to 4.5 and volume specific surface area ≤ 460 m²/cm³, - Coating materials can be used that have been demonstrated to be safe and not to affect the nanoparticle properties related to the behaviour and/or effects, - Photocatalytic activity ≤ 10% compared with corresponding non-coated or non-doped reference, - Nanoparticles are photostable in the final formulation. 	

Annex VII - List of UV filters which cosmetic products may contain

Reference number	Substance	Maximum Authorised concentration	Other limitations and requirements	Conditions of use and warnings which must be printed on the label
a	b	c	d	e
28	Benzoic acid, 2-[4-(diethylamino)-2-hydroxybenzoyl]-, hexylester. INCI Name: Diethylamino hydroxybenzoyl hexyl Benzoate CAS No. 302776-68-7	10 %		
29	1,3,5-Triazine, 2,4,6-tris [1,1'-biphenyl]-4-yl-, including as nanomaterial. INCI Name : Tris-biphenyl triazine Tris-biphenyl triazine (nano) CAS No. 31274-51-8	10%	Not to be used in sprays. Only nanomaterials having the following characteristics are allowed: — median primary particle size > 80 nm; — Purity ≥ 98 %; — Uncoated	
30	3,3-(1,4-Phenylene) bis (5,6-diphenyl- 1,2,4-triazine) CAS No. 55514-22-2	5%	Not to be used in application that may lead to exposure of the end user's lungs by inhalation.'	
31	2-ethoxyethyl (2Z)-2-cyano- 2-[3-(3-methoxypropylamino) cyclohex-2-en-1-ylidene]acetate Methoxypropylamino Cyclohexenylidene Ethoxyethylcyanoacetate CAS No. 1419401-88-9	3 %	-- Not to be used in applications that may lead to exposure of the end-user's lungs by inhalation — Do not use with nitrosating agents – Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg — Keep in nitrite-free containers'	

Annex VII - List of UV filters which cosmetic products may contain

Reference number	Substance	Maximum Authorised concentration	Other limitations and requirements	Conditions of use and warnings which must be printed on the label
a	b	c	d	e
32	1,1'-(1,4-piperazinediyl)bis[1-[2-[4-(diethylamino)-2-hydroxybenzoyl]phenyl]-methanone Bis-(Diethylaminohydroxybenzoyl Benzoyl) Piperazine Cas No. 919803-06-8	10% ⁽⁷⁾		
33	1,1'-(1,4-piperazinediyl)bis[1-[2-[4-(diethylamino)-2-hydroxybenzoyl]phenyl]-methanone Bis-(Diethylaminohydroxybenzoyl Benzoyl) Piperazine (nano) Cas No. 919803-06-8	10% ⁽⁷⁾	Only nanomaterials having the following characteristics are allowed: <ul style="list-style-type: none"> - Purity ≥ 97 % - Median particle size D50 (50 % of the number below this diameter): ≥ 50 nm of number size distribution. Not to be used in applications that may lead to exposure of the end user's lungs by inhalation.	

1. Not required if concentration is 0.5 % or less and when it is used only for product protection purposes.
2. In case of combined use of zinc oxide and zinc oxide (nano), the sum shall not exceed the limit given in column c.
3. For use of titanium dioxide as a colourant see Annex IV, CI 77891
4. In case of combined use of titanium dioxide and titanium dioxide (nano), the sum shall not exceed the limit given in column c.
5. In case of combined use of Methylene Bis-Benzotriazolyl Tetramethylbutylphenol and Methylene Bis-Benzotriazolyl Tetramethylbutylphenol (nano), the sum shall not exceed the limit given in column c.
6. Benzophenone as an impurity and/or degradation product of Octocrylene shall be kept at trace level.
7. In case of combined use of Bis-(Diethylaminohydroxybenzoyl Benzoyl) Piperazine and Bis-(Diethylaminohydroxybenzoyl Benzoyl) Piperazine (nano), the sum shall not exceed 10 %.

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

ANNEX III

**LIST OF SUBSTANCES WHICH COSMETIC PRODUCTS MUST NOT CONTAIN EXCEPT SUBJECT TO RESTRICTIONS AND
CONDITIONS LAID DOWN**

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
1b See also 1a	Tetraborates	(a) Bath products (b) Hair products	(a) 18% (as boric acid) (b) 8% (as boric acid)	(a) Not to be used in products for children under 3 years of age Except Indonesia and Singapore – under review	(a) Not to be used for children under 3 years of age (b) Rinse well
2a	Thioglycolic acid and its salts CAS No 68-11-1	(a) Hair waving or straightening products: 1. General use 2. Professional use (b) Depilatories (c) Other hair care products which are removed after application	(a) 1. 8% ready for use at pH 7 – 9.5 2. 11% ready for use at pH 7- 9.5 (b) 5% ready for use at at pH 7-12.7 (c) 2% ready for use at pH 7-9.5 For general use of hair waving or straightening products the maximum concentration for combination of Thioglycolic acid and thiolactic acid must not exceed 8% calculated as Thioglycolic Acid.	(a) (b) (c) The directions for use drawn up in the national or official language(s) must obligatorily incorporate the following sentences: • Avoid contact with eyes • In the event of contact with eyes, rinse immediately with plenty of water and seek medical advice. • Wear suitable gloves (a) and (c) only.	(a) 1. • Contains thioglycolate • Follow the instructions • Keep out of reach of children 2. • For professional use only • Contains thioglycolate • Follow the instructions • Keep out of reach of children (b) and (c) • Contains thioglycolate • Follow the instructions • Keep out of reach of children


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
2b	Thioglycolic acid esters	Hair waving or straightening products: 1. General use 2. Professional use	1. 8% ready for use at pH 6-9.5 2. 11% ready for use at pH 6-9.5 Percentages calculated as thioglycolic acid.	The directions for use drawn up in the national or official language(s) must obligatorily incorporate the following sentences: <ul style="list-style-type: none"> • May cause sensitisation in the event of skin contact. • Avoid contact with eyes. • In the event of contact with eyes, rinse immediately with plenty of water and seek medical advice. • Wear suitable gloves. 	1. <ul style="list-style-type: none"> • Contains thioglycolate • Follow the instructions • Keep out of reach of children 2. <ul style="list-style-type: none"> • For professional use only • Contains thioglycolate • Follow the instructions • Keep out of reach of children
3	Oxalic acid, its esters and alkaline salts CAS No 144-62-7	Hair care products	5%		For professional use only
4	Ammonia CAS No 7664-41-7/1336-21-6		6% calculated as NH ₃		Above 2%: Contains Ammonia
5	Tosylchloramide sodium (INN) Chloramine-T CAS No 127-65-1		0.2%		


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
6	Chlorates of alkali metals Sodium Chlorate CAS No 7775-09-9 Potassium Chlorate CAS No 3811-04-9	(a) Toothpaste (b) Other uses	(a) 5% (b) 3%		
7	Entry left intentionally blank				



ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
8	N-substituted derivatives of p-Phenylenediamine and their salts; N- substituted derivatives of o-Phenylenediamine ⁽¹⁾ , with exception of those derivatives listed elsewhere in this Annex and under reference numbers 1309, 1311, and 1312 in Annex II	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 3 % calculated as free base The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	To be printed on the label: The mixing ratio.  "Hair colourants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary 'black henna' tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> - you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, - you have ever experienced any reaction after colouring your hair, - you have experienced a reaction to a temporary 'black henna' tattoo in the past. Contains phenylenediamines. Do not use to dye eyelashes or eyebrows"


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
8a	<p>p-Phenylenediamine and its salts</p> <p>p-Phenylenediamine; p-Phenylenediamine HCl; p-Phenylenediamine Sulphate</p> <p>CAS No 106-50-3 / 624-18-0 / 16245-77-5</p>	<p>Hair dye substance in oxidative hair dye products</p> <p>Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.</p>		<p>After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 2 % calculated as free base</p> <p>The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.</p>	<p>To be printed on the label The mixing ratio.</p> <p> "Hair colourants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions.</p> <p>This product is not intended for use on persons under the age of 16.</p> <p>Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if:</p> <ul style="list-style-type: none"> - you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, - you have ever experienced any reaction after colouring your hair, - you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past. <p>Contains phenylenediamines. Do not use to dye eyelashes or eyebrows.'</p>
8b	Entry intentionally left blank				

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
8c	Ethanol, 2,2'-[(2- nitro-1,4-phenylene)diimino]bis- (9CI) N,N'-Bis(2-Hydroxyethyl)-2-Nitro-p-Phenylenediamine CAS No. 84041-77-0	(a)Hair dye substance in oxidative hair dye products (b)Hair dye substance in non- oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	(b) 1.5%	(a) After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 1% For (a) and (b) The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text. <ul style="list-style-type: none"> Do not use with nitrosating agents Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg⁽²¹⁾ Keep in nitrite-free containers 	(a) To be printed on the label: The mixing ratio.  "Hair colourants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary 'black henna' tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> - you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, - you have ever experienced any reaction after colouring your hair, - you have experienced a reaction to a temporary 'black henna' tattoo in the past. (a) and (b) Do not use to dye eyelashes or eyebrows."
9	Methylphenylenediamines, their N-substituted derivatives and their salts ⁽¹⁾ with the exception of the substances under reference numbers 9a and 9b in this Annex and substances under reference numbers 364, 1310 and 1313 in Annex II	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 5 % calculated as free base The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	To be printed on the label: The mixing ratio.  "Hair colourants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16."


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
					<p>Temporary 'black henna' tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if:</p> <ul style="list-style-type: none"> - you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, - you have ever experienced any reaction after colouring your hair, - you have experienced a reaction to a temporary 'black henna' tattoo in the past. <p>Contains phenylenediamines (toluene diamines). Do not use to dye eyelashes or eyebrows."</p>
9a	<p>1,4-Benzenediamine, 2- methyl- 2,5-Diaminotoluene sulphate</p> <p>Toluene-2,5-Diamine CAS No. 95-70-5</p> <p>Toluene-2,5-diamine sulphate CAS No 615-50-9</p>	<p>Hair dye substance in oxidative hair dye products</p> <p>Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.</p>		<p>After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 2% (calculated as free base) or 3.6% (calculated as sulfate salt)</p> <p>The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.</p>	<p>To be printed on the label: The mixing ratio</p> <p> Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions.</p> <p>This product is not intended for use on persons under the age of 16.</p> <p>Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if:</p> <ul style="list-style-type: none"> - you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
					scalp, - you have ever experienced any reaction after colouring your hair, - you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past. Contains phenylenediamines (toluenediamines). Do not use to dye eyelashes or eyebrows.

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
9b	1-Methyl-2,6-bis- (2- hydroxyethylamino)-benzene 2,6-Dihydroxyethylaminotoluene CAS No 149330-25-6	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 1% The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text. <ul style="list-style-type: none"> • Do not use with nitrosating agents • Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg⁽²¹⁾ • Keep in nitrite-free containers 	To be printed on the label: The mixing ratio.  "Hair colourants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary 'black henna' tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: - you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, - you have ever experienced any reaction after colouring your hair, - you have experienced a reaction to a temporary 'black henna' tattoo in the past. Do not use to dye eyelashes or eyebrows."
10	Entry left intentionally blank				
11	Dichlorophen (INN) Dichlorophen CAS No 97-23-4		0.5%		Contains dichlorophen

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

<p>12</p>	<p>Hydrogen peroxide, and other compounds or mixtures that release hydrogen peroxide, including carbamide peroxide and zinc peroxide, with the exception of the following substances in Annex II: No. 1397, 1398, 1399</p> <p>CAS No 7722-84-1</p>	<p>(a) Hair products</p> <p>(b) Skin products</p> <p>(c) Nail hardening products</p> <p>(d) Oral Hygiene products, including mouth rinse, toothpaste.</p> <p>(e) Tooth whitening or bleaching products</p> <p>(i) For general consumer use</p> <p>(ii) For use by the consumer under the supervision of a qualified dental practitioner</p> <p>(iii) For application by a qualified dental practitioner only</p>	<p>(a) 12% of H₂O₂ (40 volumes), present or released</p> <p>(b) 4% of H₂O₂, present or released</p> <p>(c) 2% of H₂O₂, present or released</p> <p>(d) 0.1 % of H₂O₂, present or released</p> <p>(e)</p> <p>(i) 0.1% H₂O₂ present or released</p> <p>(ii) >0.1 to ≤ 6% H₂O₂ present or released</p> <p>(iii) >6% to 35% H₂O₂ present or released</p> <p>Thailand Only: Tooth whitening products with >6% H₂O₂ present or release is regulated as Medical Device.</p>	<p>(e)</p> <p>(ii) For supply only through a qualified dental practitioner. Not for direct sale to the general public.</p> <p>iii) Only to be used by a qualified dental practitioner. Not for direct sale to the general public.</p>	<p>For (a) Wear suitable gloves</p> <p>For (a) (b) (c) and (e): Contains hydrogen peroxide. Avoid contact with eyes. Rinse immediately if product comes into contact with them.</p> <p>(e) (ii) and (iii)</p> <p>To be printed on the label</p> <p>Not to be used on a person under 18 years of age.</p> <p>Percentage of Hydrogen Peroxide to be declared.</p> <p>(ii) Not for direct sale to the public. For supply only through qualified dental practitioner. Read & follow the instructions and use the product accordingly. Do not use the product within two weeks prior to, or immediately after dental restoration. Not for use by pregnant women or habitual tobacco and/or alcohol users. Stop using immediately if you experience any tooth sensitivity, gum irritation, toothache, defective restorations, gingivitis, nausea etc. Store out of reach of children.</p> <p>(iii) Not for direct sale to the public. Only to be used by a qualified dental practitioner.</p>
-----------	--	--	---	---	---

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
					Do not use the product within two weeks prior to, or immediately after dental restoration. Not for use by pregnant women or habitual tobacco and/or alcohol users. Stop using immediately in cases of tooth sensitivity, gum irritation, toothache, defective restorations, gingivitis, nausea etc.
13	Formaldehyde CAS No 50-00-0	Nail hardening products	2.2% calculated as formaldehyde	Allowed only in Lao PDR	Protects cuticles with grease or oil. Contains formaldehyde ⁽²⁾
14	Hydroquinone Hydroquinone CAS No 123-31-9	Artificial nail systems	0.02% (after mixing for use)	Professional use only	<ul style="list-style-type: none"> • For professional use only • Avoid skin contact • Read directions for use carefully
					•


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
15a	Potassium or sodium hydroxide Potassium hydroxide/sodium hydroxide CAS No 1310-58-3/1310-73-2	(a) Nail cuticle solvent (b) Hair straightener 1. General use 2. Professional use (c) pH adjuster for depilatories (d) Other uses as pH adjuster	(a) 5% by weight ⁽⁴⁾ (b) 1. 2% by weight ⁽⁴⁾ 2. 4.5% by weight ⁽⁴⁾	For other uses of Potassium Hydroxide, see Annex III, 15d. (c) pH < 12.7 (d) pH < 11	(a) <ul style="list-style-type: none">• Contains alkali• Avoid contact with eyes• Can cause blindness• Keep out of reach of children (b) 1. <ul style="list-style-type: none">• Contains alkali• Avoid contact with eyes• Can cause blindness• Keep out of reach of children 2. <ul style="list-style-type: none">• For professional use only• Avoid contact with eyes• Can cause blindness (c) <ul style="list-style-type: none">• Keep out of reach of children• Avoid contact with eyes


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
15b	Lithium hydroxide Lithium hydroxide CAS No 1310-65-2	(a) Hair straightener 1. General use 2. Professional use (b) pH adjuster – for depilatories (c) Other uses as pH adjuster (for rinse-off products only)	(a) 1. 2% by weight ⁽⁶⁾ 2. 4.5% by weight ⁽⁶⁾	(b) pH < 12.7 (c) pH < 11	(a) 1. <ul style="list-style-type: none">• Contains alkali• Avoid contact with eyes• Can cause blindness• Keep out of reach of children 2. <ul style="list-style-type: none">• For Professional use only• Avoid contact with eyes• Can cause blindness (b) <ul style="list-style-type: none">• Contains alkali• Keep out of reach of children• Avoid contact with eyes
15c	Calcium hydroxide Calcium hydroxide CAS No 1305-62-0	(a) Hair straighteners containing two components: calcium hydroxide and a guanidine salt (b) pH adjuster – for depilatories (c) Other uses (eg. pH adjuster, processing aid)	(a) 7% by weight calcium hydroxide	(b) pH < 12.7 (c) pH < 11	(a) <ul style="list-style-type: none">• Contains alkali• Avoid contact with eyes• Can cause blindness• Keep out of reach of children (b) <ul style="list-style-type: none">• Contains alkali• Keep out of reach of children• Avoid contact with eyes

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
15d	Potassium Hydroxide Potassium Hydroxide CAS No 1310-58-3	Callosity softener/remover	1.5% ⁽⁴⁾	For other uses of Potassium hydroxide, see Annex III, No 15a.	<ul style="list-style-type: none"> • Contains alkali • Avoid contact with eyes • Keep out of reach of children • Read directions for use carefully
16	1-Naphthalenol 1-Naphthol CAS No 90-15-3	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 2.0 %. The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	<p>To be printed on the label: The mixing ratio</p> <p> Hair colorants can cause severe allergic reactions.</p> <p>Read and follow instructions.</p> <p>This product is not intended for use on persons under the age of 16.</p> <p>Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy.</p> <p>Do not colour your hair if:</p> <ul style="list-style-type: none"> - you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, - you have ever experienced any reaction after colouring your hair, - you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past <p>Do not use to dye eyelashes or eyebrows</p>

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
17	Sodium nitrite Sodium nitrite CAS No 7632-00-0	Rust inhibitor	0.2%	Do not use with secondary and/or tertiary amines or other substances forming nitrosamines	
18	Nitromethane Nitromethane CAS No 75-52-5	Rust inhibitor	0.3%		
19-20	Entries left intentionally blank				
21	Cinchonan-9-ol, 6'-methoxy- (8.alpha, 9R)-and its salts' Quinine and its salts CAS No 130-95-0	(a) Shampoos (b) Hair lotions	(a) 0.5% calculated as quinine base (b) 0.2% calculated as quinine base		
22	1,3-benzenediol Resorcinol CAS No. 108-46-3	(a) Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted. (b) Hair Lotions and Shampoos	(b) 0.5%	For (a): After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 1.25 % The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	(a) To be printed on the label: The mixing ratio.  "Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary 'black henna' tattoos may increase your risk of allergy.

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
					<p>Do not colour your hair if:</p> <ul style="list-style-type: none"> - you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, - you have ever experienced any reaction after colouring your hair, - you have experienced a reaction to a temporary 'black henna' tattoo in the past. <p>Contains resorcinol. Rinse hair well after application. Rinse eyes immediately if product comes into contact with them.</p> <p>Do not use to dye eyelashes or eyebrows.”</p> <p>(b) Contains resorcinol</p>
23	<p>(a) Alkali sulphides</p> <p>(b) Alkaline earth sulphides</p>	<p>(a) Depilatories</p> <p>(b) Depilatories</p>	<p>(a) 2% calculated as sulphur</p> <p>(b) 6% calculated as sulphur</p>	<p>(a) and (b): pH ≤ 12.7</p>	<p>(a)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Keep out of reach of children • Avoid contact with eyes <p>(b)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Keep out of reach of children • Avoid contact with eyes

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
24	Water-soluble zinc salts with the exception of zinc 4-hydroxy benzene sulphonate (entry 25) and zinc pyrithione (entry 101 and Annex VI, entry 8) Zinc acetate, zinc chloride, zinc gluconate, zinc glutamate ⁽²⁰⁾		1% calculated as zinc		
25	Zinhydroxybenzene sulphonate-4 Zinc phenolsulfonate CAS No127-82-2	Deodorants, antiperspirants and astringent lotions	6% c alculated as % of anhydrous substance		Avoid contact with eyes.
26	Ammonium monofluorophosphate Ammonium monofluorophosphate CAS No 20859-38-5/66115-19-3	(a) Oral hygiene products (except mouthwash) (b) Mouthwash	0.15% calculated as F. When mixed with other fluorine compounds permitted under this Annex, total F concentration must not exceed 0.15%		(a) & (b) Contains ammonium monofluorophosphate. (a) "Children of 6 years and younger: use a pea-sized amount for supervised brushing to minimize swallowing. In case of intake of fluoride from other sources consult a dentist or doctor." ⁽¹²⁾ (b) Do not use for children below 6 years of age

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
27	Disodium fluorophosphate Sodium monofluorophosphate CAS No 10163-15-2/7631-97-2	(a) Oral hygiene products (except mouthwash) (b) Mouthwash	0.15% calculated as F. When mixed with other fluorine compounds permitted under this Annex, total F concentration must not exceed 0.15%		(a) & (b) Contains Disodium fluorophosphate. (a) "Children of 6 years and younger: use a pea-sized amount for supervised brushing to minimize swallowing. In case of intake of fluoride from other sources consult a dentist or doctor." ⁽¹²⁾ (b) Do not use for children below 6 years of age
28	Dipotassium fluorophosphate Potassium monofluorophosphate CAS No 14104-28-0	(a) Oral hygiene products (except mouthwash) (b) Mouthwash	0.15% calculated as F. When mixed with other fluorine compounds permitted under this Annex, total F concentration must not exceed 0.15%		(a) & (b) Contains potassium monofluoro- phosphate (a) "Children of 6 years and younger: use a pea-sized amount for supervised brushing to minimize swallowing. In case of intake of fluoride from other sources consult a dentist or doctor." ⁽¹²⁾ (b) Do not use for children below 6 years of age

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
29	Calcium fluorophosphate Calcium monofluorophosphate CAS No 7789-74-4	(a) Oral hygiene products (except mouthwash) (b) Mouthwash	0.15 % calculated as F. When mixed with other fluorine compounds permitted under this Annex, total F concentration must not exceed 0.15 %		(a) & (b) Contains calcium monofluoro- phosphate. (a) "Children of 6 years and younger: use a pea-sized amount for supervised brushing to minimize swallowing. In case of intake of fluoride from other sources consult a dentist or doctor." ⁽¹²⁾ (b) Do not use for children below 6 years of age
30	Calcium fluoride Calcium fluoride CAS No 7789-75-5	(a) Oral hygiene products (except mouthwash) (b) Mouthwash	0.15% calculated as F. When mixed with other fluorine compounds permitted under this Annex, total F concentration must not exceed 0.15%		(a) & (b) Contains calcium fluoride (a) "Children of 6 years and younger: use a pea-sized amount for supervised brushing to minimise swallowing. In case of intake of fluoride from other sources consult a dentist or doctor." ⁽¹²⁾ (b) Do not use for children below 6 years of age

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
31	Sodium fluoride Sodium fluoride CAS No 7681-49-4	(a) Oral hygiene products (except mouthwash) (b) Mouthwash	0.15% calculated as F. When mixed with other fluorine compounds permitted under this Annex, total F concentration must not exceed 0.15%		(a) & (b) Contains sodium fluoride (a) "Children of 6 years and younger: use a pea-sized amount for supervised brushing to minimise swallowing. In case of intake of fluoride from other sources consult a dentist or doctor." ⁽¹²⁾ (b) Do not use for children below 6 years of age
32	Potassium fluoride Potassium fluoride CAS No 7789-23-3	(a) Oral hygiene products (except mouthwash) (b) Mouthwash	0.15% calculated as F. When mixed with other fluorine compounds permitted under this Annex, total F concentration must not exceed 0.15%		(a) & (b) Contains potassium fluoride (a) "Children of 6 years and younger: use a pea-sized amount for supervised brushing to minimise swallowing. In case of intake of fluoride from other sources consult a dentist or doctor." ⁽¹²⁾ (b) Do not use for children below 6 years of age

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
33	Ammonium fluoride Ammonium fluoride CAS No 12125-01-8	(a) Oral hygiene products (except mouthwash) (b) Mouthwash	0.15 % calculated as F. When mixed with other fluorine compounds permitted under this Annex, total F concentration must not exceed 0.15 %		(a) & (b) Contains ammonium fluoride. (a) “Children of 6 years and younger: use a pea-sized amount for supervised brushing to minimize swallowing. In case of intake of fluoride from other sources consult a dentist or doctor.” ⁽¹²⁾ (b) Do not use for children below 6 years of age
34	Aluminium fluoride Aluminum fluoride CAS No 7784-18-1	(a) Oral hygiene products (except mouthwash) (b) Mouthwash	0.15 % calculated as F. When mixed with other fluorine compounds permitted under this Annex, total F concentration must not exceed 0.15 %		(a) & (b) Contains aluminium fluoride. (a) “Children of 6 years and younger: use a pea-sized amount for supervised brushing to minimise swallowing. In case of intake of fluoride from other sources consult a dentist or doctor.” ⁽¹²⁾ (b) Do not use for children below 6 years of age

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
35	Tin difluoride Stannous fluoride CAS No 7783-47-3	(a) Oral hygiene products (except mouthwash) (b) Mouthwash	0.15 % calculated as F. When mixed with other fluorine compounds permitted under this Annex, total F concentration must not exceed 0.15 %		(a) & (b) Contains stannous fluoride (a) "Children of 6 years and younger: use a pea-sized amount for supervised brushing to minimise swallowing. In case of intake of fluoride from other sources consult a dentist or doctor." ⁽¹²⁾ (b) Do not use for children below 6 years of age
36	Hexadecyl ammonium fluoride Cetylamine hydrofluoride CAS No 3151-59-5	(a) Oral hygiene products (except mouthwash) (b) Mouthwash	0.15 % calculated as F. When mixed with other fluorine compounds permitted under this Annex, total F concentration must not exceed 0.15 %		(a) & (b) Contains Cetylamine hydrofluoride. (a) "Children of 6 years and younger: use a pea-sized amount for supervised brushing to minimize swallowing. In case of intake of fluoride from other sources consult a dentist or doctor." ⁽¹²⁾ (b) Do not use for children below 6 years of age

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
37	3-(N-Hexadecyl-N-2- hydroxyethyl ammonio) propylbis (2-hydroxyethyl) ammonium difluoride	(a) Oral hygiene products (except mouthwash) (b) Mouthwash	0.15 % calculated as F. When mixed with other fluorine compounds permitted under this Annex, total F concentration must not exceed 0.15 %		(a) & (b) Contains 3-(N-Hexadecyl-N-2-hydroxyethylammonio) propylbis (2-hydroxyethyl) ammonium difluoride (a) "Children of 6 years and younger: use a pea-sized amount for supervised brushing to minimize swallowing. In case of intake of fluoride from other sources consult a dentist or doctor." ⁽¹²⁾ (b) Do not use for children below 6 years of age
38	N,N',N'-Tris(polyoxyethylene)-N-hexadecylpropylenediamine dihydrofluoride	(a) Oral hygiene products (except mouthwash) (b) Mouthwash	0.15 % calculated as F. When mixed with other fluorine compounds permitted under this Annex, total F concentration must not exceed 0.15 %		(a) & (b) Contains N,N',N'-tris(polyoxyethylene) -N-hexadecylpropylene-diamine dihydrofluoride (a) "Children of 6 years and younger: use a pea-sized amount for supervised brushing to minimize swallowing. In case of intake of fluoride from other sources consult a dentist or doctor." ⁽¹²⁾ (b) Do not use for children below 6 years of age

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
39	9-Octadecen-1-amine hydrofluoride Octadecenyl- ammonium fluoride CAS No 36505-83-6	(a) Oral hygiene products (except mouthwash) (b) Mouthwash	0.15 % calculated as F. When mixed with other fluorine compounds permitted under this Annex, total F concentration must not exceed 0.15 %		(a) & (b) Contains octadecenyl-ammonium fluoride. (a) "Children of 6 years and younger: use a pea-sized amount for supervised brushing to minimize swallowing. In case of intake of fluoride from other sources consult a dentist or doctor." ⁽¹²⁾ (b) Do not use for children below 6 years of age
40	Disodium hexafluorosilicate Sodium fluorosilicate CAS No 16893-85-9	(a) Oral hygiene products (except mouthwash) (b) Mouthwash	0.15 % calculated as F. When mixed with other fluorine compounds permitted under this Annex, total F concentration must not exceed 0.15 %		(a) & (b) Contains sodium fluorosilicate (a) "Children of 6 years and younger: use a pea-sized amount for supervised brushing to minimise swallowing. In case of intake of fluoride from other sources consult a dentist or doctor." ⁽¹²⁾ (b) only Do not use for children below 6 years of age

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
41	Dipotassium hexafluorosilicate Potassium fluorosilicate CAS No 16871-90-2	(a) Oral hygiene products (except mouthwash) (b) Mouthwash	0.15 % calculated as F. When mixed with other fluorine compounds permitted under this Annex, total F concentration must not exceed 0.15 %		(a) & (b) Contains potassium fluorosilicate (a) "Children of 6 years and younger: use a pea-sized amount for supervised brushing to minimise swallowing. In case of intake of fluoride from other sources consult a dentist or doctor." ⁽¹²⁾ (b) only Do not use for children below 6 years of age
42	Ammonium hexafluorosilicate Ammonium fluorosilicate CAS No 16919-19-0	(a) Oral hygiene products (except mouthwash) (b) Mouthwash	0.15% calculated as F. When mixed with other fluorine compounds permitted under this Annex, total F concentration must not exceed 0.15%		(a) & (b) Contains ammonium fluorosilicate (a) "Children of 6 years and younger: use a pea-sized amount for supervised brushing to minimise swallowing. In case of intake of fluoride from other sources, consult a dentist or doctor." ⁽¹²⁾ (b) only Do not use for children below 6 years of age

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
43	Magnesium hexafluorosilicate Magnesium fluorosilicate CAS No 16949-65-8	(a) Oral hygiene products (except mouthwash) (b) Mouthwash	0.15% calculated as F. When mixed with other fluorine compounds permitted under this Annex, total F concentration must not exceed 0.15%		(a) & (b) Contains magnesium fluorosilicate (a) "Children of 6 years and younger: use a pea-sized amount for supervised brushing to minimise swallowing. In case of intake of fluoride from other sources consult a dentist or doctor." ⁽¹²⁾ (b) only Do not use for children below 6 years of age
44	1, 3-Bis (hydroxymethyl) imidazolidine-2-thione Dimethylol ethylene thiourea CAS No 15534-95-9	(a) Hair care products (b) Nail care products	(a) 2% (b) 2%	(a) Prohibited in aerosol dispensers (sprays) (b) The pH of the product as applied must be less than 4	Contains 1, 3-Bis (hydroxymethyl) imidazolidine-2-thione

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
45	Benzyl alcohol) Benzyl Alcohol CAS No 100-51-6	(a) Solvents (b) Fragrance/aromatic compositions/their raw materials		For purposes other than inhibiting the development of microorganisms in the product. This purpose has to be apparent from the presentation of the product. For use as a preservative, see Annex V, No 34.	
46	6-Methylcoumarin CAS No 92-48-8	Oral hygiene products	0.003%		

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
47	3-Pyridinemethanol hydrofluoride Nicomethanol Hydrofluoride CAS No 62756-44-9	(a) Oral hygiene products (except mouthwash) (b) Mouthwash	0.15% calculated as F. When mixed with other fluorine compounds permitted under this Annex, total F concentration must not exceed 0.15%		(a) & (b) Contains nicomethanol hydrofluoride (a) "Children of 6 years and younger: use a pea-sized amount for supervised brushing to minimise swallowing. In case of intake of fluoride from other sources consult a dentist or doctor." ⁽¹²⁾ (b) only Do not use for children below 6 years of age
48	Entry Deleted				
49	Selenium sulfide Selenium disulphide CAS No 7488-56-4	Anti-dandruff shampoo	1%		<ul style="list-style-type: none"> • Contains selenium disulphide • Avoid contact with eyes or damaged skin

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
50	Aluminium zirconium chloride hydroxide complexes $Al_xZr(OH)_yCl_z$ and the aluminium zirconium chloride hydroxide glycine complexes	Anti-perspirants	<ul style="list-style-type: none"> ▪ 20% as anhydrous aluminium zirconium chloride hydroxide ▪ 5.4% as zirconium 	<ol style="list-style-type: none"> 1. The ratio of the number of aluminium atoms to that of zirconium atoms must be between 2 and 10 2. The ratio of the number of (Al + Zr) atoms to that of chlorine atoms must be between 0.9 and 2.1 3. Prohibited in aerosol dispensers (sprays) 	Do not apply to irritated or damaged skin
51	Quinolin-8-ol and bis (8-hydroxyquinolium) sulphate Oxyquinoline and Oxyquinoline Sulphate CAS No 148-24-3/134-31-6	<ol style="list-style-type: none"> (a) Stabilizer for hydrogen peroxide in rinse-off hair care products. (b) Stabilizer for hydrogen peroxide in non-rinse-off hair products. 	<ol style="list-style-type: none"> (a) 0.3% calculated as base (b) 0.03% calculated as base 		
52	Methanol Methyl Alcohol CAS No 67-56-1	Denaturant for ethanol and isopropyl alcohol	5% calculated as a % of ethanol and isopropyl alcohol		

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
53	(1-Hydroxyethylidene) di-phosphonic acid and its salts Etidronic acid and its salts CAS No 2809-21-4	(a) Hair care products (b) Soap	(a) 1.5% expressed as etidronic acid (b) 0.2% expressed as etidronic acid		
54	1-Phenoxypropan-2-ol Phenoxyisopropanol CAS No 770-35-4	<ul style="list-style-type: none"> • Rinse-off products only • Prohibited in oral hygiene products 	2%	As a preservative, see Annex VI, Part 1, No 43	
55	Entry left intentionally blank				
56	Magnesium fluoride Magnesium fluoride CAS No 7783-40-6	(a) Oral hygiene products (except mouthwash) (b) Mouthwash	0.15 % calculated as F. When mixed with other fluorine compounds permitted under this Annex, total F concentration must not exceed 0.15 %		(a) & (b) Contains magnesium fluoride (a) "Children of 6 years and younger: use a pea-sized amount for supervised brushing to minimise swallowing. In case of intake of fluoride from other sources consult a dentist or doctor." ⁽¹²⁾ (b) Do not use for children below 6 years of age

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
57	Strontium chloride hexahydrate Strontium chloride CAS No 10476-85-4	(a) Oral hygiene products (b) Shampoo and face products	(a) 3.5% calculated as strontium. When mixed with other permitted strontium compounds the total strontium content must not exceed 3.5% (b) 2.1% calculated as strontium. When mixed with other permitted strontium compounds, the total strontium content must not exceed 2.1%		<ul style="list-style-type: none"> • Contains strontium chloride • Frequent use by children is not advisable
58	Strontium acetate hemihydrate Strontium acetate CAS No 543-94-2	Oral Hygiene Products	3.5% calculated as strontium. When mixed with other permitted compounds, the total strontium content must not exceed 3.5%		<ul style="list-style-type: none"> • Contains strontium acetate • Frequent use by children is not advisable
59	Talc: Hydrated magnesium silicate Talc CAS No 14807-96-6	a) Powdery products intended to be used for children under 3 years of age b) Other products			(a) Keep powder away from children's nose and mouth

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
60	Fatty acid diacylamides and dialkanolamides		Maximum secondary amine content: 0.5%	<ul style="list-style-type: none"> • Do not use with nitrosating systems • Maximum secondary amine content : 5% (applies to raw materials) • Maximum nitrosamine content : 50 µg/kg⁽²¹⁾ • Keep in nitrite-free containers 	
61	Monoalkylamines, monoalkanolamines and their salts		Maximum secondary amine content: 0.5%	<ul style="list-style-type: none"> • Do not use with nitrosating systems • Minimum purity: 99% • Maximum secondary amine content : 0.5% (applies to raw materials) • Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg⁽²¹⁾ • Keep in nitrite-free containers 	

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
65	<p>Benzalkonium chloride, bromide and saccharinate</p> <p>Benzalkonium Bromide CAS No 91080-29-4</p> <p>Benzalkonium Chloride CAS No 63449-41-2/68391-01-5/68424-85-1/85409-22-9</p> <p>Benzalkonium saccharinate CAS No 68989-01-5</p>	<p>(a) Rinse-off hair (head) care products</p> <p>(b) Other products</p>	<p>(a) 3% (as benzalkonium chloride)</p> <p>(b) 0.1% (as benzalkonium chloride)</p>	<p>(a) In the final products the concentrations of benzalkonium chloride, bromide and saccharinate with an alkyl chain of C₁₄, or less must not exceed 0.1% (as benzalkonium chloride)</p> <p>As a preservative, see Annex VI, Part 1, No.54</p> <p>For purposes other than inhibiting the development of micro-organisms in the product. This purpose has to be apparent from the presentation of the product.</p>	<p>(a) Avoid contact with eyes</p> <p>(b) Avoid contact with eyes</p>
66	Polyacrylamides	<p>(a) Body-care leave-on products</p> <p>(b) Other cosmetic products</p>		<p>(a) Maximum residual acrylamide content: 0.1 mg/kg</p> <p>(b) Maximum residual acrylamide content: 0.5 mg/kg</p>	
67 to 92	Entries left intentionally blank				

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
93	2,4 Pyrimidinediamine, 3-oxide Diaminopyrimidine oxide CAS No 74638-76-9	Hair care products	1.5 %		
94	Dibenzoyl peroxide Benzoyl peroxide CAS No 94-36-0	Artificial nail systems	0.7 % (After mixing for use)	Professional use only	<ul style="list-style-type: none"> • For professional use only • Avoid skin contact • Read directions for use carefully
95	Hydroquinone methylether / Mequinol p-Hydroxyanisole CAS No 150-76-5	Artificial nail systems	0.02 % (After mixing for use)	Professional use only	<ul style="list-style-type: none"> • For professional use only • Avoid skin contact • Read directions for use carefully <p>Contains hydroquinone</p>
96	5-tert-Butyl-2,4,6-trinitro-m-xylene Musk xylene CAS No 81-15-2	All cosmetic products, with the exception of oral care products	(a) 1.0 % in fine fragrance (b) 0.4 % in eau de toilette (c) 0.03 % in other products		
97	4'-tert-Butyl-2',6'-dimethyl-3',5'-dinitroacetophenone Musk ketone CAS No 81-14-1	All cosmetic products, with the exception of oral care products	(a) 1.4 % in fine fragrance (b) 0.56 % in eau de toilette (c) 0.042 % in other products		

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
98	Benzoic acid, 2-hydroxy- Salicylic acid CAS No 69-72-7	(a) Rinse-off hair products (b) Other products except body lotion, eye shadow, mascara, eyeliner, lipstick, roll-on deodorant (c) Body lotion, eye shadow, mascara, eyeliner, lipstick, roll-on deodorant, nail polish	(a) 3.0 % (b) 2.0% (c) 0.5%	(a) (b) (c) Not to be used in preparations for children under three years of age. Not to be use in applications that may lead to exposure of the end- user's lungs by inhalation. Not to be used in oral products. For purposes other than inhibiting the development of microorganisms in the product. This purpose has to be apparent from the presentation of the product. These levels are inclusive of any use of salicylic acid. As a preservative, see Annex VI, Part 1, No 3	(a) (b) (c) Not to be used for children under three years of age ⁽⁸⁾
99	Inorganic sulphites and bisulphites	(a) Oxidative hair dye products (b) Hair straightening products (c) Self-tanning products for the face (d) Other self-tanning products	(a) 0.67 % expressed as free SO ₂ (b) 6.7 % expressed as free SO ₂ (c) 0.45 % expressed as free SO ₂ (d) 0.40 % expressed as free SO ₂	For purposes other than inhibiting the development of microorganisms in the product. This purpose has to be apparent from the presentation of the product As a preservative, see Annex VI, Part 1, No 9	

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
100	1-(4-Chlorophenyl)-3-(3,4-dichlorophenyl)urea Triclocarban CAS No 101-20-2	Rinse-off products	1.5 %	Purity criteria: 3,3',4,4'- Tetrachloroazobenzene ≤1 ppm 3,3',4,4'- Tetrachloroazoxybenzene ≤1 ppm For purposes other than inhibiting the development of microorganisms in the product. This purpose has to be apparent from the presentation of the product As a preservative, see Annex VI, Part 1, No 23	
101	Pyrithione Zinc Zinc pyrithione CAS No 13463-41-7	Leave-on hair products Rinse-off hair products	0.1% 1.0%	For purposes other than inhibiting the development of microorganisms in the product, this purpose has to be apparent from the presentation of the product As a preservative, see Annex VI, Part 1, No 8	
102 (194)	Glyoxal CAS No 107-22-2		100mg/kg		
103 to 184	Entries left intentionally blank				

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
185	Benzene, methyl- Toluene CAS No 108-88-3	Nail products	25%		Keep out of reach of children To be used by adults only
186	Entry left intentionally blank				
187	Diethylene glycol monobutyl ether (DEGBE) Butoxydiglycol CAS No 112-34-5	Solvent in hair dye products	9%	No use in aerosol dispensers (sprays)	
188	Ethylene glycol monobutyl ether (EGBE) Butoxyethanol CAS No 111-76-2	(a) Solvent in oxidative hair dye products (b) Solvent in non- oxidative hair dye products	(a) 4.0% (b) 2.0%	(a) No use in aerosol dispensers (sprays) (b) No use in aerosol dispensers (sprays)	


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
189	<p>Trisodium 5-hydroxy-1-(4-sulphophenyl)-4-(4-sulphophenylazo)pyrazole-3-carboxylate and aluminium lake (CI 19140)</p> <p>Acid Yellow 23 CAS No 1934-21-0</p> <p>Acid Yellow 23 Aluminium lake CAS No 12225-21-7</p>	<p>Hair dye substance in non-oxidative hair dye products</p> <p>Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.</p>	0.5%	<p>The free base and salts of this hair colouring ingredient, unless prohibited under Annex II, are permitted for use.</p> <p>The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.</p>	Do not use to dye eyelashes or eyebrows
190	<p>Benzenemethanaminium, N-ethyl-N-[4-[[4-[ethyl-[(3-sulphophenyl)-methyl]-amino]-phenyl](2-sulphophenyl)methylene]-2,5-cyclohexadien-1-ylidene]-3-sulfo, inner salts, disodium salt and its ammonium and aluminium salts (CI 42090)</p> <p>Acid Blue 9 CAS No 3844-45-9</p> <p>Acid Blue 9 Ammonium salt CAS No 2650-18-2</p> <p>Acid Blue 9 Aluminium lake CAS No 68921-42-6</p>	<p>Hair dye substance in non-oxidative hair dye products</p> <p>Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.</p>	0.5%	<p>The free base and salts of this hair colouring ingredient, unless prohibited under Annex II, are permitted for use.</p> <p>The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.</p>	Do not use to dye eyelashes or eyebrows

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
191	Disodium 6-hydroxy-5-[(2-methoxy-4-sulphonato-m-tolyl)azo]naphthalene-2-sulphonate, CI 16035) Curry Red CAS No 25956-17-6	Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	0.4%	The free base and salts of this hair colouring ingredient, unless prohibited under Annex II, are permitted for use. The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	Do not use to dye eyelashes or eyebrows
192	Trisodium 1-(1-naphthylazo)-2-hydroxynaphthalene-4',6,8-trisulphonate and aluminium lake Acid Red 18 CAS No 2611-82-7 Acid Red 18 Aluminum lake CAS No 12227-64-4 CI 16255	Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	0.5%	The free base and salts of this hair colouring ingredient, unless prohibited under Annex II, are permitted for use. The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	Do not use to dye eyelashes or eyebrows

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
193	Hydrogen 3,6-bis(diethylamino)-9-(2,4-disulphonatophenyl)xanthylium, sodium salt(CI 45100) Acid Red 52 CAS No 3520-42-1	(a) Hair dye substance in oxidative hair dye products (b) Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	(b) 0.6%	(a) After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 1.5 %. The free base and salts of this hair colouring ingredient, unless prohibited under Annex II, are permitted for use. The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	(a) The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> • you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, • you have ever experienced any reaction after colouring your hair, • you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past (a) and (b) Do not use to dye eyelashes or eyebrows
194 (254)	Disodium 5-amino-4-hydroxy-3-(phenylazo)naphthalene-2,7-disulphonate, (CI 17200) Acid Red 33 CAS No 3567-66-6	Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	0.5%	The free base and salts of this hair colouring ingredient, unless prohibited under Annex II, are permitted for use.	Do not use to dye eyelashes or eyebrows

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
195	Sodium 1-amino-4-(cyclohexylamino)- 9,10-dihydro-9,10-dioxoanthracene-2- sulphonate (CI 62045) Acid Blue 62 CAS No 4368-56-3	Hair dye substance in non- oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	0.5%	<ul style="list-style-type: none"> Do not use with nitrosating agents Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg⁽²¹⁾ Keep in nitrite-free containers <p>The free base and salts of this hair colouring ingredient, unless prohibited under Annex II, are permitted for use.</p> <p>The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.</p>	Do not use to dye eyelashes or eyebrows
196 (220)	1-[(2'-Methoxyethyl)amino]-2-nitro-4-[di- (2'-hydroxyethyl)amino]benzene HC Blue No 11 CAS No 23920-15-2	Hair dye substance in non- oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	2.0%	<ul style="list-style-type: none"> Do not use with nitrosating agents Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg⁽²¹⁾ Keep in nitrite-free containers <p>The free base and salts of this hair colouring ingredient, unless prohibited under Annex II, are permitted for use.</p> <p>The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.</p>	Do not use to dye eyelashes or eyebrows

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
197 (231)	1,5-Di-(beta-hydroxyethylamino)-2-nitro-4-chlorobenzene HC Yellow No 10 CAS No 109023-83-8	Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	0.1%	<ul style="list-style-type: none"> Do not use with nitrosating agents Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg⁽²¹⁾ Keep in nitrite-free containers <p>The free base and salts of this hair colouring ingredient, unless prohibited under Annex II, are permitted for use.</p> <p>The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.</p>	Do not use to dye eyelashes or eyebrows
198 (235)	2-[3-(methylamino)-4-nitrophenoxy]ethanol 3-Methylamino-4-nitrophenoxyethanol CAS No 59820-63-2	Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	0.15%	<ul style="list-style-type: none"> Do not use with nitrosating agents Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg⁽²¹⁾ Keep in nitrite-free containers <p>The free base and salts of this hair colouring ingredient, unless prohibited under Annex II, are permitted for use.</p> <p>The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.</p>	Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
199 (247)	2,2'-[[4-[(2-Hydroxyethyl)amino]-3-nitrophenyl]imino]bisethanol HC Blue No 2 CAS No 33229-34-4	Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	2.8%	<ul style="list-style-type: none"> • Do not use with nitrosating agents • Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg⁽²¹⁾ • Keep in nitrite-free containers <p>The free base and salts of this hair colouring ingredient, unless prohibited under Annex II, are permitted for use.</p> <p>The direction for use “wear suitable gloves” must be included in label or leaflet text.</p>	Can cause allergic reaction Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
200 (224)	1-Propanol, 3-[[4-[bis(2-hydroxyethyl)amino]-2-nitrophenyl]amino] HC Violet No 2 CAS No 104226-19-9	Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	2.0%	<ul style="list-style-type: none"> • Do not use with nitrosating agents • Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg⁽²¹⁾ • Keep in nitrite-free containers <p>The free base and salts of this hair colouring ingredient, unless prohibited under Annex II, are permitted for use.</p> <p>The direction for use “wear suitable gloves” must be included in label or leaflet text.</p>	Can cause allergic reaction Do not use to dye eyelashes or eyebrows

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
201	Phenol, 2-Chloro-6-(ethylamino)-4-nitro- 2-Chloro-6-ethylamino-4-nitrophenol CAS No 131657-78-8	(a) Hair dye substance in oxidative hair dye products (b) Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	(b) 3.0 %	(a) After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 1.5 % For (a) and (b): <ul style="list-style-type: none"> Do not use with nitrosating agents Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg⁽²¹⁾ Keep in nitrite-free containers The free base and salts of this hair colouring ingredient, unless prohibited under Annex II, are permitted for use. The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	(a) The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> - you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, - you have ever experienced any reaction after colouring your hair, - you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past (a) and (b) Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
203 (203)	6-Methoxy-N2- methyl-2,3- pyridinediamine hydrochloride and dihydrochloride salt 6-Methoxy-2-Methylamino-3- Aminopyridine HCl CAS No. 90817-34-8 / 83732-72-3	a) Hair dye substance in oxidative hair dye products b) Hair dye substance in non-oxidative hair Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	b) 0.68 as free base (1.0% as dihydrochloride)	For (a): After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 0.68% calculated as free base (1,0 % as dihydrochloride). For (a) and (b): <ul style="list-style-type: none"> • Do not use with nitrosating agents • Maximum nitrosamine content: 50 µg /kg⁽²¹⁾ • Keep in nitrite- free containers <p>The free base and salts of this hair dye ingredient, unless prohibited in Annex II, are permitted for use.</p> <p>The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.</p>	(a) To be printed on the label: The mixing ratio.  "Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16 Temporary 'black henna' tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: — you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, — you have ever experienced any reaction after colouring your hair, — you have experienced a reaction to a temporary 'black henna' tattoo in the past." Do not use to dye eyelashes or eyebrows b) Can cause allergic reaction Do not use to dye eyelashes or eyebrows

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
204	2,3-Dihydro-1H-indole-5,6-diol and its hydrobromide salt Dihydroxyindoline CAS No 29539-03-5 Dihydroxyindoline HBr CAS No 138937-28-7	Hair dye substance in non- oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	2.0%	The free base and salts of this hair colouring ingredient, unless prohibited under Annex II, are permitted for use. The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	Can cause allergic reaction Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
205 (219) EU 344/2013	1-Hydroxy-3-nitro-4-(3-hydroxypropylamino)benzene 4-Hydroxypropylamino-3-nitrophenol CAS No 92952-81-3	(a) Hair dye substance in oxidative hair dye products (b) Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	(b) 2.6 %	(a) After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 2.6 % calculated as free base. For (a) and (b): <ul style="list-style-type: none"> Do not use with nitrosating agents Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg⁽²¹⁾ Keep in nitrite-free containers The free base and salts of this hair colouring ingredient, unless prohibited under Annex II, are permitted for use. The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	(a) The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, you have ever experienced any reaction after colouring your hair, you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past (a) and (b) Do not use to dye eyelashes or eyebrows
206	Verbena absolute (Lippia citriodora Kunth.) CAS No 8024-12-2		0.2%		

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
207 (197)	Ethyl-N-alpha-dodecanoyl-L-arginate hydrochloride Ethyl Lauroyl Arginate HCl CAS No 60372-77-2	(a) Soap (b) anti-dandruff shampoos (c) deodorants, (not in the form of a spray)	0.8%	For purposes other than inhibiting the development of micro-organisms in the product. This purpose has to be apparent from the presentation of the product. As a preservative, see Annexe VI, Part 1, No 58	


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
208 (233)	1-(beta- Aminoethyl)amino-4- (beta- hydroxyethyl)oxy-2-nitrobenzene and its salts HC Orange No 2 CAS No 85765-48-6	Hair dye substance in non- oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	1.0%	<ul style="list-style-type: none"> Do not use with nitrosating agents Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg⁽²¹⁾ Keep in nitrite-free containers <p>The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.</p>	<p>To be printed on the label:</p> <p> Hair colorants can cause severe allergic reactions.</p> <p>Read and follow instructions.</p> <p>This product is not intended for use on persons under the age of 16.</p> <p>Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy.</p> <p>Do not colour your hair if:</p> <ul style="list-style-type: none"> - you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, - you have ever experienced any reaction after colouring your hair, - you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past <p>Do not use to dye eyelashes or eyebrows</p>


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
209 (236)	2-[(2-methoxy-4-nitrophenyl)amino]ethanol and its salts 2-Hydroxyethylamino- 5-nitroanisole CAS No 66095-81-6	Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	0.2%	<ul style="list-style-type: none"> Do not use with nitrosating agents Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg⁽²¹⁾ Keep in nitrite-free containers <p>The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.</p>	Do not use to dye eyelashes or eyebrows
210-214 Note: EU 210-214 appear as ACD 260-264	Entries left intentionally blank				


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
215	4-Amino-3-nitrophenol CAS No. 610-81-1	a) Hair dye substance in oxidative hair dye products		(a) After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 1.5%	<p>(a) The mixing ratio must be printed on the label.</p> <p> Hair colorants can cause severe allergic reactions.</p> <p>Read and follow instructions.</p> <p>This product is not intended for use on persons under the age of 16.</p> <p>Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy.</p> <p>Do not colour your hair if:</p> <ul style="list-style-type: none"> • you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, • you have ever experienced any reaction after colouring your hair, • you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past <p>Do not use to dye eyelashes or eyebrows</p>


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
		(b) Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	b) 1.0%	(a) and (b): The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	(b)  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> • you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, • you have ever experienced any reaction after colouring your hair, • you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
216	Naphthalene-2,7-diol 2,7-Naphthalenediol CAS No 582-17-2	(a) Hair dye substance in oxidative hair dye products (b) Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	(b) 1.0%	(a) After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 1.0% (a) and (b): The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	(a) The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> • you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, • you have ever experienced any reaction after colouring your hair, • you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past (a) and (b) Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
217	<p>m-Aminophenol and its salts</p> <p>m-Aminophenol m-Aminophenol HCl m-Aminophenol sulphate CAS No 591-27-5 / 51-81-0 / 68239-81-6 / 38171-54-9</p>	<p>Hair dye substance in oxidative hair dye products</p> <p>Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.</p>		<p>After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 1.2 %.</p> <p>The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.</p>	<p>To be printed on the label:</p> <p>The mixing ratio.</p> <p> Hair colorants can cause severe allergic reactions.</p> <p>Read and follow instructions.</p> <p>This product is not intended for use on persons under the age of 16.</p> <p>Temporary 'black henna' tattoos may increase your risk of allergy.</p> <p>Do not colour your hair if:</p> <ul style="list-style-type: none"> — you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, — you have ever experienced any reaction after colouring your hair, — you have experienced a reaction to a temporary 'black henna' tattoo in the past. <p>Do not use to dye eyelashes or eyebrows</p>


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
218	6-Hydroxy-3,4-dimethyl-2-pyridone 2,6-Dihydroxy-3,4-dimethylpyridine CAS No 84540-47-6	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 1.0% The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> • you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, • you have ever experienced any reaction after colouring your hair, • you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past Do not use to dye eyelashes or eyebrows
219-221 Note: EU 219-221 appears as ACD 205,196 & 277.	Entries left intentionally blank				


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
222	1-Hydroxy-2-beta-hydroxyethylamino- 4,6-dinitrobenzene 2-Hydroxyethyl picramic acid CAS No 99610-72-7	(a) Hair dye substance in oxidative hair dye products (b) Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	(b) 2.0 %	(a) After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 1.5 % For (a) and (b): • Do not use with nitrosating agents • Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg ⁽²¹⁾ • Keep in nitrite-free containers The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	(a) The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: - you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, - you have ever experienced any reaction after colouring your hair, - you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past (a) and (b) Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
223	p-Methylaminophenol and its sulphate p-Methylaminophenol p-Methylaminophenol sulphate CAS No 150-75-4/ 55-55-0 / 1936-57-8	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 0.68 % (as sulphate) <ul style="list-style-type: none"> Do not use with nitrosating agents Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg⁽²¹⁾ Keep in nitrite-free containers The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, you have ever experienced any reaction after colouring your hair, you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past Do not use to dye eyelashes or eyebrows
224 Note: EU 224 appears as ACD 200.	Entry left intentionally blank				


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
225	1-(beta-Hydroxyethyl)amino-2-nitro-4-N-ethyl-N-(. beta.-hydroxyethyl)aminobenzene and its hydrochloride' HC Blue No 12 CAS No 104516-93-0/ CAS No 132885-85-9 (HCl)	(a) Hair dye substance in oxidative hair dye products (b) Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	(b) 1.5% (as hydrochloride)	(a) After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 0.75 % (as hydrochloride) For (a) and (b): <ul style="list-style-type: none"> Do not use with nitrosating agents Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg⁽²¹⁾ Keep in nitrite-free containers The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	(a) The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, you have ever experienced any reaction after colouring your hair, you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past (a) and (b) Do not use to dye eyelashes or eyebrows
226 Note: EU 226 appears as ACD 202	Entry left intentionally blank				


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
227	3-Amino-2,4-dichlorophenol and its hydrochloride 3-Amino-2,4-dichlorophenol 3-Amino-2,4-dichlorophenol HCl CAS No 61693-42-3 / CAS No 61693-43-4	(a) Hair dye substance in oxidative hair dye products (b) Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	(b) 1.5% (as hydrochloride)	(a) After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 1.5 % (as hydrochloride) (a) and (b): The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	(a) The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> • you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, • you have ever experienced any reaction after colouring your hair, • you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past (a) and (b) Do not use to dye eyelashes or eyebrows
228-229	Entries left intentionally blank				
Note: EU 228-229 appears as ACD 230 & 232.					


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
230 (228)	3-Methyl -1- phenyl -5-pyrazolone Phenyl Methyl Pyrazolone CAS No. 89-25-8	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 0.25%. The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	To be printed on the label: The mixing ratio.  "Hair colourants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary 'black henna' tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: - you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, - you have ever experienced any reaction after colouring your hair, - you have experienced a reaction to a temporary 'black henna' tattoo in the past. Do not use to dye eyelashes or eyebrows
231 Note: EU 231 appears as ACD 197	Entry left intentionally blank				


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
232 (229)	5-[(2-Hydroxyethyl)amino]-o-cresol 2-Methyl-5-hydroxyethylaminophenol CAS No 55302-96-0	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 1.5 % <ul style="list-style-type: none"> Do not use with nitrosating agents Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg⁽²¹⁾ Keep in nitrite-free containers The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, you have ever experienced any reaction after colouring your hair, you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past Do not use to dye eyelashes or eyebrows
233 Note: EU 233 appears as ACD 208.	Entry left intentionally blank				


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
234 (230)	3,4-Dihydro-2H-1,4-benzoxazin-6-ol Hydroxybenzomorpholine CAS No 26021-57-8	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 1.0 % <ul style="list-style-type: none"> • Do not use with nitrosating agents • Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg⁽²¹⁾ • Keep in nitrite-free containers The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> • you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, • you have ever experienced any reaction after colouring your hair, • you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past Do not use to dye eyelashes or eyebrows
235-236 Note: EU 235-236 appears as ACD 198 & 209.	Entries left intentionally blank				


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
237	2,2'-(4-Amino-3-nitrophenyl) imino]bisethanol and its hydrochloride HC Red No 13 CAS No 29705-39-3/94158-13-1	(a) Hair dye substance in oxidative hair dye products (b) Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	(b) 2.5% (as hydrochloride)	(a) After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 1.25 % (as hydrochloride) (a) and (b): The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	(a) The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: - you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, - you have ever experienced any reaction after colouring your hair, - you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past (a) & (b) Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
238 (232)	2,6-Dimethoxy-3,5-pyridinediamine and its hydrochloride 2,6-Dimethoxy-3,5-pyridinediamine 2,6-Dimethoxy-3,5-pyridinediamine HCl CAS No 56216-28-5 / CAS No 85679- 78-3	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 0.25 % (as hydrochloride) The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	To be printed on the label. The mixing ratio.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> • you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, • you have ever experienced any reaction after colouring your hair, • you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
239 (234)	Ethanol, 2-[(4-amino-2-methyl-5-nitrophenyl)amino]- and its salts HC Violet No 1 CAS No 82576-75-8	(a) Hair dye substance in oxidative hair dye products (b) Hair dye substance in non-oxidative hair dye products	(b) 0.28%	a) After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 0.25 % (a) & (b) • Do not use with nitrosating agents • Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg ⁽²¹⁾ • Keep in nitrite-free containers The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	(a) The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: • you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, • you have ever experienced any reaction after colouring your hair, • you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past (a) & (b) Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
					<p>(b)  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if:</p> <ul style="list-style-type: none"> • you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, • you have ever experienced any reaction after colouring your hair, • you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past
240 Note: EU 240 appears as ACD 265.	Entry left intentionally blank				


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
241 (238)	Naphthalene-1,5-diol 1,5-Naphthalenediol CAS No 83-56-7	(a) Hair dye substance in oxidative hair dye products (b) Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	(b) 1.0 %	(a) After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 1.0 % (a) and (b): The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	(a) The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> • you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, • you have ever experienced any reaction after colouring your hair, • you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past (a) & (b) Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
242 (239)	Hydroxypropyl bis(N-hydroxyethyl-p-phenylenediamine) and its tetrahydrochloride Hydroxypropyl bis(N-hydroxyethyl-p-phenylenediamine) HCl CAS No 128729-30-6 / 128729-28-2	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 0.4 % (as tetrahydrochloride) The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> • you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, • you have ever experienced any reaction after colouring your hair, • you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
243 (241)	5-Amino-o-cresol 4-Amino-2-hydroxytoluene CAS No 2835-95-2	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 1.5 % The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> • you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, • you have ever experienced any reaction after colouring your hair, • you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
244 (242)	2,4-Diaminophenoxyethanol, its hydrochloride and its sulphate 2,4-Diaminophenoxyethanol HCl 2,4-Diaminophenoxyethanol sulphate CAS No 70643-19-5/ 66422-95-5/ 70643-20-8	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 2.0 % (as hydrochloride) The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> • you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, • you have ever experienced any reaction after colouring your hair, • you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
245 (243)	1,3-benzenediol, 2-methyl 2-Methylresorcinol CAS No 608-25-3	(a) Hair dye substance in oxidative hair dye products (b) Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	(b) 1.8 %	(a) After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 1.8 % (a) and (b): The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	(a) The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> • you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, • you have ever experienced any reaction after colouring your hair, • you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past (a) and (b) Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
246 (244)	4-Amino-m-cresol 4-Amino-m-cresol CAS No 2835-99-6	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 1.5 % The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: - you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, - you have ever experienced any reaction after colouring your hair, - you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past Do not use to dye eyelashes or eyebrows
247 Note: EU 247 appears as ACD 199.	Entry left intentionally blank				



ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
248 (245)	2-[(3-amino-4-methoxyphenyl) amino]ethanol and its sulphate 2-Amino-4-hydroxyethylaminoanisole 2-Amino-4-hydroxyethylaminoanisole sulfate CAS No 83763-47-7/83763-48-8	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 1.5 % (as sulphate) <ul style="list-style-type: none"> • Do not use with nitrosating agents • Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg⁽²¹⁾ • Keep in nitrite-free containers <p>The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.</p>	The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> • you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, • you have ever experienced any reaction after colouring your hair, • you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past <p>Do not use to dye eyelashes or eyebrows</p>

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
249 (246)	Hydroxyethyl-3,4- methylenedioxyaniline and its hydrochloride Hydroxyethyl-3,4- methylenedioxyaniline HCl CAS No 94158-14-2	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 1.5 % <ul style="list-style-type: none"> • Do not use with nitrosating agents • Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg⁽²¹⁾ • Keep in nitrite-free containers The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> • you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, • you have ever experienced any reaction after colouring your hair, • you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

<p>250 (248)</p>	<p>4-[(2-Hydroxyethyl)amino]-3-nitrophenol</p> <p>3-Nitro-p-hydroxyethylaminophenol</p> <p>CAS No 65235-31-6</p>	<p>(a) Hair dye substance in oxidative hair dye products</p> <p>(b) Hair dye substance in non-oxidative hair dye products</p> <p>Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.</p>	<p>b) 1.85 %</p>	<p>(a) After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 3.0 %</p> <p>For (a) and (b):</p> <ul style="list-style-type: none"> • Do not use with nitrosating agents • Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg⁽²¹⁾ • Keep in nitrite-free containers <p>The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.</p>	<p>a) The mixing ratio must be printed on the label.</p> <p> Hair colorants can cause severe allergic reactions.</p> <p>Read and follow instructions.</p> <p>This product is not intended for use on persons under the age of 16.</p> <p>Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy</p> <p>Do not colour your hair if:</p> <ul style="list-style-type: none"> • you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, • you have ever experienced any reaction after colouring your hair, • you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past <p>Do not use to dye eyelashes or eyebrows</p> <p> (b) Hair colorants can cause severe allergic reactions.</p> <p>Read and follow instructions.</p> <p>This product is not intended for use on persons under the age of 16.</p> <p>Do not use to dye eyelashes or eyebrows</p>
----------------------	--	---	------------------	---	--


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
					<p>Temporary “black henna” tattoos may increase your risk of allergy.</p> <p>Do not colour your hair if:</p> <ul style="list-style-type: none"> • you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, • you have ever experienced any reaction after colouring your hair, • you have experienced a reaction to a temporary “black henna” tattoo in the past


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
251 (249)	1-(beta-Ureidoethyl)amino-4-nitrobenzene 4-Nitrophenyl aminoethylurea CAS No 27080-42-8	(a) Hair dye substance in oxidative hair dye products (b) Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	b) 0.5 %	(a) After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 0.25 % For (a) and (b): <ul style="list-style-type: none"> Do not use with nitrosating agents Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg⁽²¹⁾ Keep in nitrite-free containers The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	(a) The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, you have ever experienced any reaction after colouring your hair, you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past (a) and (b) Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
252	2-Amino-6-chloro-4-nitrophenol 2-Amino-6-chloro-4-nitrophenol CAS No 6358-09-4	(a) Hair dye substance in oxidative hair dye products (b) Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	(b) 2.0 %	(a) After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 2.0 % (a) and (b): The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	(a) To be printed on the label: The mixing ratio  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: - you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, - you have ever experienced any reaction after colouring your hair, - you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past (a) and (b) Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
					<p>(b)  Hair colorants can cause severe allergic reactions.</p> <p>Read and follow instructions.</p> <p>This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if:</p> <ul style="list-style-type: none"> - you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, - you have ever experienced any reaction after colouring your hair, - you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
253 (198)	2,2'-[(4-Aminophenyl) imino] bis (ethanol) sulphate N,N-bis (2-Hydroxyethyl)- p- Phenylenediamine Sulfate CAS No 54381-16-7	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 2,5 % (calculated as sulphate) - Do not use with nitrosating agents - Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg ⁽²¹⁾ - Keep in nitrite-free containers The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> • you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, • you have ever experienced any reaction after colouring your hair, • you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past Do not use to dye eyelashes or eyebrows Indonesia only: "Rinse the eyes immediately if product comes into contact with them because it can cause irritation".


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
254 (199)	1,3-Benzenediol, 4-chloro- 4-Chlororesorcinol CAS No 95-88-5	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 2.5% The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> • you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, • you have ever experienced any reaction after colouring your hair, • you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
255 (200)	2,4,5,6-Tetraaminopyrimidine sulphate Tetraaminopyrimidine Sulfate CAS No 5392-28-9	(a) Hair dye substance in oxidative hair dye products (b) Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	(b) 3.4%(calculated as sulphate)	(a) After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 3.4% (calculated as sulphate) (a) and (b): The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	(a) The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: - you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, - you have ever experienced any reaction after colouring your hair, - you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past (a) and (b) Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
256 (206)	3-(2-Hydroxyethyl)-p- phenylene diammonium sulphate Hydroxyethyl-p- Phenylenediamine Sulfate CAS No 93841-25-9	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 2.0% (calculated as sulphate) Indonesia only: After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 0.5% (calculated as sulphate). The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: - you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, - you have ever experienced any reaction after colouring your hair, - you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past Do not use to dye eyelashes or eyebrows Indonesia only: Rinse immediately if product comes into contact with eyes.


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
257 (207)	1H-Indole-5,6-diol Dihydroxyindole CAS No 3131-52-0	(a) Hair dye substance in oxidative hair dye products (b) Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	(b) 0.5%	(a) After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 0.5% (a) and (b): The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	(a) The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> • you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, • you have ever experienced any reaction after colouring your hair, • you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past (a) and (b) Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
258 (208)	5-Amino-4-chloro-2-methylphenol hydrochloride 5-Amino-4-Chloro-o-Cresol HCl CAS No 110102-85-7	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 1.5% (calculated as hydrochloride) The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> • you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, • you have ever experienced any reaction after colouring your hair, • you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
259 (209)	1H-Indol-6-ol 6-Hydroxyindole CAS No 2380-86-1	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 0.5% Indonesia only: After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 0.1% The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> • you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, • you have ever experienced any reaction after colouring your hair, • you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
260 (210)	1H-Indole-2,3-Dione Isatin CAS No 91-56-5	Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	1.6%	The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	 <p>Hair colorants can cause severe allergic reactions.</p> <p>Read and follow instructions.</p> <p>This product is not intended for use on persons under the age of 16.</p> <p>Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy.</p> <p>Do not colour your hair if:</p> <ul style="list-style-type: none"> • you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, • you have ever experienced any reaction after colouring your hair, • you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past <p>Do not use to dye eyelashes or eyebrows</p>


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
261 (211)	2-Aminopyridin-3-ol 2-Amino-3-Hydroxypyridine CAS No 16867-03-1	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 1.0% The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> • you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, • you have ever experienced any reaction after colouring your hair, • you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
262 (212)	2-Methyl-1-naphthyl acetate 1-Acetoxy-2-Methylnaphthalene CAS No 5697-02-9	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 2.0% (When both 2-Methyl-1-Naphthol and 1-Acetoxy-2- Methylnaphthalene are present in a hair dye formulation, the maximum concentration on the head of 2-Methyl-1-Naphthol should not exceed 2.0%) The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> • you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, • you have ever experienced any reaction after colouring your hair, • you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
263 (213)	1-Hydroxy-2-methylnaphthalene 2-Methyl-1-Naphthol CAS No 7469-77-4	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 2.0% (When both 2-Methyl-1-Naphthol and 1-Acetoxy-2- Methylnaphthalene are present in a hair dye formulation, the maximum concentration on the head of 2-Methyl-1-Naphthol should not exceed 2.0%) The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> • you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, • you have ever experienced any reaction after colouring your hair, • you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
264 (214)	Disodium 5,7-dinitro-8-oxido-2-naphthalenesulfonate CI 10316 Acid Yellow 1 CAS No 846-70-8	(a) Hair dye substance in oxidative hair dye products (b) Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	(b) 0.2%	(a) After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 1.0% (a) and (b): The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	For a) To be printed on the label: The mixing ratio For a) and b)  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> • you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, • you have ever experienced any reaction after colouring your hair, • you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
265 (240)	4-Nitro-1,2-phenylenediamine 4-Nitro-o-Phenylenediamine CAS No 99-56-9	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 0.5% Indonesia only: After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 0.1% The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> • you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, • you have ever experienced any reaction after colouring your hair, • you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
266 (251)	2-(4-Amino-3-nitroanilino)ethanol HC Red No 7 CAS No 24905-87-1	Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	1.0 %	<ul style="list-style-type: none"> Do not use with nitrosating agents Maximum nitrosamine content: 50µg/kg⁽²¹⁾ Keep in nitrite-free containers. <p>Indonesia only: Not permitted</p> <p>The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.</p>	 Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, you have ever experienced any reaction after colouring your hair, you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past <p>Do not use to dye eyelashes or eyebrows</p>
267 (253)	2-[bis(2-Hydroxyethyl)amino]-5-nitrophenol HC Yellow No 4 CAS No 59820-43-8	Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	1.5%	<ul style="list-style-type: none"> Do not use with nitrosating agents Maximum nitrosamine content: 50µg/kg⁽²¹⁾ Keep in nitrite-free containers. <p>The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.</p>	Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
268 (255)	2-[(2-Nitrophenyl)amino] ethanol HC Yellow No 2 CAS No 4926-55-0	(a) Hair dye substance in oxidative hair dye products (b) Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	(b) 1.0%	(a) After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 0.75% For (a) and (b): <ul style="list-style-type: none"> Do not use with nitrosating agents Maximum nitrosamine content: 50µg/kg⁽²¹⁾ Keep in nitrite-free containers. The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	(a) The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, you have ever experienced any reaction after colouring your hair, you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past (a) and (b) Do not use to dye eyelashes or eyebrows
269 (256)	4-[(2-Nitrophenyl)amino]phenol HC Orange No 1 CAS No 54381-08-7	Hair dye substance in non- oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	1.0%	The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
270 (258)	2-Nitro-N1-phenyl-benzene-1,4-diamine HC Red No 1 CAS No 2784-89-6	Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	1.0%	The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	 Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> - you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, - you have ever experienced any reaction after colouring your hair, - you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past Do not use to dye eyelashes or eyebrows
271 (259)	1-Methoxy-3-(β-aminoethyl) amino-4-nitrobenzene, hydrochloride HC Yellow No 9 CAS No 86419-69-4	Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	0.5% (calculated as hydrochloride)	<ul style="list-style-type: none"> • Do not use with nitrosating agents • Maximum nitrosamine content: 50µg/kg⁽²¹⁾ • Keep in nitrite-free containers. The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
272 (260)	1-(4'-Aminophenylazo)-2-methyl- 4-(bis-2-hydroxyethyl) aminobenzene HC Yellow No 7 CAS No 104226-21-3	Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	0.25%	The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	Do not use to dye eyelashes or eyebrows
273 (261)	N-(2-Hydroxyethyl)-2-nitro-4-trifluormethyl-aniline HC Yellow No 13 CAS No 10442-83-8	(a) Hair dye substance in oxidative hair dye products (b) Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	(b) 2.5%	(a) After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 2.5% For (a) and (b): - Do not use with nitrosating agents - Maximum nitrosamine content: 50µg/kg ⁽²¹⁾ - Keep in nitrite-free containers. The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	(a) The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: - you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, - you have ever experienced any reaction after colouring your hair, - you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past (a) and (b) Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
274 (262)	Benzenaminium, 3-[(4,5-dihydro- 3- methyl-5-oxo-1-phenyl-1H- pyrazol-4- yl)azo]-N,N,Ntrimethyl-, chloride Basic Yellow 57 CAS No 68391-31-1	Hair dye substance in non- oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	2.0%	The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	Do not use to dye eyelashes or eyebrows
275 (263)	Ethanol, 2,2'-[[4-[(4-aminophenyl) azo]phenyl]imino]bis- Disperse Black 9 CAS No 20721-50-0	Hair dye substance in non- oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	0.3% (of the mixture in the ratio 1:1 of 2,2'-[4-(4- aminophenylazo)phenylimi no] diethanol and lignosulfate)	The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	Do not use to dye eyelashes or eyebrows
276 (264)	9,10-Anthracenedione, 1,4-bis [(2,3- dihydroxypropyl)amino]- HC Blue No 14 CAS No 99788-75-7	Hair dye substance in non- oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	0.3%	- Do not use with nitrosating agents - Maximum nitrosamine content: 50µg/kg ⁽²¹⁾ - Keep in nitrite-free containers. The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
277 (221)	2-(4-Methyl-2-nitroanilino)ethanol Hydroxyethyl-2-Nitro-p-Toluidine CAS No 100418-33-5	(a) Hair dye substance in oxidative hair dye products (b) Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	(b) 1.0%	(a) After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 1.0% For (a) and (b): <ul style="list-style-type: none"> • Do not use with nitrosating agents • Maximum nitrosamine content: 50µg/kg⁽²¹⁾ • Keep in nitrite-free containers. The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	(a) The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> - you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, - you have ever experienced any reaction after colouring your hair, - you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past (a) and (b) Do not use to dye eyelashes or eyebrows

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
278 (250)	1-Amino-2-nitro-4-(2',3'- dihydroxypropyl)amino-5- chlorobenzene + 1,4-bis-(2',3'- dihydroxypropyl)amino-2-nitro-5- chlorobenzene and its salts HC Red No 10 + HC Red No 11 CAS No 95576-89-9 + 95576- 92-4	(a) Hair dye substance in oxidative hair dye products (b) Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	(b) 2.0%	(a) After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 1.0% For (a) and (b): <ul style="list-style-type: none"> Do not use with nitrosating agents Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg⁽²¹⁾ Keep in nitrite-free containers The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	(a) The mixing ratio must be printed on the label.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: <ul style="list-style-type: none"> you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, you have ever experienced any reaction after colouring your hair, you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past (a) and (b) Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
279	<p>2,3-Diamino-6,7- dihydro-1H,5H- pyrazolo[1,2-a] Pyrazol-1-one dimethanesulfonate</p> <p>2,3-Diaminodihydropyrazolo pyrazolone Dimethosulfonate</p> <p>CAS No 857035-95-1</p>	<p>Hair dye substance in oxidative hair dye products</p> <p>Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.</p>		<p>After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 2.0 %</p> <p>The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.</p>	<p>To be printed on the label: The mixing ratio.</p> <p> "Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions.</p> <p>This product is not intended for use on persons under the age of 16.</p> <p>Temporary 'black henna' tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if:</p> <ul style="list-style-type: none"> - you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, - you have ever experienced any reaction after colouring your hair, - you have experienced a reaction to a temporary 'black henna' tattoo in the past." <p>Do not use to dye eyelashes or eyebrows</p>


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
282	1-Propanaminium, 3-[[9,10-dihydro- 4-(methylamino)- 9,10-dioxo-1-anthracenyl] amino]-N,N-dimethyl-N-propyl-,bromide HC Blue 16 CAS No. 502453-61-4	Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	3.0 %	- Do not use with nitrosating agents - Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg ⁽²¹⁾ - Keep in nitrite-free containers The direction for use “wear suitable gloves” must be included in label or leaflet text.	Do not use to dye eyelashes or eyebrows

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
283	<p>3-amino-2-chlor- 6-methylphenol 3-amino-4-chloro-6-methylphenol HCl</p> <p>5-Amino-6-Chloro-O-Cresol CAS No. 84540-50-1</p> <p>5-Amino-6-Chloro-O-Cresol HCl CAS No. 80419-48-3</p>	<p>(a) Hair dye substance in oxidative hair dye products</p> <p>(b) Hair dye substance in non-oxidative hair dye products</p> <p>Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.</p>	(b) 0.5 %	<p>(a) After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 1.0 %</p> <p>(a) and (b): The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.</p>	<p>(a) To be printed on the label: The mixing ratio.</p> <p> "Hair colorants can cause severe allergic reactions.</p> <p>Read and follow instructions.</p> <p>This product is not intended for use on persons under the age of 16.</p> <p>Temporary 'black henna' tattoos may increase your risk of allergy.</p> <p>Do not colour your hair if:</p> <ul style="list-style-type: none"> - you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, - you have ever experienced any reaction after colouring your hair, - you have experienced a reaction to a temporary 'black henna' tattoo in the past. <p>(a) and (b) Do not use to dye eyelashes or eyebrows</p>

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
285	Pyridine-2,6- diyldiamine 2,6-Diaminopyridine CAS No. 141-86-6	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 0.15 % The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	To be printed on the label: The mixing ratio.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary 'black henna' tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: - you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, - you have ever experienced any reaction after colouring your hair, - you have experienced a reaction to a temporary 'black henna' Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
289 (265)	1,4-Diaminoanthraquinone Disperse Violet 1 CAS 128-95-0	Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	0.5 %	Impurity of Disperse Red 15 in Disperse Violet 1 for hair dye formulations should be < 1 % (w/w) The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
291 (267)	[7-Hydroxy-8-[(2-methoxyphenyl)azo]- 2-naphthyl]trimethylammonium chloride Basic Red 76 CAS 68391-30-0	Hair dye substance in non- oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	2.0 %	The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	Do not use to dye eyelashes or eyebrows

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
293 (269)	Phenol, 2-Amino- 5-Ethyl-, Hydrochloride 2-Amino-5- Ethylphenol HCl CAS No 149861-22-3	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 1.0% The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	To be printed on the label: The mixing ratio.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary 'black henna' tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: — you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp — you have ever experienced any reaction after colouring your hair — you have experienced a reaction to a temporary 'black henna' tattoo in the past. Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
295 (271)	<p>Mixture of (1), (2) & (3) in dispersing agent (lignosulphate):</p> <p>(1) 9,10-Anthracenedione- 1,4-bis[(2-Hydroxyethyl)amino]</p> <p>(2) 9,10-Anthracenedione-1- [(2-Hydroxyethyl)amino]- 4-[(3-Hydroxypropyl)amino]</p> <p>(3) 9,10-anthracenedione- 1,4-bis[(3-hydroxypropyl)amino]</p> <p>Disperse Blue 377 is a mixture of three dyes:</p> <p>(1) 1,4-bis[(2-hydroxyethyl)amino]anthra-9,10-quinone</p> <p>(2) 1-[(2-hydroxyethyl)amino]-4-[(3-hydroxypropyl)amino]anthra- 9,10-quinone</p> <p>(3) 1,4-bis[(3-hydroxypropyl)amino]anthra- 9,10-quinone</p> <p>CAS No (1) 4471-41- 4 (2) 67674- 26-4 (3) 67701- 36-4</p>	<p>Hair dye substance in non-oxidative hair dye products</p> <p>Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.</p>	2.0%	The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
296 (272)	4-Aminophenol p-Aminophenol CAS No 123-30-8	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 0.9 %	The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	To be printed on the label: The mixing ratio. ⚠ Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary 'black henna' tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: — you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, — you have ever experienced any reaction after colouring your hair, — you have experienced a reaction to a temporary 'black henna' tattoo in the past. Do not use to dye eyelashes or eyebrows"


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
297 (273)	4,5-Diamino-1-(2- hydroxyethyl)-1H- pyrazole sulfate (1:1) 1-Hydroxyethyl-4,5- Diamino Pyrazole Sulfate CAS No 155601-30-2	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 3.0 % The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	To be printed on the label: The mixing ratio.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary 'black henna' tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: — you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, — you have ever experienced any reaction after colouring your hair, — you have experienced a reaction to a temporary 'black henna' tattoo in the past. Do not use to dye eyelashes or eyebrows"


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
298 (274)	Quinolinium, 4- formyl-1-methyl-, salt with 4- methylbenzenesulfonic acid (1:1) 4-Formyl-1-Methylquinolinium-p- Toluenesulfonate CAS No 223398-02-5	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 2.5 %. The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	To be printed on the label: The mixing ratio.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary 'black henna' tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: — you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, — you have ever experienced any reaction after colouring your hair, — you have experienced a reaction to a temporary 'black henna' tattoo in the past. Do not use to dye eyelashes or eyebrows"

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
303 (288)	3-[(4-amino-3- methyl-9,10-dioxo-9,10-dihydroanthracen-1- yl)amino]-N,N,N -trimethylpropan-1-aminium, methylsulfate salt HC Blue No 17 CAS No 16517-75-2	(a) Hair dye substance in oxidative hair dye products (b) Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	(b) 2.0 %	(a) After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 2.0 % For (a) and (b): —Do not use with nitrosating agents —Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg ⁽²¹⁾ — Keep in nitrite-free containers The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	(a)To be printed on the label: The mixing ratio.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: — you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, — you have ever experienced any reaction after colouring your hair, —you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past. (a) and (b) Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
304 (289)	Phosphoric acid compound with 4-[(2,6-dichlorophenyl) (4-imino- 3,5-dimethyl-2,5- cyclohexadien-1- ylidene) methyl]-2,6-dimethylaniline (1:1) HC Blue No 15 CAS No 74578-10-2	(a) Hair dye substance in oxidative hair dye products (b) Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	b) 0.2 %	(a) After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 0.2 % (a) and (b): The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	(a) To be printed on the label: The mixing ratio.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: — you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, — you have ever experienced any reaction after colouring your hair, — you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past. (a) and (b) Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
305 (290)	Disodium 2,2'- (9,10-dioxoanthracene- 1,4-diylidimino)bis(5- methylsulphonate Acid Green 25 CAS No 4403-90-	Hair dye substance in non- oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	0.3 %	The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	Do not use to dye eyelashes or eyebrows
306 (291)	Sodium, 4- [(9,10-dihydro-4- hydroxy- 9,10-dioxo-1-anthryl) amino]toluene-3- sulphonate) Acid Violet 43 CAS No 4430-18-6	Hair dye substance in non- oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	0.5 %	The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
307 (292)	1,4-Benzenediamine, 2- (methoxymethyl) 1,4-Benzenediamine, 2-(methoxymethyl)-, sulfate 2-Methoxymethyl-p-Phenylenediamine 2-Methoxymethyl-p-Phenylenediamine Sulfate CAS No 337906-36-2 / 337906-37-3	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 1.8 % (calculated as free base) The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	To be printed on the label: The mixing ratio.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: — you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, — you have ever experienced any reaction after colouring your hair, —you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past. Do not use to dye eyelashes or eyebrows

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
308 (293)	1-N-Methylmorpholiniumpropylamino-4-hydroxyanthraquinone, methyl sulfate Hydroxyanthraquinone-aminopropyl Methyl Morpholinium Methosulfate CAS No 38866-20-5	Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	0.5 %	—Do not use with nitrosating agents —Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg ⁽²¹⁾ — Keep in nitrite-free containers The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	To be printed on the label:  Hair colorants can cause severe allergic reactions Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: — you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, — you have ever experienced any reaction after colouring your hair, —you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past. Do not use to dye eyelashes or eyebrows

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
309 (294)	Ethanol, 2,2'-[[3- methyl-4-[(E)-(4-nitrophenyl)azo] phenyl]imino]bis- Disperse Red 17 CAS No 3179-89-3	(a) Hair dye substance in oxidative hair dye products (b) Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	(b) 0.2 %	(a) After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 2.0 % For (a) and (b) - Do not use with nitrosating agents - Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg ⁽²¹⁾ - Keep in nitrite-free containers (a) and (b): The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	(a) To be printed on the label: The mixing ratio.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: — you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, — you have ever experienced any reaction after colouring your hair, —you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past. (a) and (b) Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
310 (295)	4-Amino-5-hydroxy-3-(4-nitrophenylazo)-6-(phenylazo)-2,7-naphthalenedisulfonic acid, disodium salt Acid Black 1 CAS No 1064-48-8	Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	0.5%	The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	Do not use to dye eyelashes or eyebrows
311 (296)	Disodium 3-hydroxy-4-[(E)-(4-methyl-2-sulfonatophenyl)diazenyl]-2-naphthoate Pigment Red 57 CAS No 5858-81-1	Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	0.4%	The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	Do not use to dye eyelashes or eyebrows
312 (297)	2-(ethoxyethoxy)-ethanol Diethylene glycol monoethyl ether (DEGEE) Ethoxydiglycol CAS No 111-90-0	(a) Oxidative hair dye products (b) Non-oxidative hair dye products (c) Rinse-off products other than hair dye products (d) Other non-spray cosmetic products (e) The following spray products: fine fragrances, hairsprays, anti-perspirants and deodorants.	(a) 7% (b) 5% (c) 10% (d) 2.6% (e) 2.6%	(a) to (e): The level of ethylene glycol impurity in Ethoxydiglycol must be ≤0.1% Not to be used in eye products and oral products.	


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
313 (257)	Polidocanol Laureth – 9 CAS No 3055-99-0	(a) Leave-on products (b) Rinse-off products	(a) 3.0% (b) 4.0%		
314 (298)	Di[2-[4-[(E)-2-[4- [bis(2- hydroxyethyl)aminophenyl]vinyl]pyridin- 1-ium] butanoyl]aminoethyl] di-sulfanyl dichloride HC Red No 17 CAS No 1449471-67-3	Hair dye substance in non- oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	0.5%	— Do not use with nitrosating agents — Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg ⁽²¹⁾ — Keep in nitrite-free containers The direction for use “wear suitable gloves” must be included in label or leaflet text.	Do not use to dye eyelashes or eyebrows


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
315 (299)	Di[2-[4-[(E)-2- [2,4,5- trimethoxyphenyl]vinyl] pyridinin-1-ium] butanoyl]aminoethyl]disulfanyl dichloride HC Yellow No 17 CAS No 1450801-55-4	Hair dye substance in non- oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	0.5%	The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	To be printed on the label:  "Hair colourants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary 'black henna' tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: - you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, - you have ever experienced any reaction after colouring your hair, - you have experienced a reaction to a temporary 'black henna' tattoo in the past. Do not use to dye eyelashes or eyebrows."


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
316 (300)	1H-Pyrazole-4,5- diamine, 1- hexyl-, sulfate (2:1) 1-Hexyl 4,5- Diamino Pyrazole Sulfate CAS No 1361000-03-4	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 1% The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	To be printed on the label:  "Hair colourants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary 'black henna' tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: - you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, - you have ever experienced any reaction after colouring your hair, - you have experienced a reaction to a temporary 'black henna' tattoo in the past. Do not use to dye eyelashes or eyebrows."


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
317 (301)	4-Hydroxy-2,5,6- triaminopyrimidine sulfate 2,5,6-Triamino- 4-Pyrimidinol sulfate CAS No 1603-02-7	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 0.5% The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	To be printed on the label:  "Hair colourants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary 'black henna' tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: - you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, - you have ever experienced any reaction after colouring your hair, - you have experienced a reaction to a temporary 'black henna' tattoo in the past. Do not use to dye eyelashes or eyebrows."


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
318 (302)	2-[(3-Aminopyrazolo[1,5-a]pyridin-2-yl)oxy]ethanol hydrochloride Hydroxyethoxy Aminopyrazolopyridine HCl CAS No 1079221-49-0	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 2.0% The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	To be printed on the label:  "Hair colourants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary 'black henna' tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: - you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, - you have ever experienced any reaction after colouring your hair, - you have experienced a reaction to a temporary 'black henna' tattoo in the past. Do not use to dye eyelashes or eyebrows."

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
319 (303)	Phenol, 3-amino- 2,6-dimethyl 3-Amino-2,6- Dimethylphenol CAS No 6994-64-5	Hair dye substance in oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 2.0% The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	To be printed on the label:  "Hair colourants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary 'black henna' tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: - you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, - you have ever experienced any reaction after colouring your hair, - you have experienced a reaction to a temporary 'black henna' tattoo in the past. Do not use to dye eyelashes or eyebrows."
320 (304)	2-Naphthalenaminium, 8-[(4- amino-3- nitrophenyl)azo]-7-hydroxy-N,N,N- trimethyl-, chloride Basic Brown 17 CAS No 68391-32-2	Hair dye substance in non- oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	2.0%	The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.	Do not use to dye eyelashes or eyebrows

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
321 (305)	3-Amino-7-(dimethylamino)-2-methoxyphenoxazin-5-ium chloride Basic Blue 124 CAS No 67846-56-4	Hair dye substance in non-oxidative hair dye products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	0.5%	<p>— Do not use with nitrosating agents</p> <p>— Maximum nitrosamine content: 50 µg/kg⁽²¹⁾</p> <p>— Keep in nitrite-free containers</p> <p>The direction for use "wear suitable gloves" must be included in label or leaflet text.</p>	<p>To be printed on the label:</p> <p> "Hair colourants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16.</p> <p>Temporary 'black henna' tattoos may increase your risk of allergy.</p> <p>Do not colour your hair if:</p> <ul style="list-style-type: none"> - you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, - you have ever experienced any reaction after colouring your hair, - you have experienced a reaction to a temporary 'black henna' tattoo in the past. <p>Do not use to dye eyelashes or eyebrows."</p>

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
322 (306)	Peanut oil extracts and derivatives Arachis Hypogaea Oil Arachis Hypogaea Seedcoat Extract Arachis Hypogaea Flour Arachis Hypogaea Fruit Extract Arachis Hypogaea Sprout Extract Hydrogenated Peanut Oil Peanut Acid Peanut Glycerides Peanut Oil PEG-6 Esters Peanutamide MEA Peanutamide MIPA Potassium Peanutate Sodium Peanutamphoacetate Sodium Peanutate Sulfated Peanut Oil CAS Nos 8002-03-7/8002-03-7/8002-03-7 8002-03-7/68425-36-5 91051-35-3/91744-77-3 68440-49-3/93572-05-5 61789-56-8/61789-57-9/73138-79-1			Maximum concentration of peanut proteins: 0.5 ppm Except Indonesia	

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
323 (307)	Hydrolyzed wheat protein CAS Nos 94350-06-8 / 222400-28-4 / 70084-87-6 / 100209-50-5			Maximum molecular weight average of the peptides in hydrolysates: 3.5 kDa Except Indonesia	
324 (308)	Tagetes minuta flower extract 91770-75-1 Tagetes minuta flower oil 91770-75-1/8016-84-0	a) Leave-on products b) Rinse-off products	a) 0.01% b) 0.1%	For (a) and (b). Alpha terthienyl (terthiophen) content in the extract/oil ≤ 0.35 %. For (a): Not to be used in sunscreen products and products marketed for exposure to natural /artificial UV light. ⁽²²⁾ For (a) and (b): In case of combined use with Tagetes patula (entry 325) or Tagetes erecta (entry 327), the total combined content of Tagetes in ready for use preparation shall not exceed the maximum concentration limits set out in column (d)	


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
325 (309)	Tagetes patula flower extract 91722-29-1 Tagetes patula flower oil 91722-29-1/8016-84-0	a) Leave-on products b) Rinse-off products	a) 0.01% b) 0.1%	For (a) and (b). Alpha terthienyl (terthiophen) content in the extract/oil ≤ 0.35 %. For (a): Not to be used in sunscreen products and products marketed for exposure to natural /artificial UV light. ⁽²²⁾ For (a) and (b): In case of combined use with Tagetes minuta (entry 324) or Tagetes erecta (entry 327), the total combined content of Tagetes in ready for use preparation shall not exceed the maximum concentration limits set out in column (d)	
326 (310)	1-(4-Chlorophenoxy)- 1-(imidazol-1-yl)- 3,3- dimethylbutan-2-one Climbazole 38083-17-9	a) Rinse-off Anti-Dandruff Shampoo b) Rinse-off Anti-Dandruff Conditioners For (b):	a) 2.0% b) 0.5%	For (a) and (b): for purposes other than inhibiting the development of micro-organisms in the product. This purpose has to be apparent from the presentation of the product.	


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
327 (1383 Annex II)	Tagetes erecta flower extract 90131-43-4 Tagetes erecta flower oil 90131-43-4	a) Leave-on products b) Rinse-off products	a) 0.01% b) 0.1%	For (a) and (b). Alpha terthienyl (terthiophen) content in the extract/oil ≤ 0.35 %. For (a): Not to be used in sunscreen products and products marketed for exposure to natural /artificial UV light. ⁽²²⁾ For (a) and (b): In case of combined use with Tagetes minuta (entry 324) or Tagetes patula (entry 325), the total combined content of Tagetes in ready for use preparation shall not exceed the maximum concentration limits set out in column (d)	
328 (313)	2-Hydroxyethyl Methacrylate HEMA 868-77-9	Nail Products		Professional use only	For professional use only Can cause an allergic reaction


ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
329 (314)	11,14-Dioxa-2,9- diazaheptadec-16- enoic Acid, 4,4,6,16- tetramethyl- 10,15- dioxo, 2-[(2-methyl- 1-oxo-2- propenyl) oxy]ethyl ester DI-HEMA TRIMETHYLHEXYL DICARBAMATE 41137-60-4/ 72869-86-4	Nail Products		Professional use only	For professional use only Can cause an allergic reaction
330 (315)	4-(3-aminopyrazolo[1,5-A] pyridin-2- yl)-1,1-dimethylpiperazin-1-ium chloride hydrochloride Dimethylpiperazinium Aminopyrazolopyridine HCl 1256553- 33-9	Hair dye substance in oxidative hair dye products		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 2 % (calculated as free base)	To be printed on the label: The mixing ratio.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: — you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, — you have ever experienced any reaction after colouring your hair, — you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past.'

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
331 (316)	1-(3-((4-Aminophenyl) amino)propyl)- 3-methyl- 1H-imidazol-3-ium chloride hydrochloride Methylimidazoliumpropyl p- phenylenediamine HCl 220158- 86-1	Hair dye substance in oxidative hair dye products		After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 2 % (calculated as free base)	To be printed on the label: The mixing ratio.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: — you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, — you have ever experienced any reaction after colouring your hair, — you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past.'
332 (317)	Di-[2-[(E)-2-[4-[bis(2- hydroxyethyl)aminophenyl]vinyl] pyridin-1-ium]-ethyl]disulphide dimethanesulfonate HC Orange No 6 1449653- 83-1	Hair dye substance in non- oxidative hair dye products	0.5 %	Methanesulfonates impurities, in particular ethyl methanesulfonate shall not be present.	
333 (318)	Sodium 4-[(2-hydroxy-1- naphthyl)azo]benzene sulfonate Acid Orange 7 633-96-5	Hair dye substance in non- oxidative hair dye products	0.5 %		

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
334 (319)	Phenol, 4,4'-(4,5,6,7-tetrabromo-1,1-dioxido-3H-2,1-benzoxathiol-3-ylidene)bis [2,6-dibromo- Tetrabromophenol Blue 4430-25-5	(a)Hair dye substance in oxidative hair dye products (b)Hair dye substance in non-oxidative hair dye products	0.2 %	After mixing under oxidative conditions the maximum concentration applied to hair must not exceed 0,2 % (calculated as free base)	To be printed on the label: The mixing ratio.  Hair colorants can cause severe allergic reactions. Read and follow instructions. This product is not intended for use on persons under the age of 16. Temporary "black henna" tattoos may increase your risk of allergy. Do not colour your hair if: — you have a rash on your face or sensitive, irritated and damaged scalp, — you have ever experienced any reaction after colouring your hair, — you have experienced a reaction to a temporary "black henna" tattoo in the past.'
335 (320)	<i>Indigofera tinctoria</i> , dried and pulverised leaves of <i>Indigofera tinctoria</i> L <i>Indigofera tinctoria</i> leaf <i>Indigofera tinctoria</i> leaf powder <i>Indigofera tinctoria</i> leaf extract <i>Indigofera tinctoria</i> extract 84775- 63-3	Hair dye substance in non-oxidative hair dye products	25 %		

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
336 (311)	Diphenyl(2,4,6- trimethylbenzoyl) phosphine oxide Trimethylbenzoyl diphenylphosphine oxide 75980- 60-8	Artificial nail systems	5.0 %	Professional use	For professional use only Avoid skin contact Read directions for use carefully
337 (312)	2-Furaldehyde Furfural 98-01-1		0.001 %'		
338 (321)	Titanium dioxide in powder form containing 1% or more of particles with aerodynamic diameter ≤10 µm Titanium Dioxide 13463-67-7/ 1317-70-0/ 1317-80-2	a) face products in loose powder form b) hair aerosol spray products c) other products	a) 25 %; b) 1.4 % for general consumers, and 1.1% for professional use	(a) (b) Only in the pigmentary form c) Not to be used in applications that may lead to exposure of the end-user's lungs by inhalation';	

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
A4	Persulphates of ammonium, potassium or sodium	Hair bleaching products	45% Persulphate before mixing with hydrogen peroxide. Not to exceed 20% after mixing.		Avoid contact with eyes. Test for allergic reaction before use. Stop using and rinse with water if irritation, burning or rash occurs at contact area. Do not use if there is scratch on scalp or dermatitis. Do not scratch heavily during hair wash. Keep out of reach of children and in a cool place.
A5	Entry left intentionally blank				

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
A6	Glycolic and lactic acid, their common salts and simple esters	(a) Skin products (i) For general use (ii) For professional use (iii) For use by a qualified medical practitioner For Thailand only: (iii) For use by a qualified medical practitioner (b) Other products	(a) Skin products (i) ≤ 10% total when calculated as the acids (ii) > 10% - 20% total when calculated as the acids (iii) > 20%, total when calculated as the acids (iii) > 20%-30% total when calculated as the acids (b) Other products None	(a) Skin products (i) Final formulation ≥ pH 3.5 (ii) Final formulation ≥ pH 3.0 (iii) Final formulation ≥ pH 3.0 for products up to 30% total when calculated as the acids. (iii) Final formulation ≥ pH 3.0. (b) Other products None	(a) Skin products <u>All</u> Sunburn alert: This product contains an alpha hydroxy acid (AHA) that may increase your skin's sensitivity to the sun and particularly the possibility of sunburn. Use a sunscreen, wear sun protective clothing, and limit sun exposure while using this product and for a week afterwards. ⁽¹³⁾ (ii) For professional use only (iii) For use by a qualified medical practitioner only. (b) Other products None
A7	Thioacids and their derivatives	All products		Not for use around the eye area.	Not for use around the eye area

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
A8	1,3-Dihydroxy- 2-propanone Dihydroxyacetone 96-26-4	a) Hair dye substance in non- oxidative hair dye products (b) Self-tanning products Use for dyeing eyelashes and eyebrows is not permitted.	(a) 6.25 % (b) 10 %	For (a) and (b):	

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

Ref No ACD # (EU #)	Substance/CAS No ⁽¹⁹⁾	Restrictions			Conditions of use and warning which must be printed on the labels
		Field of application and/or use	Maximum authorised concentration in the ready for use preparation	Other limitations and requirements	
A	B	C	D	E	F
A9	Thiolactic acid and its salts	(a) Hair waving or straightening products (b) Depilatories (c) Other hair care products which are removed after application	(a) 8.5% ready for use at pH<9.5 (b) 5% ready for use pH 7- 12.7 (c) 2% ready for use pH 7- 9.5 For general use of hair waving or straightening products the maximum concentration for combination of Thioglycolic acid and thiolactic acid must not exceed 8% calculated as Thioglycolic Acid.	For (a), (b) and (c): The direction for use drawn up in the national or official language(s) must incorporate the following sentences: - Avoid contact with eyes - In the event of contact with eyes, rinse immediately with plenty of water and seek medical assistance. - Wear suitable gloves (a) and (c) only	(a), (b) and (c) • Contains thiolactic acid • Follow the instructions • Keep out of reach of children.
A10	Tranexamic acid	Skin products	3.0%	Not to be used in products intended to be placed in contact with mucous membranes	

- (1) These substances may be used singly or in combination provided that the sum of the ratios of the levels of each of them in the cosmetic product expressed with reference to the maximum level authorized for each of them does not exceed 1.
- (2) Only if the concentration exceeds 0.05 %.
- (3) Entry deliberately left blank
- (4) The quantity of sodium, potassium or lithium hydroxide is expressed as weight of sodium hydroxide. In cases of mixtures, the sum should not exceed the limits given in column d.
- (5) Entry deliberately left blank

ANNEX III - List of substances which cosmetic products must not contain except subject to restrictions and conditions laid down

- (6) The concentration of sodium, potassium or lithium hydroxide is expressed as weight of sodium hydroxide. In case of mixtures, the sum should not exceed the limits given in column d.
- (7) Entry deliberately left blank
- (8) Solely for products which might be used for children under three years of age.
- (9) Entry deliberately left blank
- (10) Entry deliberately left blank
- (11) Entry deliberately left blank
- (12) For all toothpaste containing 0.1-0.15% fluoride unless it is already labelled as contra-indicated for children (e.g. For adult use only). Must also carry 6mm diameter solid circle between the words "pea sized" and "amount" to indicate actual amount to be used.
- (13) Labeling mandatory for products containing Glycolic and/or Lactic acids at a concentration $\geq 2.5\%$ and do not contain a sunscreen. Not required for products that are intended to be applied to non sun exposed areas of the body, contain a sunscreen or a lower concentration of AHA.
- (14) Entry deliberately left blank
- (15) Entry deliberately left blank
- (16) Entry deliberately left blank
- (17) Entry deliberately left blank
- (18) Entry deliberately left blank
- (19) The CAS Numbers under this column are not exhaustive to cover all the intended substances. They are provided as reference where available.
- (20) The types of salts is not be limited to those listed in this reference.
- (21) The limit of nitrosamine refers to the maximum permitted level in the ingredient, not in the cosmetic product.
- (22) This restriction does not apply to products with secondary UV protection claims, such as moisturizing and skin lightening products as described in the preamble of ASEAN Sunscreen Labeling Guidelines.